BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ TRÌNH ĐỘ THẠC SỸ

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT

của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Giai đoạn đánh giá 2021 - 2026)

Hưng Yên, tháng 09- 2026

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ TRÌNH ĐỘ THẠC SỸ

(kèm theo Quyết định số: 491/QĐ-ĐHI, ngày 24 tháng 09 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom)

Stt	Họ và tên	Chức vụ/đơn vị	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	TS. Trần Ái Cầm	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	ThS. Nguyễn Thanh Việt	Chủ tịch HĐT	Ủy viên	
3	TS. Nguyễn Quốc Tư	Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
4	ThS. Đào Xuân Thủy	Phó trưởng khoa phụ trách Khoa KT	Phó chủ tịch kiêm Trưởng ban thư ký	
5	PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng	Giảng viên	Ủy viên	
6	ThS. Dương Văn Bá	Phó hiệu trưởng - Ủy viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo	Ủy viên	
7	TS. Đỗ Khánh Năm	Phó trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Ủy viên	
8	TS. Trịnh Đình Vinh	Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên	
9	ThS. Nguyễn Hồng Quý	Phó trưởng phòng phụ trách Phòng CTSV	Ủy viên	
10	CN. Lê Huy Hùng	Phó chánh Văn phòng	Ủy viên	
11	ThS. Phạm Ngọc Trụ	Trưởng phòng Phòng TC - PC	Ủy viên	
12	TS. Vũ Thị Sao Chi	Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin –	Ủy viên	

		Thư viện		
13	ThS. Mạc Thị Hằng	Phó trưởng phòng Phòng KH - TC	Ủy viên	
14	ThS. Trịnh Thu Giang	Phó trưởng phòng Phòng Tuyển sinh 1	Ủy viên	
15	TS. Nguyễn Văn Đính	Giảng viên	Ủy viên	
16	TS. Hồ Vân Nga	Giảng viên	Ủy viên	
17	PGS.TS. Nguyễn Cảnh Toàn	Giảng viên	Ủy viên	
18	ThS. Hoàng Văn Hiền	Học viên lớp K5CHQL02	Ủy viên	
19	ThS. Nguyễn Trần Khánh Chi	Trợ lý Khoa Kinh tế	Ủy viên	

Danh sách gồm 19 người./.

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT 6

DANH MỤC BẢNG BIỂU 7

Phần I. KHÁI QUÁT 8

1. Đặt vấn đề 8

a) Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo 8

b) Mục đích, quy trình, phương pháp và công cụ TĐG 9

2. Tổng quan chung 12

a) Khái quát về Trường Đại học Intracom 12

b) Khái quát về Khoa Kinh tế 17

c) Khái quát về CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế 20

d) Bối cảnh và những thay đổi chủ yếu của CTĐT năm 2026 24

e) Khái quát quá trình tự đánh giá 24

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ 25

1. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 25

1.1. Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học. 25

1.2. Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xây dựng rõ ràng; phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo và được phổ biến đến các bên liên quan. 27

1.3. Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn chương trình đào tạo nhóm ngành, bao gồm chuẩn đầu ra chung và chuẩn đầu ra chuyên biệt. 30

1.4. Tiêu chí 1.4: Chuẩn đầu ra của tất cả các học phần được xây dựng phải phù hợp và tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã công bố. 31

1.5. Tiêu chí 1.5: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là bên liên quan bên ngoài. 34

1.6. Tiêu chí 1.6: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được đo lường đánh giá tại thời điểm người học tốt nghiệp. 35

Kết luận tiêu chuẩn 1 37

2. Tiêu chuẩn 2: cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo 38

2.1. Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần có đủ thông tin, được cập nhật, phê duyệt và được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. 38

2.2. Tiêu chí 2.2: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển để bảo đảm người học đạt được chuẩn đầu ra và có khối lượng học tập phù hợp với quy định. 40

2.3. Tiêu chí 2.3: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là các bên liên quan bên ngoài. 42
2.4. Tiêu chí 2.4: Đóng góp của từng học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo là rõ ràng.....43
2.5. Tiêu chí 2.5: Chương trình đào tạo có cấu trúc logic, trình tự hợp lý, có tính linh hoạt và tích hợp. 44
2.6. Tiêu chí 2.6: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo thể hiện rõ các học phần bắt buộc, tự chọn, lý thuyết, thực hành, trải nghiệm, nghiên cứu khoa học, các thành phần chính yếu và bổ trợ; cho phép người học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp của bản thân. 45
2.7. Tiêu chí 2.7: Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo được rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng theo quy trình, quy định; bảo đảm tính cập nhật, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.....47
Kết luận về Tiêu chuẩn 2:.....48
3. Tiêu chuẩn 3: Hoạt động dạy và học 48
3.1. Tiêu chí 3.1: Triết lý giáo dục của cơ sở đào tạo được tuyên bố rõ ràng, được phổ biến đến các bên liên quan và được truyền tải vào các hoạt động dạy và học. 48
3.2. Tiêu chí 3.2: Hoạt động dạy và học được thiết kế tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. 50
3.3. Tiêu chí 3.3: Hoạt động dạy và học thể hiện việc học tập chủ động, thúc đẩy việc học tập, hình thành và phát triển phương pháp học tập và khả năng học tập suốt đời của người học. 51
3.4. Tiêu chí 3.4: Hoạt động dạy và học thúc đẩy người học đưa ra ý tưởng mới, sáng kiến, đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp. 53
3.5. Tiêu chí 3.5: Quá trình dạy và học được cải tiến thường xuyên để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và thúc đẩy việc học tập, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. 54
Kết luận Tiêu chuẩn 3.....56
4. Tiêu chuẩn 4: Đánh giá kết quả học tập 56
4.1. Tiêu chí 4.1: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....56
4.2. Tiêu chí 4.2: Có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập, quy trình phúc khảo, được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán. 58
4.3. Tiêu chí 4.3: Các tiêu chuẩn và quy trình đánh giá kết quả học tập, xét công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán. 60
4.4. Tiêu chí 4.4: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập được thể hiện qua ma trận, tiêu chí và mức độ đánh giá, đáp án, thang điểm chi tiết, kế hoạch đánh giá và các quy định cụ thể để bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.....61

4.5. Tiêu chí 4.5: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập bảo đảm đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra của từng học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. 63

4.6. Tiêu chí 4.6: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời cho người học để người học cải thiện việc học tập, phương pháp học tập và kết quả học tập. 64

4.7. Tiêu chí 4.7: Việc đánh giá kết quả học tập và các quy định về đánh giá kết quả học tập được định kỳ rà soát và cải tiến để bảo đảm đo lường được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.....66

Kết luận Tiêu chuẩn 4:.....68

5. Tiêu chuẩn 5: đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....68

5.1. Tiêu chí 5.1: Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên tham gia chương trình đào tạo được thực hiện nhằm bảo đảm về số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.....68

5.2. Tiêu chí 5.2: Số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình đào tạo theo quy định; khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát để cải tiến chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng. 70

5.3. Tiêu chí 5.3: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định, được đánh giá và được thông tin tới các bên có liên quan trực tiếp. 72

5.4. Tiêu chí 5.4: Giảng viên, nghiên cứu viên được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm. 73

5.5. Tiêu chí 5.5: Việc bổ nhiệm/thăng tiến của giảng viên, nghiên cứu viên dựa trên hệ thống đánh giá năng lực, kết quả giảng dạy, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng. 74

5.6. Tiêu chí 5.6: Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng theo quy định và được phổ biến để tất cả giảng viên, nghiên cứu viên hiểu rõ và thực hiện. 75

5.7. Tiêu chí 5.7: Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định có tính hệ thống; các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được triển khai để đáp ứng nhu cầu.....76

5.8. Tiêu chí 5.8: Công tác quản lý để đánh giá chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của giảng viên, nghiên cứu viên bao gồm cả việc khen thưởng và công nhận được triển khai theo quy định, quy trình cụ thể. 77

Kết luận Tiêu chuẩn 5.....78

6. Tiêu chuẩn 6. Các dịch vụ hỗ trợ người học 78

6.1. Tiêu chí 6.1: Chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh được xác định rõ ràng theo yêu cầu của CTĐT; được công bố công khai và được cập nhật. 79

6.2. Tiêu chí 6.2 Năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ được xác định rõ ràng trong tiêu chí tuyển dụng, trong phân công nhiệm vụ và được đánh giá để bảo đảm phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan 80

6.3. Tiêu chí 6.3 Kế hoạch ngắn hạn và dài hạn đối với dịch vụ hỗ trợ người học được xây

dựng, triển khai thực hiện để bảo đảm đáp ứng đầy đủ và có chất lượng các dịch vụ hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.....82

6.4. Tiêu chí 6.4 Có hệ thống quản lý đào tạo phù hợp để giám sát, ghi nhận được tiến độ, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học; việc phản hồi cho người học và hoạt động khắc phục bất cập được triển khai kịp thời và giúp người học cải thiện việc học tập..83

6.5. Tiêu chí 6.5 Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và tăng khả năng có việc làm của người học 84

6.6. Tiêu chí 6.6 Các dịch vụ hỗ trợ người học được định kỳ đánh giá, đối sánh và cải tiến chất lượng 86

Kết luận Tiêu chuẩn 6.....87

7. Tiêu chuẩn 7 cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị.....88

7.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để triển khai chương trình đào tạo, để hỗ trợ triển khai hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng 88

7.2. Tiêu chí 7.2 Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và trang thiết bị đầy đủ theo yêu cầu của chương trình đào tạo, được cập nhật, được sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu của người học, giảng viên và nghiên cứu viên.....90

7.3. Tiêu chí 7.3 Có thư viện, thư viện số và nguồn học liệu được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, có cập nhật tiến bộ về công nghệ thông tin – truyền thông..91

7.4. Tiêu chí 7.4 Có hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng mạng và máy tính dễ dàng tiếp cận và sử dụng, đáp ứng nhu cầu của người học, giảng viên, nghiên cứu viên, đội ngũ quản lý và nhân viên trong các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, kết nối phục vụ cộng đồng và quản lý hành chính.....93

7.5. Tiêu chí 7.5 Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan thiên nhiên tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và sự thoải mái cho người học.....94

7.6. Tiêu chí 7.6 Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến các nhu cầu của các nhóm người học đặc thù, chuyên biệt (nếu có) 95

7.7. Tiêu chí 7.7 Năng lực đội ngũ hỗ trợ về cơ sở vật chất và trang thiết bị được xác định và được đánh giá đáp ứng nhu cầu các bên liên quan 96

7.8. Tiêu chí 7.8 Chất lượng cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và cải tiến.....98

Kết luận Tiêu chuẩn 7.....99

8. Tiêu chuẩn 8: đầu ra và kết quả đầu ra.....99

8.1. Tiêu chí 8.1: Tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng. 99

8.2. Tiêu chí 8.2: Tỷ lệ việc làm bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học tập nâng cao trình độ của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....101

8.3. Tiêu chí 8.3: Hoạt động nghiên cứu khoa học và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của người học, giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. 102
8.4. Tiêu chí 8.4: Dữ liệu về mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác lập và giám sát để cải tiến chất lượng. 103
8.5. Tiêu chí 8.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng. 105
Kết luận về tiêu chuẩn 8 107
Phần III. KẾT LUẬN 108
1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT (tổng hợp theo từng tiêu chuẩn). 108
2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT (tổng hợp theo từng tiêu chuẩn). 110
3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT (tổng hợp theo từng tiêu chuẩn). 111
4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT 112
Phần IV. PHỤ LỤC 113
1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT: Cung cấp các thông tin tổng quát về đơn vị thực hiện CTĐT và CTĐT. 113
2. Các tư liệu, tài liệu liên quan 117
3. Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình TĐG và viết báo cáo TĐG. 131
4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT 149

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Từ viết tắt	Từ ngữ viết nguyên
1	AI	Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence)
2	CBGV	Cán bộ, giảng viên
3	CĐR	Chuẩn đầu ra
4	CELO/CLO	Chuẩn đầu ra học phần
5	CLĐT	Chất lượng đào tạo
6	CSDL	Cơ sở dữ liệu
7	CSGD	Cơ sở giáo dục
8	CSVC	Cơ sở vật chất
9	CTĐT	Chương trình đào tạo
10	CTSV	Công tác sinh viên
11	CVHT	Cố vấn học tập
12	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
13	ĐMST	Đổi mới sáng tạo
14	ESG	Môi trường, Xã hội và Quản trị (Environmental, Social and Governance)
15	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
16	GDĐH	Giáo dục đại học
17	GV	Giảng viên
18	KĐCL	Kiểm định chất lượng
19	KT&ĐBCL	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
20	LMS	Hệ thống quản lý học tập (Learning Management System)
21	MC	Minh chứng
22	NCKH	Nghiên cứu khoa học
23	NH	Người học
24	OBE	Giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra (Outcome-Based Education)
25	PEO	Mục tiêu giáo dục chương trình (Program Educational Objectives)
26	PLO	Chuẩn đầu ra chương trình (Program Learning Outcomes)
27	PO	Mục tiêu chương trình (Program Objectives)
28	PPC	Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (Program Performance Criteria)
29	PCCC	Phòng cháy, chữa cháy
30	QĐ	Quyết định
31	QLĐT	Quản lý đào tạo
32	SV	Sinh viên
33	TC	Tín chỉ
34	TĐG	Tự đánh giá
35	TKB	Thời khóa biểu
36	QLKT	Quản lý kinh tế

DANH MỤC BẢNG BIỂU

TT	Tên bảng	Trang
1	Bảng 2.1.1. Vai trò thông tin của Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần	39
2	Bảng 2.2.1. Các chỉ số về khối lượng học tập của CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế	40
3	Bảng 2.6.1. Cơ cấu tín chỉ và thành phần CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế	46
4	Bảng 5.1. Các căn cứ xác định nhu cầu và cơ cấu đội ngũ tham gia CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế	69
5	Bảng 5.2. Cơ cấu đội ngũ tham gia CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế	69
6	Bảng 5.3. Kế hoạch cải tiến và phát huy điểm mạnh về đội ngũ	70
7	Bảng 5.4. Các nội dung và chỉ số theo dõi đội ngũ tham gia CTĐT	71
8	Bảng 6.1.1. Số liệu tuyển sinh và quy mô học viên QLKT	79
9	Bảng 7.1.1. Một số chỉ số cơ sở vật chất cấp cơ sở giáo dục phục vụ đào tạo	88
10	Bảng 7.1.2. Cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ các nhóm hoạt động thực hành của CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế	89
11	Bảng 7.3.1. Một số kết quả khảo sát thư viện cấp cơ sở giáo dục năm 2026	92
12	Bảng 7.3. Một số chỉ số theo dõi hạ tầng CNTT phục vụ CTĐT	93
13	Bảng 7.4. Các nội dung theo dõi về môi trường, sức khỏe và an toàn	96
14	Bảng 7.5. Nhóm đội ngũ hỗ trợ và nội dung năng lực cần theo dõi	97
15	Bảng 8.1. Kết quả tuyển sinh, thôi học và tốt nghiệp của CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế	100
16	Bảng 8.2. Kết quả việc làm của người học tốt nghiệp CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế	101
17	Bảng 8.3. Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học và công bố học thuật của Khoa Kinh tế giai đoạn 2021–2026	103

Phần I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

a) Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo

Chất lượng đào tạo (CLĐT) là một trong những nhân tố then chốt quyết định sự tồn tại và phát triển của một cơ sở giáo dục (CSGD) đại học. Việc duy trì và cải thiện CLĐT trong xu thế hội nhập trước yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động, phụng sự cộng đồng và phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước, ngày càng cấp thiết và được các nhà quản lý đặt lên hàng đầu. Trường Đại học Intracom đã nhận thức rõ ý nghĩa, Công tác Tự đánh giá (TĐG) chất lượng giáo dục là công cụ cốt lõi giúp các cơ sở giáo dục đại học đo lường, cải tiến không ngừng, đồng thời là minh chứng thực hiện trách nhiệm giải trình minh bạch với các bên liên quan và toàn xã hội. Đây là tiền đề quan trọng để xây dựng và phát triển một văn hóa chất lượng bền vững bên trong nhà trường.

Trong nhiều năm qua, Trường Đại học Intracom luôn quan tâm đến CLĐT, đã và đang áp dụng nhiều biện pháp nhằm duy trì, cải tiến và nâng cao chất lượng các hoạt động phục vụ đào tạo.

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17/02/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, Trường Đại học Intracom thực hiện tự đánh giá (TĐG) CTĐT ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ để đăng ký kiểm định chất lượng (KĐCL) đào tạo. Quá trình TĐG là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng (ĐBCL) đào tạo, qua đó Trường Đại học Intracom có thể nhận diện các điểm mạnh để phát huy, điểm yếu để có kế hoạch hành động khắc phục nhằm đưa hoạt động đào tạo của Trường đạt được mục tiêu đề ra. Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ gồm 04 phần:

Phần I: TỔNG QUAN. Gồm: Đặt vấn đề, Tổng quan chung, Kết quả rà soát việc đáp ứng quy định về chuẩn CTĐT.

Phần II: TĐG THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ. Trình bày về kết quả TĐG CTĐT ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sỹ theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT ban hành tại Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17/02/2025.

Phần III: KẾT LUẬN. Gồm: Tóm tắt những điểm mạnh và điểm cần phát huy của

CTĐT; Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT; Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng; Tổng hợp kết quả TĐG.

Phần IV: PHỤ LỤC. Gồm: Cơ sở dữ liệu KĐCL CTĐT; Các tư liệu, tài liệu liên quan; Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình TĐG và viết báo cáo TĐG; Bảng tổng hợp kết quả TĐG CTĐT.

Báo cáo TĐG được thực hiện theo đúng quy định hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và đã sử dụng cách mã hóa minh chứng theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef**. Trong đó:

- H: viết tắt "Hộp minh chứng" (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp n ≥ 10 thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ minh họa cú pháp (không phải mã minh chứng thật):

- Hn.ab.cd.ef: n = hộp minh chứng; ab = tiêu chuẩn; cd = tiêu chí; ef = số thứ tự minh chứng.

- Với các tên minh chứng trùng nguyên văn, dùng lại mã cấp tại lần xuất hiện đầu tiên.

- Danh mục minh chứng phải đồng bộ với các mã đã sử dụng trong báo cáo.

Phụ lục danh mục MC được trình bày theo như bảng dưới đây:

Mã minh chứng	Tên MC	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú

b) Mục đích, quy trình, phương pháp và công cụ TĐG

Mục đích TĐG:

Hoạt động TĐG CTĐT thạc sỹ ngành Quản lý kinh tế giúp Nhà trường và Khoa Kinh tế tự rà soát, xem xét, phân tích, đánh giá thực trạng của CTĐT. Kết quả TĐG đối với tất

cả các lĩnh vực như đội ngũ CBGV; công tác đào tạo và QLĐT; CSVC và trang thiết bị, thư viện phục vụ người học; NCKH; công tác quản lý tài chính và các vấn đề liên quan khác, giúp Nhà trường và Khoa Kinh tế phát hiện những tồn tại, thiết lập và triển khai kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao CLĐT.

Hoạt động TĐG CTĐT thạc sỹ ngành Quản lý kinh tế không chỉ là bước chuẩn bị cho công tác đánh giá ngoài mà còn thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Trường Đại học Intracom trong toàn bộ hoạt động ĐT, NCKH, đảm bảo cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng nhằm phục vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường và Khoa Kinh tế

Khoa Kinh tế coi công tác TĐG chất lượng CTĐT là cơ hội tốt để tập thể đội ngũ cán bộ viên chức trong Trường, trong Khoa rà soát, đánh giá lại một cách hệ thống, toàn diện và khách quan toàn bộ CTĐT thạc sỹ ngành Quản lý kinh tế. Từ đó, xác định được mức độ đáp ứng theo Bộ tiêu chuẩn KĐCL do Bộ GD&ĐT ban hành và tương quan với các CTĐT khác của quốc gia, khu vực và quốc tế; xác định những hoạt động cần cải tiến, nhằm nâng cao chất lượng của CTĐT góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của xã hội và của đất nước.

Quy trình TĐG:

Quy trình TĐG được thực hiện một cách khoa học, nghiêm túc, từ việc quán triệt chủ trương, ý nghĩa và yêu cầu của TĐG CTĐT thạc sỹ ngành Quản lý kinh tế trong toàn Trường cho tới khâu hoàn thiện dự thảo báo cáo TĐG theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn. Các bản dự thảo đều có sự tham gia thực hiện và cung cấp MC của các Phòng/Khoa/đơn vị chức năng của Trường và tập thể đội ngũ CBGV, SV, cựu NH, người sử dụng lao động, chuyên gia ngoài trường và được tham khảo ý kiến nội bộ.

Quy trình TĐG CTĐT thạc sỹ ngành Quản lý kinh tế đã được triển khai theo các bước cụ thể sau:

Bước 1. Xác định mục đích, phạm vi TĐG CTĐT thạc sỹ ngành Quản lý kinh tế: Giai đoạn TĐG 2021-2026, có thể cập nhật thông tin đến thời điểm khảo sát chính thức của đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

Bước 2: Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký giúp việc Hội đồng TĐG, các nhóm công tác chuyên trách theo theo QĐ số 491/QĐ-

ĐHI ngày 24/9/2026.

- Hội đồng TĐG gồm 19 thành viên.

- Ban Thư ký giúp việc Hội đồng TĐG gồm 11 thành viên.

- Các nhóm công tác chuyên trách (06 nhóm).

Bước 3. Lập kế hoạch TĐG

Hội đồng TĐG đã xây dựng kế hoạch TĐG nhằm sử dụng có hiệu quả thời gian, nguồn lực và đã được Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom thông qua Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 63/QĐ-ĐHI ngày 02/3/2026.

Bước 4. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng

Căn cứ vào Mẫu Phiếu phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và MC (Mẫu 03) Phiếu TĐG tiêu chí đối với CTĐT (Mẫu 04) thuộc Phụ lục I, Thông tư số 04/2025/TTBGDĐT ngày 17/02/2025 của Bộ GD&ĐT, các nhóm công tác chuyên trách tiến hành thu thập thông tin và minh chứng.

Bước 5. Xử lý, phân tích các thông tin và MC thu được

Bước 6. Viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo TĐG

Bước 7. Hoàn thiện báo cáo TĐG

Bước 8. Công bố báo cáo TĐG trong toàn trường để tiếp nhận ý kiến đóng góp

Bước 9. Tiếp thu ý kiến đóng góp, chỉnh sửa và ban hành báo cáo TĐG

Bươc 10. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành TĐG.

Phương pháp TĐG:

Trường Đại học Intracom và Khoa Kinh tế sử dụng phương pháp thống kê, so sánh, đối chiếu, phân tích trong quá trình TĐG. Theo đó, đối với mỗi tiêu chí của tiêu chuẩn, các nhóm công tác chuyên trách tiến hành các công việc cụ thể sau:

Mô tả và phân tích các hoạt động của CTĐT thạc sỹ ngành Quản lý kinh tế liên quan đến nội hàm của từng tiêu chí.

So sánh với mặt bằng chung, với chính các hoạt động của Khoa Kinh tế và các đơn vị chức năng trong những năm trước hoặc với các quy định của Nhà nước và của Nhà trường để thấy được hiện trạng của Khoa và Trường.

Bám sát nội hàm của tiêu chí, đặc biệt là mốc chuẩn tham chiếu tối thiểu, đưa ra những nhận định về điểm mạnh và những yếu tố cần phát huy, chỉ ra những tồn tại, giải thích nguyên nhân.

Xác định những vấn đề cần cải tiến và đề ra những biện pháp/kế hoạch hành động để cải tiến những vấn đề được phát hiện trong quá trình TĐG.

TĐG mức độ đáp ứng theo mốc chuẩn của từng tiêu chí.

Công cụ TĐG:

Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sỹ và Ban thư ký cùng các nhóm công tác chuyên trách đã sử dụng công cụ là văn bản do Bộ GD&ĐT và Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ GD&ĐT ban hành, cụ thể là: Quy định về KĐCL CTĐT các trình độ của GDĐH theo Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT do Bộ GD&ĐT ban hành ngày 17/02/2025. Trong đó, bao gồm các biểu mẫu liên quan tại Phụ lục I và Hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT tại Phụ lục 2.

Phạm vi TĐG:

Triển khai TĐG CTĐT thạc sỹ ngành Quản lý kinh tế với sự tham gia của các bên liên quan như: các đơn vị chức năng của Trường Đại học Intracom, đội ngũ nhân sự (bao gồm cả chuyên gia thỉnh giảng ngoài trường) làm việc tại Khoa Kinh tế, người học đang theo học CTĐT thạc sỹ ngành Quản lý kinh tế tại Trường Đại học Intracom, cựu người học đã tốt nghiệp trình độ thạc sỹ ngành Quản lý kinh tế trong giai đoạn 2021-2026, nhà sử dụng lao động với nhân sự là cựu người học trình độ thạc sỹ ngành Quản lý kinh tế.

Sau khi tham gia tập huấn viết báo cáo TĐG chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT do Nhà trường tổ chức, Khoa Kinh tế đã lập kế hoạch chi tiết để thực hiện đánh giá CTĐT thạc sỹ ngành Quản lý kinh tế, tiến hành họp Trưởng các nhóm công tác chuyên trách để phổ biến kế hoạch và phân công công việc. Các cán bộ chia thành các nhóm và hoàn thành công việc trên cơ sở giao việc của nhóm trưởng. Quá trình viết báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn có sự thống nhất và tham gia, nỗ lực hoàn thành công việc của tất cả các thành viên trong Khoa Kinh tế, và các đơn vị chức năng.

2. Tổng quan chung

a) Khái quát về Trường Đại học Intracom

Trường Đại học Intracom là cơ sở giáo dục đại học phát triển theo định hướng đa

ngành, ứng dụng, đổi mới sáng tạo và gắn kết doanh nghiệp. Trong giai đoạn phát triển mới, Nhà trường tập trung đồng thời vào nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo, phục vụ cộng đồng, chuyển đổi số và quốc tế hóa; từng bước hình thành hệ sinh thái giáo dục gắn với thực tiễn và nhu cầu phát triển của doanh nghiệp, người học và xã hội.

Quá trình hình thành và phát triển

Trường Đại học Intracom có tiền thân là Trường Đại học Chu Văn An, được thành lập theo Quyết định số 135/2006/QĐ-TTg ngày 08/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ. Trải qua 20 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường từng bước hình thành nền tảng đào tạo đa ngành, gắn đào tạo với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội và thực tiễn nghề nghiệp. Năm 2025 là dấu mốc chuyển đổi quan trọng khi Tập đoàn Intracom trở thành nhà đầu tư chiến lược của Nhà trường và ngày 05/11/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định đổi tên Trường Đại học Chu Văn An thành Trường Đại học Intracom. Từ đó, Nhà trường bước vào giai đoạn phát triển mới với định hướng xây dựng mô hình đại học gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu ứng dụng và phục vụ cộng đồng. Ngày 08/6/2026, Nhà trường tổ chức kỷ niệm 20 năm thành lập và công bố định hướng phát triển mới.

Tầm nhìn, sứ mạng và định hướng chiến lược phát triển

Tầm nhìn: Đến năm 2045, Trường Đại học Intracom trở thành hệ thống đô thị đại học thông minh, đa khuôn viên tại Việt Nam và trong khu vực; biểu tượng của mô hình đại học đổi mới sáng tạo gắn kết doanh nghiệp; kiến tạo nguồn lực và động lực vững chắc cho sự phát triển nhanh, bền vững của quốc gia.

Sứ mạng: Trường Đại học Intracom là hạt nhân tri thức của hệ sinh thái Intracom, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao và các giải pháp đổi mới sáng tạo phục vụ doanh nghiệp, phụng sự tiến bộ xã hội, góp phần nâng tầm vị thế Việt Nam trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.

Giá trị cốt lõi

IN – Innovation | Đổi mới sáng tạo vì giá trị thực

TRA – Transformation | Chuyển đổi để thích ứng và phát triển

COM – Community of Co-Creation | Thành công cùng hệ sinh thái

Triết lý giáo dục: Khai phóng tiềm năng – Tăng cường giá trị – Vun bồi nhân văn

Chiến lược phát triển giai đoạn 2026–2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Nhà trường định hướng theo kiến trúc 1–3–4–1, gồm một mục tiêu chiến lược xuyên suốt là phát triển đại học đổi mới sáng tạo, gắn doanh nghiệp và thực tiễn; ba phân khúc đào tạo gồm đại chúng có chất lượng, Co-op gắn doanh nghiệp và đào tạo tinh hoa; bốn trụ cột gồm đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, phục vụ cộng đồng và phát triển bền vững; cùng một nền tảng hạ tầng số và quản trị dữ liệu thống nhất. Các định hướng này được triển khai đồng thời với phát triển đội ngũ, chuẩn hóa chương trình đào tạo, tăng cường bảo đảm chất lượng, đầu tư cơ sở vật chất, mở rộng hệ sinh thái doanh nghiệp và đẩy mạnh quốc tế hóa.

Bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục

Bảo đảm chất lượng là một trong những nền tảng quan trọng trong quá trình phát triển của Trường Đại học Intracom. Nhà trường từng bước hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong, gắn hoạt động bảo đảm chất lượng với quản trị nhà trường, phát triển chương trình đào tạo, quản lý đội ngũ, hỗ trợ người học, nghiên cứu khoa học và cải tiến liên tục. Nhà trường đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục và được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục. Kết quả kiểm định là cơ sở để Nhà trường tiếp tục thực hiện các khuyến nghị cải tiến, tăng cường quản trị dựa trên dữ liệu, chuẩn hóa quy trình và hồ sơ chất lượng, nâng cao hiệu quả đo lường kết quả đào tạo và mức độ đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Đây cũng là nền tảng quan trọng để Nhà trường triển khai tự đánh giá và cải tiến chất lượng các chương trình đào tạo, trong đó có Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý kinh tế. [H1.01.01.01]; [H1.01.01.02]; [H1.01.01.03]

Một số kết quả hoạt động đào tạo

Trường Đại học Intracom tổ chức đào tạo đa ngành trong các lĩnh vực kinh tế, quản trị, công nghệ, kỹ thuật, luật, ngoại ngữ, kiến trúc – xây dựng, du lịch và sức khỏe. Hệ thống đơn vị học thuật gồm các khoa Luật, Công nghệ, Kinh tế, Ngoại ngữ, Y – Dược, Kiến trúc – Xây dựng cùng các viện, bộ môn và trung tâm hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu và phục vụ người học. Năm 2026, Nhà trường tổ chức tuyển sinh 45 chương trình/chuyên ngành thuộc 18 ngành đào tạo; tại thời điểm kỷ niệm 20 năm, Nhà trường có 09 ngành đào tạo trình độ đại học và 02 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ. Quy mô và cơ cấu ngành đào tạo tiếp tục được rà soát, điều chỉnh theo định hướng phát triển của Nhà trường và nhu cầu

nhân lực của doanh nghiệp, xã hội.

Hoạt động đào tạo được định hướng theo chuẩn đầu ra, tăng cường tính ứng dụng, trải nghiệm doanh nghiệp, học tập theo dự án, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo và năng lực hội nhập. Ở bậc sau đại học, Nhà trường chú trọng kết hợp phát triển chuyên môn, tư duy khoa học và khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn. Khoa Kinh tế phụ trách các lĩnh vực quản trị, kinh doanh, tài chính, kế toán và các lĩnh vực liên quan, tạo nền tảng học thuật trực tiếp cho Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý kinh tế.

Nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và phục vụ cộng đồng

Nhà trường xác định nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo là các trụ cột quan trọng trong chiến lược phát triển. Hoạt động nghiên cứu được định hướng tạo ra tri thức, dữ liệu và giải pháp có khả năng ứng dụng, gắn với nhu cầu của doanh nghiệp, địa phương và xã hội. Nhà trường từng bước phát triển các nhóm nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu ứng dụng, không gian đổi mới sáng tạo và các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp; đồng thời thúc đẩy nghiên cứu gắn với ứng dụng, sở hữu trí tuệ, chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và khởi nghiệp.

Nhà trường triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học, hoạt động công bố khoa học, hội thảo và hợp tác nghiên cứu với các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan. Hoạt động phục vụ cộng đồng được triển khai thông qua hướng nghiệp, hỗ trợ người học, hoạt động thiện nguyện, kết nối tri thức với cộng đồng và hợp tác giải quyết các vấn đề thực tiễn, gắn với mục tiêu phát triển bền vững và phụng sự tiến bộ xã hội.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên và chuyên gia

Đội ngũ cán bộ, giảng viên và chuyên gia là một trong những nền tảng được Nhà trường ưu tiên phát triển. Hiện Nhà trường có trên 500 giảng viên và chuyên gia; đồng thời tiếp tục tuyển dụng, thu hút giảng viên có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ và chuyên gia thực tiễn trong các lĩnh vực đào tạo. Định hướng phát triển đội ngũ tập trung vào nâng cao năng lực chuyên môn, sư phạm, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế; tăng cường sự tham gia của chuyên gia doanh nghiệp và nhà khoa học trong đào tạo, nghiên cứu, hướng dẫn dự án và kết nối nghề nghiệp. Đối với các chương trình sau đại học, Nhà trường chú trọng đội ngũ có chuyên môn phù hợp, kinh nghiệm nghiên cứu và thực tiễn quản trị.

Cơ sở vật chất, hạ tầng số và người học

Nhà trường chú trọng đầu tư cơ sở vật chất theo hướng đồng bộ, phục vụ đào tạo, thực hành, nghiên cứu và sinh hoạt học thuật. Cơ sở hiện có tổng diện tích trên 30.000 m², hơn 40 phòng học nhóm, 56 phòng thực hành chuyên môn, thư viện và khu tự học trên 2.000 m², 112 giảng đường, 18 phòng chức năng và các khu dịch vụ – sinh hoạt phục vụ người học. Nhà trường đồng thời phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống mạng, máy chủ, hệ thống quản lý học tập, các nền tảng học tập số, thư viện điện tử và công cụ hỗ trợ quản trị.

Người học được hỗ trợ thông qua hệ thống quản lý đào tạo, cố vấn học tập, thư viện và học liệu, hướng nghiệp – việc làm, kết nối doanh nghiệp, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhà trường định hướng lấy người học làm trung tâm, tăng cường theo dõi quá trình học tập, trải nghiệm và kết quả đầu ra.

Quốc tế hóa và hợp tác quốc tế

Quốc tế hóa là một định hướng quan trọng trong chiến lược phát triển của Trường Đại học Intracom. Viện Hợp tác Quốc tế là đầu mối phát triển quan hệ với các trường đại học, tổ chức nghiên cứu, doanh nghiệp và các đối tác quốc tế; phối hợp với các đơn vị trong Trường triển khai các hoạt động hợp tác phục vụ đào tạo, nghiên cứu và phát triển nguồn nhân lực. Trong năm 2026, Nhà trường mở rộng hợp tác với các đối tác tại Hàn Quốc, Trung Quốc, Hy Lạp, Nhật Bản và các quốc gia, khu vực khác; triển khai các hoạt động liên kết đào tạo, trao đổi học thuật, hội thảo và nghiên cứu chung, cơ hội học tập – thực tập – việc làm quốc tế và nâng cao năng lực ngoại ngữ. Tháng 7/2026, Nhà trường ký hợp tác chiến lược với EMI LanguageCert để phát triển môi trường khảo thí tiếng Anh theo chuẩn quốc tế tại Việt Nam.

Khái quát nền tảng phát triển phục vụ Báo cáo tự đánh giá

Từ nền tảng 20 năm phát triển, Trường Đại học Intracom đang bước vào giai đoạn chuyển đổi với định hướng rõ hơn về mô hình đại học gắn doanh nghiệp, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế. Các nền tảng hiện có gồm hệ thống khoa – viện đa ngành, đào tạo từ đại học đến sau đại học, đội ngũ giảng viên và chuyên gia, cơ sở vật chất và hạ tầng số, hệ sinh thái doanh nghiệp Intracom, hoạt động nghiên cứu – đổi mới sáng tạo, hệ thống bảo đảm chất lượng và mạng lưới hợp tác quốc tế. Đối với Báo cáo tự đánh giá Chương trình

đào tạo Thạc sĩ Quản lý kinh tế, các kết quả ở cấp cơ sở giáo dục là bối cảnh và nền tảng để xem xét mức độ phù hợp của chương trình với tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược phát triển của Nhà trường; các kết luận về chương trình được đối chiếu với minh chứng và dữ liệu trực tiếp của CTĐT.

b) Khái quát về Khoa Kinh tế

Khoa Kinh tế, tiền thân là Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh trực thuộc Trường Đại học Chu Văn An, được thành lập theo Quyết định số 74/QĐ-ĐH CVA-HCTH ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Hiệu trưởng Trường Đại học Chu Văn An. Trải qua quá trình 20 năm xây dựng, phát triển và cùng Nhà trường thực hiện quá trình tái định vị thương hiệu thành Trường Đại học Intracom, Khoa Kinh tế từng bước khẳng định vai trò là đơn vị học thuật nòng cốt trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển nguồn nhân lực thuộc các lĩnh vực Kinh tế, Quản trị, Tài chính và Kế toán. Quá trình phát triển của Khoa gắn với yêu cầu mở rộng quy mô đào tạo, đa dạng hóa ngành và chuyên ngành, tăng cường tính ứng dụng của chương trình, đồng thời nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và kết nối với doanh nghiệp, xã hội.

Lịch sử hình thành và phát triển

Với nền tảng phát triển từ năm 2006, hệ thống ngành đào tạo đa dạng, kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học đã được hình thành, Khoa Kinh tế định hướng phát triển theo mô hình đơn vị học thuật gắn đào tạo với nghiên cứu, doanh nghiệp và cộng đồng. Khoa tiếp tục theo đuổi các giá trị cốt lõi gồm Đổi mới sáng tạo – Kết nối doanh nghiệp – Chuyên nghiệp – Phụng sự cộng đồng; phấn đấu trở thành trung tâm đào tạo kinh tế ứng dụng có uy tín, mở rộng mạng lưới giáo dục và nghiên cứu gắn với cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài nước. Các định hướng này nhằm tạo sự liên kết thống nhất giữa phát triển chương trình, nâng cao chất lượng đội ngũ, nghiên cứu khoa học, phát triển người học, hợp tác doanh nghiệp, phục vụ cộng đồng và quốc tế hóa.

Cơ cấu tổ chức và các ngành, chuyên ngành đang đào tạo

Để đáp ứng yêu cầu quản lý chuyên môn và chuẩn hóa hoạt động đào tạo, Khoa Kinh tế được tổ chức với 04 Tổ bộ môn gồm: Tổ bộ môn Quản lý kinh tế, Tổ bộ môn Tài chính - Ngân hàng, Tổ bộ môn Kế toán và Tổ bộ môn Quản trị kinh doanh. Bộ máy quản trị của Khoa gồm Ban Chủ nhiệm Khoa, Hội đồng Khoa, các Bộ môn chuyên môn, đội ngũ Trợ lý Khoa, cán bộ quản lý đào tạo, giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng đạt chuẩn.

Cơ cấu này tạo điều kiện phân công chuyên môn theo lĩnh vực, đồng thời bảo đảm sự phối hợp giữa quản lý đào tạo, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, quản lý người học và hoạt động hợp tác.

Hiện nay, Khoa Kinh tế đang tổ chức đào tạo 03 ngành trình độ đại học gồm Kế toán, Quản trị kinh doanh và Tài chính – Ngân hàng, với 16 chuyên ngành chuyên sâu được phát triển theo định hướng ứng dụng; trong đó có các hướng chuyên sâu như Kế toán bệnh viện, Kế toán xây dựng, Quản trị truyền thông marketing, Quản trị bệnh viện, Tài chính quốc tế và Tài chính doanh nghiệp. Ở trình độ thạc sĩ, Khoa đang đào tạo 02 ngành là Quản trị kinh doanh và Quản lý kinh tế. Việc duy trì hệ thống đào tạo từ đại học đến sau đại học tạo nền tảng để Khoa phát triển liên thông về chuyên môn, đội ngũ, nghiên cứu và hoạt động học thuật.

Kết quả và định hướng trong đào tạo

Về quy mô và kết quả đào tạo, tính đến tháng 6/2026, Khoa Kinh tế đã đào tạo và cung cấp cho thị trường lao động gần 7.000 cử nhân thuộc các ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh và Tài chính – Ngân hàng, cùng gần 600 thạc sĩ thuộc các ngành Quản trị kinh doanh và Quản lý kinh tế. Khối ngành Kinh tế có quy mô chiếm xấp xỉ 31,5% tổng quy mô sinh viên toàn Trường, qua đó thể hiện vai trò quan trọng của Khoa trong hoạt động đào tạo của Nhà trường.

Trong giai đoạn phát triển tiếp theo, Khoa định hướng tiếp tục đổi mới chương trình đào tạo theo nhu cầu xã hội và yêu cầu của thị trường lao động; tăng cường gắn lý thuyết với thực tiễn nghề nghiệp và môi trường doanh nghiệp; phát triển các nội dung liên quan đến chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, quản trị hiện đại và phát triển bền vững; đồng thời tăng cường triển khai đào tạo theo định hướng chuẩn đầu ra (OBE). Khoa tiếp tục rà soát chương trình, kế hoạch giảng dạy, đề cương học phần, giáo trình và tài liệu tham khảo; đa dạng hóa phương pháp dạy học và đánh giá; tăng cường trải nghiệm thực tế, tư vấn nghề nghiệp và hỗ trợ việc làm cho người học.

Kết quả và định hướng trong nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo

Hoạt động nghiên cứu khoa học được Khoa xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, gắn với nâng cao chất lượng đào tạo và giải quyết các vấn đề thực tiễn. Trong giai đoạn 2021–2026, Khoa đã chủ trì và nghiệm thu 14 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, gồm 03 đề tài cấp Bộ và 11 đề tài cấp Trường; công bố 52 bài báo khoa học trên các

tạp chí chuyên ngành, trong đó có 08 bài báo quốc tế thuộc danh mục WoS/Scopus và 44 bài báo trong nước có chỉ số ISSN; xuất bản 28 bài tham luận tại các hội thảo khoa học, gồm 10 bài hội thảo quốc tế và 18 bài hội thảo trong nước; đồng thời xuất bản 13 đầu sách gồm sách chuyên khảo và giáo trình phục vụ nghiên cứu, giảng dạy.

Trên nền tảng kết quả nghiên cứu đã đạt được, Khoa định hướng đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, khuyến khích giảng viên và người học tham gia các đề tài, hội thảo và hoạt động học thuật; tăng cường gắn nghiên cứu với nhu cầu của doanh nghiệp, cơ quan quản lý và cộng đồng; thúc đẩy chuyển giao kết quả nghiên cứu vào hoạt động đào tạo và thực tiễn. Khoa tiếp tục tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học, tọa đàm chuyên đề và hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên; khuyến khích nghiên cứu liên ngành, đổi mới sáng tạo và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào phát triển chương trình, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá và giải quyết các vấn đề kinh tế – quản trị thực tiễn.

Người học và phục vụ cộng đồng

Khoa Kinh tế xác định người học là một trong những đối tượng trung tâm của hoạt động đào tạo và phát triển. Khoa thực hiện quản lý người học theo phân cấp, phối hợp với các phòng, ban và trung tâm của Nhà trường trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống; tư vấn học tập, hướng nghiệp và hỗ trợ việc làm. Bên cạnh hoạt động đào tạo chính khóa, Khoa tổ chức các hoạt động học thuật, hội thảo, tọa đàm chuyên đề và nghiên cứu khoa học sinh viên, tạo điều kiện để người học phát triển năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tư duy nghiên cứu và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Trong thời gian tới, Khoa định hướng tăng cường các hoạt động hỗ trợ người học theo hướng phát triển toàn diện năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực đổi mới sáng tạo và trách nhiệm xã hội; mở rộng kết nối với doanh nghiệp và các tổ chức xã hội để tạo thêm cơ hội thực tập, trải nghiệm nghề nghiệp, việc làm và tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng. Hoạt động đào tạo, nghiên cứu và hợp tác của Khoa tiếp tục được định hướng gắn với nhu cầu thực tiễn, góp phần tạo ra giá trị cho người học, doanh nghiệp và xã hội.

Quốc tế hóa và hợp tác

Quốc tế hóa được Khoa định hướng gắn với quá trình hội nhập của Nhà trường, phát triển chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Khoa phối hợp với các đơn vị chức năng trong

việc khai thác các dự án hợp tác quốc tế, tổ chức và tham gia các hoạt động học thuật có yếu tố quốc tế, đồng thời từng bước mở rộng kết nối với các đối tác bên ngoài. Kết quả nghiên cứu của Khoa trong giai đoạn 2021–2026 cũng đã có sự hiện diện ở các công bố và hội thảo quốc tế, trong đó có 08 bài báo quốc tế thuộc danh mục WoS/Scopus và 10 bài tham luận hội thảo quốc tế có chỉ số ISBN.

Trong giai đoạn tới, Khoa định hướng tiếp tục tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu và phát triển học thuật; mở rộng đối tác là các cơ sở giáo dục, tổ chức nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài nước; tăng cường các hoạt động trao đổi học thuật, hội thảo, nghiên cứu chung và chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn. Đồng thời, Khoa từng bước nâng cao năng lực hội nhập cho giảng viên và người học, cập nhật chương trình theo xu hướng quốc tế và tăng cường khả năng kết nối giữa đào tạo – nghiên cứu – doanh nghiệp trong môi trường hội nhập.

c) Khái quát về CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo hướng ứng dụng ngành Quản lý kinh tế của Trường Đại học Intracom (tiền thân là Trường Đại học Chu Văn An) hàng năm đều được xem xét, bổ sung và hoàn thiện.

Năm 2014–2015, Trường Đại học Chu Văn An đã xây dựng Đề án xin mở ngành đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế theo hướng ứng dụng và đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định số 366/QĐ-BGDĐT ngày 03 tháng 02 năm 2015 cho phép thực hiện đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế (mã số: 60.34.04.10, nay là mã ngành 8340410). Trên cơ sở Đề án xin mở ngành đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, Ban Chủ nhiệm Khoa Kinh tế đã làm tờ trình xin Nhà trường cho ban hành chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế theo hướng ứng dụng để triển khai thực hiện công tác đào tạo cho các khóa thạc sĩ của ngành. Hiệu trưởng Nhà trường đã ra quyết định ban hành kèm theo chương trình đào tạo để triển khai thực hiện.

Năm 2023, Khoa Kinh tế đã thảo luận, tìm hiểu nhu cầu xã hội, nhu cầu người học, báo cáo Nhà trường xin chủ trương hoàn thiện chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo hướng ứng dụng ngành Quản lý kinh tế và được sự nhất trí. Khoa đã thành lập Hội đồng chuyên môn hoàn thiện chương trình gồm toàn bộ giảng viên chuyên môn cơ hữu và chuyên gia của Khoa tham gia xây dựng, hoàn thiện chương trình thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế theo hướng ứng dụng. Khoa đã tổ chức thực hiện biên soạn chương trình theo đúng quy

trình hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo sự chỉ đạo của Trường. Chương trình được ban hành theo Quyết định số 115/QĐ-ĐHCVA ngày 16 tháng 06 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Chu Văn An.

Năm học 2025–2026, sau thời gian triển khai chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế theo hướng ứng dụng ban hành kèm theo Quyết định số 115/QĐ-ĐHCVA, Chương trình về cơ bản đã đáp ứng được mục tiêu, chuẩn đầu ra và đặc biệt đã đáp ứng được nhu cầu đào tạo đội ngũ cán bộ, nhà quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ ứng dụng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội tại các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức và doanh nghiệp.

Mặt khác, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT "Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học", Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT "Ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ" và đặc biệt là Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 "Quy định kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học".

Qua triển khai thực hiện chương trình, tham khảo ý kiến của học viên, cựu học viên, tham khảo ý kiến của các giảng viên và nhà tuyển dụng, tham khảo 02 chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế theo hướng ứng dụng của các trường đại học ở trong nước (Trường Đại học Thương mại, Trường Đại học Kinh tế – ĐHQGHN) và 01 chương trình đào tạo Master of Economic Management của trường đại học ở nước ngoài (Đại học Khoa học Malaysia - USM, Malaysia), nghiên cứu các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa Kinh tế đã họp (Biên bản số 01/BB-HĐKHĐTKKT ngày 28/05/2026), thảo luận và thấy cần thiết phải rà soát, điều chỉnh một số nội dung của chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế theo hướng ứng dụng phiên bản 2023 cho phù hợp hơn với yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, phù hợp với những quy định trong các Thông tư Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, cụ thể:

- Viết lại phần mục tiêu đào tạo (PEOs) và chuẩn đầu ra (PLOs) của chương trình cho phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định số 1982/QĐ-TTg), Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT và bộ tiêu chí kiểm định theo Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chuẩn hóa và nâng cao điều kiện trình độ ngoại ngữ đầu ra ở Bậc 4/6 theo Khung

năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP) hoặc tương đương theo quy định tại Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT.

- Điều chỉnh cơ cấu khối lượng tín chỉ khối tốt nghiệp cho phù hợp với định hướng ứng dụng: Tăng "Đề án tốt nghiệp" từ 06 tín chỉ lên 09 tín chỉ nhằm nâng cao yêu cầu nghiên cứu ứng dụng độc lập, chiều sâu học thuật và năng lực giải quyết bài toán quản trị thực tiễn; đồng thời giảm "Chuyên đề thực tập thực tế" từ 06 tín chỉ xuống 03 tín chỉ để tái cấu trúc khối tốt nghiệp tinh gọn, tránh trùng lặp nội dung với đề án.

- Điều chỉnh, thay thế và đổi tên một số học phần trong khung chương trình nhằm tăng cường năng lực quản lý hiện đại, phát triển kinh tế số, chính sách công và đổi mới sáng tạo:

+ Khối học phần chung & ngành: Thay thế học phần "Đạo đức nghề nghiệp và Pháp luật về phòng chống tham nhũng" (03 TC) bằng học phần "Tư duy phản biện và lập luận khoa học trong quản lý" (03 TC); thay thế học phần "Phương pháp nghiên cứu khoa học" (03 TC) bằng học phần "Phân tích định lượng và mô hình hóa quyết định" (03 TC); thay thế học phần "Kỹ năng giao tiếp và đàm phán" (02 TC) bằng học phần "Kỹ năng tư vấn chiến lược kinh doanh" (02 TC); thay thế học phần "Quản trị doanh nghiệp nâng cao" (02 TC) bằng học phần "Quản trị doanh nghiệp khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo" (03 TC); chuẩn hóa tên gọi học phần "Triết học nâng cao" thành "Triết học" (04 TC).

+ Khối học phần chuyên ngành: Thay thế học phần "Quản trị chuỗi cung ứng nâng cao" (02 TC) bằng học phần "Kinh tế số và mô hình kinh doanh nền tảng" (02 TC); Thay thế học phần "Quản trị Marketing nâng cao" (02 TC) bằng học phần "Quản lý chất lượng" (02 TC) (chuyển sang nhóm tự chọn để tăng tính linh hoạt).

- Tinh giản danh mục học phần bổ sung kiến thức từ 09 học phần (21 tín chỉ) xuống còn 06 học phần (18 tín chỉ), chuẩn hóa mỗi học phần 03 tín chỉ (Khoa học quản lý, Quản lý Nhà nước về kinh tế, Marketing căn bản, Kinh tế quốc tế, Kinh tế phát triển, Quản trị nguồn nhân lực); loại bỏ các môn lý thuyết thuần túy (Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Tài chính công) để tập trung vào kiến thức nền tảng quản lý thực tiễn cho người học trái ngành (Nhóm ngành phù hợp 1 học bổ sung 09 tín chỉ; Nhóm ngành phù hợp 2 học bổ sung 18 tín chỉ).

- Tăng tỷ lệ thời lượng thực hành, thảo luận tình huống, bài tập dự án từ 25% lên khoảng 50% tổng thời lượng giảng dạy của toàn chương trình.

- Viết lại và cập nhật toàn bộ các đề cương chi tiết học phần của chương trình theo hướng dẫn của kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và ma trận đóng góp chuẩn đầu ra (OBE).

Căn cứ kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa Kinh tế, Ban xây dựng chương trình đã làm tờ trình lên Ban Giám hiệu và Hội đồng Trường cho ý kiến và đã được sự đồng ý để Khoa thực hiện điều chỉnh Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế theo hướng ứng dụng theo đúng quy định hiện hành nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Chương trình đã được Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom ký ban hành kèm theo Quyết định số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026 áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2026.

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế theo hướng ứng dụng năm 2026 được xây dựng theo mẫu chung của Trường bao gồm:

1. Mục tiêu: (i) Mục tiêu chung; (ii) Mục tiêu cụ thể: 03 mục tiêu (PEO1, PEO2, PEO3).

2. Chuẩn đầu ra: Kiến thức chuyên môn (PLO1 – PLO4); Kỹ năng (PLO5 – PLO7); Mức tự chủ và trách nhiệm (PLO8); Cơ hội nghề nghiệp.

3. Đối tượng, yêu cầu đối với người dự tuyển.

4. Ngành phù hợp và môn học bổ sung kiến thức (Nhóm ngành phù hợp 1 học bổ sung 09 tín chỉ; Nhóm ngành phù hợp 2 học bổ sung 18 tín chỉ).

5. Điều kiện bảo vệ đề án và tốt nghiệp.

6. Chương trình đào tạo và kế hoạch giảng dạy:

Thời gian đào tạo toàn khóa: 1,5 – 2,0 năm.

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 60 tín chỉ

Bảng Các khối kiến thức và tín chỉ:

TT	Khối kiến thức	Tín chỉ			Số giờ lý thuyết	Số giờ thực hành	Tỷ lệ giờ lý thuyết/ thực hành
		Bắt buộc	Tự chọn	Tổng			
I	Kiến thức giáo dục đại cương	4	3	7	115	65	
II	Kiến thức ngành	13		13	160	60	
III	Kiến thức chuyên	22	6	28	440	260	

TT	Khối kiến thức	Tín chỉ			Số giờ lý thuyết	Số giờ thực hành	Tỷ lệ giờ lý thuyết/ thực hành
		Bắt buộc	Tự chọn	Tổng			
	ngành						
IV	Thực tập thực tế và tốt nghiệp	12		12	0	360	
	TỔNG CỘNG	**51**	**9**	**60**	**715**	**745**	**0,96**

CTĐT năm 2026 gồm 27 học phần, tổng cộng 60 tín chỉ, trong đó 51 tín chỉ bắt buộc và 9 tín chỉ tự chọn. Chuyên đề thực tập thực tế được điều chỉnh còn 3 tín chỉ và Đề án tốt nghiệp tăng lên 9 tín chỉ. Chương trình xác định 03 mục tiêu giáo dục (PEO) và 08 chuẩn đầu ra (PLO), được triển khai xuống các chỉ báo năng lực thành phần và các học phần thông qua ma trận I/P/M.

d) Bối cảnh và những thay đổi chủ yếu của CTĐT năm 2026

Việc cập nhật CTĐT năm 2026 kế thừa chương trình trước đó và tập trung tăng cường tính ứng dụng, khả năng phân tích và ra quyết định, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, quản trị dữ liệu, quản trị rủi ro, chuỗi cung ứng và năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn. Một số điều chỉnh về cấu trúc học tập được thực hiện trên cơ sở ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các bên liên quan và kết quả thẩm định.

e) Khái quát quá trình tự đánh giá

Quá trình tự đánh giá được tổ chức theo các nhóm tiêu chuẩn, phân công rà soát hồ sơ, đối chiếu nội hàm tiêu chí, tổng hợp minh chứng và xây dựng báo cáo. Những nội dung cần bổ sung hoặc xác nhận bằng hồ sơ gốc được đánh dấu trong báo cáo để kiểm soát trước khi phát hành.

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

1. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn 1 gồm 06 tiêu chí, tập trung đánh giá mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; sự phù hợp của mục tiêu và chuẩn đầu ra với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo; sự tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra chương trình; mức độ phản ánh yêu cầu của các bên liên quan và việc đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra tại thời điểm người học tốt nghiệp.

1.1. Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học.

a) Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Intracom xác định sứ mệnh là hạt nhân tri thức của hệ sinh thái Intracom, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao và các giải pháp đổi mới sáng tạo phục vụ doanh nghiệp, phụng sự tiến bộ xã hội, góp phần nâng tầm vị thế Việt Nam trong kỷ nguyên toàn cầu hóa. Tầm nhìn đến năm 2045 hướng tới xây dựng hệ thống đô thị đại học thông minh, đa khuôn viên tại Việt Nam và trong khu vực; phát triển mô hình đại học đổi mới sáng tạo gắn kết doanh nghiệp; kiến tạo nguồn lực và động lực cho sự phát triển nhanh, bền vững của quốc gia. Các định hướng này được thể hiện cùng hệ giá trị về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi và cộng đồng đồng sáng tạo, với quan điểm "Tri thức vào thực tiễn – Giá trị cho xã hội". [H1.01.01.04]; [H1.01.01.05]

Trên cơ sở định hướng phát triển của Trường, CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế được xác định là chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, định hướng ứng dụng, nhằm đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; làm chủ tư duy quản trị công hiện đại và các công cụ phân tích kinh tế tiên tiến; có khả năng hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách phát triển kinh tế ở các cấp độ quốc gia, địa phương, ngành và tổ chức; đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững. [H1.01.01.06]

Mục tiêu giáo dục của chương trình được cụ thể hóa thành ba mục tiêu: PEO1 về vận dụng nguyên lý kinh tế và khoa học quản trị để hoạch định, tổ chức thực hiện và quản lý các chiến lược, chương trình, dự án phát triển kinh tế; PEO2 về đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị công và quản lý nhà nước về kinh tế, xử lý mối quan hệ Nhà nước – Thị

trường – Xã hội và đánh giá tác động chính sách dựa trên bằng chứng, dữ liệu số; PEO3 về tư duy đổi mới sáng tạo, đạo đức công vụ, trách nhiệm giải trình, năng lực dẫn dắt sự thay đổi và khả năng phát triển nghề nghiệp, học tập ở trình độ cao hơn. [H1.01.01.07]

Mục tiêu giáo dục của CTĐT được liên kết với chuẩn đầu ra thông qua ma trận PEO–PLO. Sự liên kết này giúp chuyển hóa định hướng đào tạo thành các năng lực cụ thể về phân tích kinh tế, quản lý nhà nước về kinh tế, thiết kế giải pháp, sử dụng công cụ định lượng và công nghệ số, nghiên cứu ứng dụng, giao tiếp chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp. [H1.01.01.08]

Quá trình rà soát, cập nhật CTĐT năm 2026 có tiếp thu ý kiến của các bên liên quan. Các ý kiến tập trung vào cập nhật kinh tế số, mô hình kinh doanh nền tảng, tăng tính ứng dụng và tăng tính thực tiễn của cấu phần tốt nghiệp. Các nội dung này được phản ánh trong CTĐT năm 2026, trong đó có học phần về kinh tế số và mô hình kinh doanh nền tảng, nội dung phân tích dữ liệu và cấu phần Đề án tốt nghiệp theo định hướng ứng dụng. [H1.01.01.09]; [H1.01.01.10]; [H1.01.01.05]

b) Điểm mạnh

- Mục tiêu chung và PEO của CTĐT được xác định tương đối rõ, thể hiện định hướng ứng dụng và gắn với các yêu cầu về chuyển đổi số, hội nhập và phát triển bền vững.

- Có ma trận liên kết PEO–PLO làm cơ sở bảo đảm tính nhất quán giữa mục tiêu giáo dục và chuẩn đầu ra.

- Kết quả tham vấn các bên liên quan đã được sử dụng để cập nhật CTĐT năm 2026 theo hướng tăng tính thực tiễn và ứng dụng.

c) Điểm tồn tại

- Việc lượng hóa mức độ gắn kết giữa một số mục tiêu giáo dục với các chỉ tiêu chiến lược của Trường cần được thể hiện rõ hơn trong các lần rà soát tiếp theo.

- Hồ sơ phản hồi sau tham vấn cần tiếp tục được chuẩn hóa để truy xuất rõ hơn từ ý kiến của từng nhóm bên liên quan đến nội dung điều chỉnh của CTĐT.

d) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Bổ sung đối sánh PEO với các định hướng, mục tiêu và chỉ tiêu chiến lược có liên quan của Trường trong các đợt rà soát CTĐT.	Khoa Kinh tế; Phòng Đào tạo; Phòng KT&ĐBCL	2026–2027	Bảng đối sánh PEO–chiến lược
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì cơ chế tham vấn và chuẩn hóa chuỗi tiếp nhận – phân tích – phản hồi – điều chỉnh CTĐT.	Khoa Kinh tế; Phòng KT&ĐBCL	Hằng năm	Báo cáo tham vấn và ma trận tiếp thu

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

1.2. Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xây dựng rõ ràng; phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo và được phổ biến đến các bên liên quan.

a) Mô tả hiện trạng

CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế năm 2026 xác định 08 chuẩn đầu ra (PLO), bao quát các nhóm năng lực về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ, trách nhiệm. Các PLO được diễn đạt bằng các động từ hành động, tập trung vào khả năng áp dụng kiến thức nền tảng và pháp luật; phân tích các hiện tượng kinh tế; đánh giá chính sách quản lý nhà nước về kinh tế; thiết kế giải pháp quản trị; sử dụng công cụ định lượng, kinh tế lượng và công nghệ số; giao tiếp kết quả phân tích; thực hiện nghiên cứu ứng dụng; và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, liêm chính học thuật, trách nhiệm giải trình. [H1.01.02.01]

Các PLO được cụ thể hóa thành các PPC và được liên kết với PEO trong ma trận PEO–PLO. Cấu trúc này tạo cơ sở để triển khai PLO xuống chuẩn đầu ra học phần và các hoạt động đánh giá trong toàn bộ CTĐT. [H1.01.02.02]

Các PLO được phát biểu bằng động từ hành động có thể quan sát và đánh giá như "vận dụng", "phân tích", "đánh giá", "thiết kế", "sử dụng", "diễn giải", "trình bày/bảo vệ", "xây dựng" và "thể hiện". Việc lựa chọn động từ được đặt trong logic phát triển năng lực theo thang nhận thức Bloom, từ vận dụng kiến thức đến phân tích, đánh giá và thiết kế giải pháp; qua đó tạo cơ sở để xác định phương pháp đánh giá và mức độ đạt chuẩn đầu ra.

PLO	Phát biểu chuẩn đầu ra	Mức nhận thức chủ đạo theo Bloom	Biểu hiện theo nguyên tắc SMART
PLO1	Vận dụng kiến thức nền tảng về triết học, pháp luật và phương pháp phân tích định lượng vào việc đánh giá môi trường kinh doanh vĩ mô.	Vận dụng (Apply)	Cụ thể về lĩnh vực kiến thức và bối cảnh; đo lường qua PPC K1.1–K1.2 và CLO; đánh giá trong các học phần liên quan và cuối CTĐT.
PLO2	Phân tích hiện tượng kinh tế trong bối cảnh thị trường, hội nhập và chuyển đổi số.	Phân tích (Analyze)	Xác định rõ đối tượng phân tích và bối cảnh; đo qua PPC K2.1–K2.2 và CLO; có thể đánh giá bằng bài phân tích/tình huống.
PLO3	Đánh giá kinh tế nhà nước, chính sách và pháp luật, công cụ quản lý; gắn với phát triển bền vững, tài nguyên, môi trường và tăng trưởng xanh.	Đánh giá (Evaluate)	Xác định rõ đối tượng và tiêu chí đánh giá; đo qua PPC K3.1–K3.4 và CLO; gắn với sản phẩm đánh giá chính sách, pháp luật và phát triển bền vững.
PLO4	Thiết kế giải pháp quản trị phát triển kinh tế phù hợp với bối cảnh tổ chức, ngành hoặc địa phương.	Sáng tạo/Thiết kế (Create)	Nêu rõ sản phẩm đầu ra là giải pháp/chiến lược/chương trình/dự án; đo qua PPC K4.1–K4.4 và CLO; đánh giá bằng sản phẩm thiết kế.
PLO5	Sử dụng công cụ định lượng, kinh tế lượng và công nghệ số trong phân tích dữ liệu kinh tế.	Vận dụng (Apply)	Xác định rõ công cụ và nhiệm vụ; đo qua PPC S1.1–S1.2 và CLO; đánh giá bằng bài tập dữ liệu, mô hình và sản phẩm phân tích.
PLO6	Trình bày, diễn giải kết quả phân tích và khuyến nghị chuyên môn trong quản lý kinh tế.	Vận dụng/Thực hiện (Apply)	Xác định rõ sản phẩm giao tiếp chuyên môn; đo qua PPC S2.1–S2.3 và CLO; đánh giá bằng báo cáo, thuyết trình và bảo vệ.
PLO7	Thiết kế nghiên cứu ứng dụng và đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản lý kinh tế.	Sáng tạo/Thiết kế (Create)	Xác định rõ sản phẩm nghiên cứu/đề xuất; đo qua PPC S3.1–S3.3 và CLO; đánh giá qua đề cương nghiên cứu, đề án và sản phẩm ứng dụng.
PLO8	Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, liêm chính học thuật và trách nhiệm giải trình trong quản lý kinh tế.	Vận dụng/Thực hành (Apply)	Xác định rõ hành vi và trách nhiệm nghề nghiệp; đo qua PPC A1.1–A1.2 và CLO; đánh giá qua hành vi, sản phẩm học tập và yêu cầu cuối khóa.

Mối quan hệ giữa PEO và PLO được xác lập thông qua ma trận PEO–PLO. Kết quả đối sánh cho thấy PLO1–PLO5 chủ yếu cung cấp nền tảng và năng lực chuyên môn trực tiếp cho PEO1 và PEO2; PLO6–PLO7 hỗ trợ rõ cho PEO1, PEO2 và PEO3; PLO8 giữ vai trò cốt lõi đối với PEO3 về đạo đức nghề nghiệp, liêm chính học thuật và trách nhiệm giải trình. Như vậy, chuẩn đầu ra được thiết kế để cụ thể hóa các năng lực mà người học cần

hình thành nhằm thực hiện các mục tiêu giáo dục của chương trình. [H1.01.02.03]

Việc xác định PLO năm 2026 được đặt trong mối liên hệ với sứ mệnh, tầm nhìn và định hướng chiến lược của Trường Đại học Intracom. Định hướng của Nhà trường nhấn mạnh cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, đổi mới sáng tạo gắn với doanh nghiệp và phụng sự tiến bộ xã hội; trong khi PLO của CTĐT nhấn mạnh năng lực phân tích và giải quyết vấn đề quản lý kinh tế, sử dụng dữ liệu và công nghệ số, thiết kế giải pháp ứng dụng, nghiên cứu thực tiễn, phát triển bền vững và trách nhiệm nghề nghiệp. Sự tương thích này thể hiện rõ định hướng "tri thức vào thực tiễn – giá trị cho xã hội" được chuyển hóa thành các năng lực đầu ra của người học. [H1.01.01.10]; [H1.01.01.09]

Chuẩn đầu ra được công bố trong Bản mô tả CTĐT, các đề cương học phần và các hoạt động tổ chức đào tạo. Nội dung PLO được cụ thể hóa thành PPC và CLO, giúp giảng viên và học viên nhận diện được năng lực cần đạt ở cấp chương trình và cấp học phần. Việc phổ biến PLO được tiếp tục chuẩn hóa thông qua tài liệu CTĐT, đề cương học phần và hoạt động định hướng đầu khóa. [H1.01.02.04]; [H1.01.02.05]; [H1.01.02.06]

b) Điểm mạnh

- Hệ thống PLO gồm 08 chuẩn đầu ra có cấu trúc tương đối đầy đủ, bao quát kiến thức, kỹ năng, nghiên cứu ứng dụng và tự chủ, trách nhiệm.

- PLO được liên kết với PEO và được cụ thể hóa thành PPC, tạo cơ sở triển khai tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra.

c) Điểm tồn tại

- Minh chứng về mức độ nhận biết và hiểu PLO của từng nhóm bên liên quan cần được chuẩn hóa và theo dõi định kỳ.

d) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Chuẩn hóa tài liệu công bố PLO và tổ chức theo dõi mức độ tiếp cận, nhận biết PLO của người học, giảng viên và các nhóm bên liên quan phù hợp.	Khoa Kinh tế; Phòng Đào tạo; Phòng KT&ĐBCL	2026–2027	Tài liệu công bố, kết quả khảo sát
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì ma trận PEO–PLO–PPC và sử dụng PLO thống nhất trong các tài liệu đào tạo.	Khoa Kinh tế	Thường xuyên	Ma trận PEO–PLO–PPC cập nhật

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

1.3. Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn chương trình đào tạo nhóm ngành, bao gồm chuẩn đầu ra chung và chuẩn đầu ra chuyên biệt.

a) Mô tả hiện trạng

CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế được thiết kế ở trình độ thạc sĩ, tương ứng Bậc 7 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Hệ thống chuẩn đầu ra được xây dựng theo các nhóm yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ, trách nhiệm; trong đó chú trọng năng lực phân tích, đánh giá, thiết kế giải pháp, nghiên cứu ứng dụng và giải quyết các vấn đề phức tạp trong quản lý kinh tế.

Kết quả đối sánh hiện có với Khung trình độ quốc gia Việt Nam cho phiên bản CTĐT trước cho thấy chuẩn đầu ra bao quát các nhóm năng lực của trình độ thạc sĩ. Báo cáo đối sánh năm 2023 đối với CTĐT Quản lý kinh tế phiên bản 2021 phân tích 14 chuẩn đầu ra, gồm 03 chuẩn về kiến thức, 04 chuẩn về kỹ năng, 04 chuẩn về tự chủ và trách nhiệm và 03 chuẩn về ngoại ngữ, tin học; kết quả bảng đối sánh xác định các chuẩn đầu ra thuộc các nhóm kiến thức, kỹ năng và tự chủ, trách nhiệm ở mức "Hoàn toàn phù hợp" với yêu cầu tương ứng của VQF. Kết luận báo cáo xác định chuẩn đầu ra có mức độ phù hợp cao với VQF bậc 7, đồng thời thể hiện năng lực chuyên môn và nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực quản lý kinh tế. [H1.01.03.01]; [H1.01.03.02]

Các PLO được thể hiện theo các nhóm năng lực chung và chuyên biệt của ngành Quản lý kinh tế. Nhóm năng lực chung tập trung vào kiến thức nền tảng, phân tích, giao tiếp chuyên môn, nghiên cứu và trách nhiệm; nhóm năng lực chuyên biệt tập trung vào phân tích kinh tế, quản lý nhà nước về kinh tế, chính sách, thiết kế giải pháp quản lý và ứng dụng công cụ định lượng, công nghệ số trong quản lý kinh tế. [H1.01.03.03]

Việc đối sánh cho thấy PLO của CTĐT có sự tương thích với yêu cầu về trình độ kiến thức chuyên sâu, kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, năng lực nghiên cứu ứng dụng, cũng như khả năng tự chủ và trách nhiệm của người học ở trình độ thạc sĩ. Kết quả đối sánh được sử dụng làm căn cứ trong quá trình thiết kế và rà soát CTĐT năm 2026.

Đối sánh quá trình phát triển CTĐT cho thấy phiên bản 2026 kế thừa nền tảng của CTĐT 2023 nhưng chuyển từ hệ thống chuẩn đầu ra riêng lẻ sang hệ thống PLO–PPC theo tiếp cận OBE, tăng khả năng truy xuất và đo lường. Các năng lực được làm rõ hơn theo

hướng phân tích kinh tế trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số; đánh giá chính sách, phát triển bền vững; thiết kế giải pháp quản trị; sử dụng công cụ định lượng và công nghệ số; nghiên cứu ứng dụng; giao tiếp chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp. Kết quả này cho thấy sự phát triển từ chuẩn đầu ra thiên về mô tả năng lực chung sang hệ thống chuẩn đầu ra có cấu trúc, có thể liên kết với học phần và phương pháp đánh giá. [H1.01.03.04]; [H1.01.03.05]

b) Điểm mạnh

- CTĐT xác định rõ trình độ đào tạo và định hướng ứng dụng, phù hợp với yêu cầu phát triển năng lực ở bậc thạc sĩ.

- PLO bao quát các thành tố kiến thức, kỹ năng và tự chủ, trách nhiệm, thuận lợi cho đối sánh với Khung trình độ quốc gia.

c) Điểm tồn tại

- Cần cập nhật hồ sơ đối sánh khi có văn bản hoặc phiên bản Khung trình độ quốc gia hiện hành được điều chỉnh.

- Một số mô tả về mức độ thành thạo của PLO cần tiếp tục được lượng hóa bằng chỉ báo đo lường.

d) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cập nhật định kỳ bảng đối sánh PLO với Khung trình độ quốc gia và các yêu cầu liên quan; bổ sung chỉ báo đo lường phù hợp.	Khoa Kinh tế; Phòng KT&ĐBCL	Theo chu kỳ rà soát CTĐT	Bảng đối sánh và báo cáo rà soát
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì cấu trúc PLO theo nhóm kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm và tăng cường đối sánh trong các lần cải tiến.	Khoa Kinh tế	Theo chu kỳ CTĐT	Hồ sơ đối sánh cập nhật

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

1.4. Tiêu chí 1.4: Chuẩn đầu ra của tất cả các học phần được xây dựng phải phù hợp và tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã công bố.

a) Mô tả hiện trạng

CTĐT được triển khai theo hướng tiếp cận OBE, trong đó PLO được cụ thể hóa thành PPC và tiếp tục được triển khai thành CLO của từng học phần. CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh

tế năm 2026 sử dụng hệ thống PLO và PPC làm cấu trúc trung gian để liên kết chuẩn đầu ra chương trình với chuẩn đầu ra học phần. Mỗi CLO được gắn với một hoặc một nhóm PPC; các PPC được phân rã từ PLO tương ứng. Nhờ đó, quan hệ CLO–PPC–PLO được xác lập theo nguyên tắc "từ năng lực chương trình đến năng lực học phần", tạo cơ sở thống nhất cho thiết kế nội dung, hoạt động dạy học và đánh giá. [H1.01.01.05]; [H1.01.04.01]

Kết quả tổng hợp 27 học phần với 118 CLO cho thấy CLO được phân bổ vào cả 08 PLO của CTĐT. PLO1 có 08 CLO thuộc 05 học phần; PLO2 có 10 CLO thuộc 09 học phần; PLO3 có 17 CLO thuộc 12 học phần; PLO4 có 21 CLO thuộc 14 học phần; PLO5 có 12 CLO thuộc 08 học phần; PLO6 có 16 CLO thuộc 12 học phần; PLO7 có 17 CLO thuộc 13 học phần; PLO8 có 17 CLO thuộc 15 học phần. Kết quả này cho thấy hệ thống học phần có sự tham gia vào việc hình thành toàn bộ hệ thống PLO, đồng thời có sự tập trung cao hơn ở các PLO về thiết kế giải pháp, nghiên cứu ứng dụng và trách nhiệm nghề nghiệp.

Mối liên kết CLO với PLO được thể hiện thông qua PPC. Ví dụ, CLO gắn với K1.1 và K1.2 đóng góp cho PLO1; K2.1 và K2.2 đóng góp cho PLO2; K3.1–K3.4 đóng góp cho PLO3; K4.1–K4.4 đóng góp cho PLO4; S1.1–S1.2 đóng góp cho PLO5; S2.1–S2.3 đóng góp cho PLO6; S3.1–S3.3 đóng góp cho PLO7; A1.1–A1.2 đóng góp cho PLO8. Cấu trúc này tạo khả năng truy xuất từ yêu cầu năng lực của CTĐT xuống mục tiêu học tập cụ thể của từng học phần. [H1.01.04.02]

Các CLO nhìn chung được phát biểu bằng động từ hành động có thể quan sát và đo lường, đồng thời thể hiện sự phát triển nhận thức theo thang Bloom. Nhóm CLO ở mức vận dụng tập trung vào sử dụng kiến thức, công cụ và phương pháp; nhóm phân tích tập trung vào phân tích hiện tượng, dữ liệu và chính sách; nhóm đánh giá tập trung vào thẩm định, đánh giá hiệu quả và tính phù hợp; nhóm thiết kế/xây dựng tập trung vào tạo lập chiến lược, mô hình, chương trình, dự án và đề án. Đối với các CLO gắn với PLO về kỹ năng và tự chủ, động từ hành động được sử dụng theo hướng tạo ra sản phẩm hoặc biểu hiện có thể đánh giá như "soạn thảo", "bảo vệ", "thiết kế", "xây dựng" và "thể hiện".

Hệ thống CLO–PPC–PLO tạo cơ sở truy xuất từ chuẩn đầu ra chương trình đến mục tiêu học tập và sản phẩm đánh giá của học phần; qua đó hỗ trợ việc lựa chọn phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá phù hợp với mức độ nhận thức và năng lực cần hình thành.

Xét theo nguyên tắc SMART, các PLO và CLO đã được cụ thể hóa về đối tượng năng lực, hành động cần thực hiện và bối cảnh vận dụng; khả năng đo lường được hỗ trợ bởi việc phân rã PLO thành PPC và CLO. Tính phù hợp được thể hiện qua liên kết PEO–PLO và CLO–PLO. Yếu tố thời hạn được xác định thông qua lộ trình đạt chuẩn trong quá trình học tập và đánh giá tại các học phần, đặc biệt ở các học phần thực tập và Đề án tốt nghiệp. Cách thiết kế này tạo cơ sở để chuyển từ mô tả chuẩn đầu ra sang đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra bằng các công cụ đánh giá phù hợp.

Việc liên kết CLO–PPC–PLO được thể hiện thống nhất trong hệ thống đề cương học phần và ma trận đóng góp của học phần vào chuẩn đầu ra CTĐT. [H1.01.04.03]; [H1.01.04.04]

b) Điểm mạnh

- Toàn bộ 08 PLO đều có học phần đóng góp và được triển khai qua hệ thống CLO/PPC.

- Có thể truy xuất theo chuỗi PLO → PPC → CLO → hoạt động/đánh giá, tạo nền tảng cho đo lường PLO.

c) Điểm tồn tại

Một số CLO cần hiệu chỉnh để bảo đảm tương thích hoàn toàn về nội hàm và động từ đo lường với PPC/PLO.

d) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát, chuẩn hóa toàn bộ CLO–PPC–PLO; thống nhất động từ đo lường, nội hàm và mã PPC; chuẩn hóa thuật ngữ trong 27 đề cương.	Khoa Kinh tế; giảng viên phụ trách học phần; Phòng KT&ĐBCL	2026–2027	Ma trận CLO–PPC–PLO và bộ đề cương cập nhật
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì cơ chế kiểm tra liên kết CLO–PPC–PLO trước khi phê duyệt và sau mỗi lần cập nhật CTĐT.	Khoa Kinh tế; Phòng KT&ĐBCL	Thường xuyên	Biên bản rà soát/phê duyệt

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

1.5. Tiêu chí 1.5: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là bên liên quan bên ngoài.

a) Mô tả hiện trạng

Trong quá trình xây dựng và cải tiến CTĐT năm 2026, Khoa Kinh tế đã lấy ý kiến các nhóm bên liên quan gồm doanh nghiệp/nhà sử dụng lao động, giảng viên và cựu học viên. Kết quả khảo sát ghi nhận 40 người tham gia, trong đó có 14 đại diện doanh nghiệp/nhà sử dụng lao động, 07 giảng viên và 19 cựu học viên ngành Thạc sĩ Quản lý kinh tế. [H1.01.01.09]

Ý kiến của doanh nghiệp và nhà sử dụng lao động tập trung vào yêu cầu cập nhật kinh tế số, mô hình kinh doanh nền tảng, tăng tính ứng dụng của chương trình và tăng tính thực tiễn của cấu phần tốt nghiệp. Các ý kiến này được tiếp thu trong quá trình cải tiến CTĐT năm 2026. [H1.01.05.01]; [H1.01.01.05]

Ý kiến của giảng viên tập trung vào cập nhật nội dung theo xu hướng kinh tế số, nền tảng, phát triển bền vững, tăng cường các học phần cốt lõi, tăng tính liên thông và tăng yêu cầu ứng dụng của Đề án tốt nghiệp. Những nội dung này được phản ánh trong cấu trúc và nội dung CTĐT năm 2026. [H1.01.05.01]

Ý kiến của cựu học viên phản ánh nhu cầu tăng cường kiến thức về kinh tế số, mô hình kinh doanh nền tảng và khả năng giải quyết các vấn đề quản lý kinh tế thực tế. Các ý kiến được sử dụng làm cơ sở để tăng định hướng ứng dụng của chương trình và điều chỉnh cấu phần tốt nghiệp. [H1.01.05.01]

Hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan ngày 19/6/2026 có sự tham gia của đại diện lãnh đạo Trường, các đơn vị chức năng, giảng viên, chuyên gia, nhà tuyển dụng/doanh nghiệp, cựu học viên và người học. Nội dung trao đổi tập trung vào mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình và định hướng ứng dụng của CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế. [H1.01.01.10]

b) Điểm mạnh

- CTĐT đã tiếp nhận các yêu cầu thực tiễn về kinh tế số, tính ứng dụng và năng lực giải quyết vấn đề để cập nhật định hướng chuẩn đầu ra và nội dung đào tạo.

- Có hồ sơ tham vấn làm căn cứ cho quá trình cải tiến CTĐT năm 2026.

c) Điểm tồn tại

- Số lượng phản hồi từ cựu người học và nhà sử dụng lao động ở đào tạo thạc sĩ cần tiếp tục tăng để nâng cao tính đại diện.

- Cần chuẩn hóa việc phản hồi cho bên liên quan về kết quả tiếp thu và những nội dung không tiếp thu.

d) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Mở rộng nhóm và số lượng bên liên quan tham gia khảo sát; tăng cường thu thập ý kiến nhà sử dụng lao động và cựu người học của chương trình.	Khoa Kinh tế; Phòng KT&ĐBCL	Hằng năm từ 2026–2027	Kế hoạch khảo sát, dữ liệu và báo cáo phân tích
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì cơ chế sử dụng ý kiến bên liên quan làm đầu vào cho rà soát PLO và CTĐT; thiết lập ma trận phản hồi – tiếp thu – điều chỉnh.	Khoa Kinh tế; Phòng KT&ĐBCL	Theo chu kỳ rà soát CTĐT	Ma trận phản hồi và biên bản rà soát

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

1.6. Tiêu chí 1.6: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được đo lường đánh giá tại thời điểm người học tốt nghiệp.

a) Mô tả hiện trạng

CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế được thiết kế theo định hướng giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra (OBE), trong đó chuẩn đầu ra được cụ thể hóa thành các thành phần năng lực và được liên kết với nội dung các học phần, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá. Bản mô tả CTĐT, ma trận chuẩn đầu ra và đề cương các học phần là cơ sở để tổ chức đo lường, đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học trong quá trình đào tạo và tại thời điểm hoàn thành chương trình. [H1.01.01.05]; [H1.01.06.01]; [H1.01.06.02]

Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế được ban hành năm 2023, trong giai đoạn từ năm 2022 đến thời điểm lập báo cáo năm 2025, Khoa Kinh tế chưa tổ chức tuyển sinh và đào tạo chính thức chương trình. Vì vậy, chưa có khóa học viên tốt nghiệp để thực hiện đo lường chuẩn đầu ra tại thời điểm tốt nghiệp. Việc đánh giá trong giai đoạn này được thực hiện theo hướng chuẩn bị và kiểm chứng tính phù hợp, khả năng đo lường và mức độ sẵn sàng triển khai của hệ thống chuẩn đầu ra. 03 Báo cáo phân tích mức độ phù…

Kết quả khảo sát học viên trình độ thạc sĩ giai đoạn 2023–2024 cho thấy các nhóm năng lực được đánh giá ở mức khá cao, trong đó kiến thức đạt 80% đánh giá "Tốt – Rất tốt", kỹ năng nghề nghiệp đạt 80%, kỹ năng mềm đạt 75%, thái độ đạt 80% và năng lực nghiên cứu, tư duy chiến lược đạt 80%; điểm trung bình tương ứng lần lượt là 4,22; 4,15; 3,98; 4,43 và 4,02. Kết quả này cung cấp thêm cơ sở để xem xét mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra với yêu cầu thực tiễn, đồng thời cho thấy kỹ năng mềm, đặc biệt là thuyết trình và làm việc nhóm trong môi trường phức tạp, cần tiếp tục được tăng cường.

Trên cơ sở kết quả phân tích năm 2025, Khoa Kinh tế tiếp tục hoàn thiện CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế năm 2026 theo hướng tăng tính ứng dụng, tăng cường năng lực phân tích, giải quyết vấn đề, nghiên cứu và tư duy chiến lược, đồng thời chuẩn bị các điều kiện để thực hiện đo lường chuẩn đầu ra khi CTĐT được triển khai đào tạo và có khóa học viên tốt nghiệp. Báo cáo phân tích năm 2025 xác định chuẩn đầu ra có tính hệ thống, có khả năng đo lường và sẵn sàng triển khai.

Đối với CTĐT năm 2026, Nhà trường và Khoa Kinh tế đã xác định việc đo lường chuẩn đầu ra tại thời điểm người học tốt nghiệp là một nội dung cần được thực hiện theo chu trình cải tiến chất lượng. Kết quả đo lường của từng khóa tốt nghiệp sẽ được tổng hợp theo từng chuẩn đầu ra, phân tích mức độ đạt và sử dụng làm căn cứ rà soát, điều chỉnh học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá và CTĐT khi cần thiết. [H1.01.01.05]; [H1.01.06.03]; [H1.01.06.04]; [H1.01.06.05]; [H1.01.06.06]

b) Điểm mạnh

- Khoa Kinh tế đã chủ động phân tích mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra với nhu cầu thực tiễn và chuẩn bị hệ thống đo lường trước khi triển khai đào tạo chính thức.

- Kết quả phân tích năm 2025 đã chỉ ra những nội dung cần tiếp tục tăng cường, đặc biệt là kỹ năng mềm, năng lực nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, tạo cơ sở cho quá trình hoàn thiện CTĐT.

c) Điểm tồn tại

- Do CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế chưa tổ chức đào tạo chính thức trong giai đoạn được phân tích năm 2025 nên chưa có dữ liệu đo lường chuẩn đầu ra của một khóa học viên tại thời điểm tốt nghiệp.

- Hệ thống chỉ báo, ngưỡng đạt và cách tổng hợp kết quả theo từng chuẩn đầu ra cần tiếp tục được chuẩn hóa trước khi thực hiện đo lường chính thức đối với khóa học viên tốt

nghiệp đầu tiên.

- Việc sử dụng kết quả đo lường chuẩn đầu ra để phân tích xu hướng giữa các khóa và xác định mức độ tác động của các hoạt động cải tiến sẽ được thực hiện sau khi có dữ liệu tốt nghiệp

d) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Chuẩn hóa chỉ báo, ngưỡng đạt, công cụ/rubric và phương pháp tổng hợp kết quả theo từng PLO; xây dựng báo cáo xu hướng giữa các khóa.	Khoa Kinh tế; Phòng KT&ĐBCL; giảng viên	Theo từng khóa tốt nghiệp	Báo cáo đo lường PLO và bảng theo dõi xu hướng
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì chu trình đo lường – phân tích – cải tiến; sử dụng kết quả đo PLO làm đầu vào điều chỉnh học phần và CTĐT.	Khoa Kinh tế; Phòng Đào tạo; Phòng KT&ĐBCL	Theo chu kỳ đánh giá	Báo cáo cải tiến và hồ sơ theo dõi sau cải tiến

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

Kết luận tiêu chuẩn 1

CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế năm 2026 đã xác định mục tiêu giáo dục và hệ thống chuẩn đầu ra theo định hướng ứng dụng, gắn với sứ mệnh, tầm nhìn và định hướng phát triển của Trường Đại học Intracom. Hệ thống PEO, PLO và PPC được thiết kế có mối liên hệ; PLO bao quát các năng lực về phân tích kinh tế, quản lý nhà nước về kinh tế, thiết kế giải pháp, sử dụng công cụ định lượng và công nghệ số, nghiên cứu ứng dụng, giao tiếp chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm giải trình.

Kết quả rà soát cho thấy chuẩn đầu ra được đối sánh với trình độ thạc sĩ và Khung trình độ quốc gia Việt Nam Bậc 7; được triển khai xuống các học phần thông qua PPC và CLO; đồng thời đã tiếp thu các yêu cầu của bên liên quan trong quá trình cập nhật CTĐT năm 2026. Hệ thống đo lường chuẩn đầu ra được định hướng theo OBE và kết quả đo của CTĐT năm 2023 được sử dụng làm đầu vào cho cải tiến CTĐT năm 2026.

Các nội dung tiếp tục cải tiến tập trung vào chuẩn hóa CLO–PPC–PLO, hoàn thiện hồ sơ phổ biến và khảo sát mức độ nhận biết PLO, tăng tính đại diện của dữ liệu tham vấn bên liên quan và chuẩn hóa hệ thống đo lường PLO tại thời điểm người học tốt nghiệp. Trên cơ sở các minh chứng được sử dụng trong mô tả và kế hoạch hành động, Tiêu chuẩn

1 được tự đánh giá: Đạt.

2. Tiêu chuẩn 2: cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn 2 gồm 07 tiêu chí, tập trung đánh giá tính đầy đủ, cập nhật và công khai của Bản mô tả chương trình đào tạo (CTĐT) và đề cương học phần; sự phù hợp của cấu trúc, khối lượng học tập và nội dung với chuẩn đầu ra; việc tiếp thu phản hồi của các bên liên quan; sự đóng góp của từng học phần đối với chuẩn đầu ra; tính logic, linh hoạt, tích hợp của chương trình; cơ cấu học phần và cơ hội lựa chọn của người học; cũng như việc rà soát, cải tiến và cập nhật CTĐT.

Theo Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế năm 2026, chương trình có mã ngành 8340410, định hướng ứng dụng, tổng khối lượng 60 tín chỉ, thời gian đào tạo 1,5–2 năm và được ban hành kèm theo Quyết định số 299/QĐ-ĐHI ngày 25/6/2026. Chương trình được tổ chức thành bốn khối kiến thức: kiến thức giáo dục đại cương 7 tín chỉ; kiến thức ngành 13 tín chỉ; kiến thức chuyên ngành 28 tín chỉ; thực tập thực tế và tốt nghiệp 12 tín chỉ. Trong tổng số 60 tín chỉ có 51 tín chỉ bắt buộc và 9 tín chỉ tự chọn.

2.1. Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần có đủ thông tin, được cập nhật, phê duyệt và được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

a) mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế được xây dựng theo cấu trúc thống nhất, trong đó thể hiện các thông tin cơ bản của chương trình như tên ngành, mã ngành, trình độ đào tạo, mục tiêu, chuẩn đầu ra, điều kiện đầu vào, thời gian và khối lượng đào tạo, cấu trúc các khối kiến thức, danh mục học phần, ma trận đóng góp của học phần vào chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá, điều kiện tốt nghiệp và mô tả nội dung các học phần. Các đề cương học phần được xây dựng theo mẫu thống nhất, thể hiện thông tin chung, chuẩn đầu ra học phần, liên kết với chuẩn đầu ra CTĐT, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá, nội dung và học liệu. [H2.02.01.01]; [H2.02.01.02]

Bản mô tả CTĐT đã được cập nhật theo phiên bản năm 2026 trên cơ sở rà soát chương trình giai đoạn trước. Những nội dung mới được thể hiện rõ ở định hướng ứng dụng, tăng cường kinh tế số, phân tích dữ liệu, phát triển bền vững, giải quyết vấn đề thực tiễn và tổ chức Đề án tốt nghiệp theo hướng ứng dụng. [H2.02.01.03]; [H1.01.03.05]

Bản mô tả CTĐT và bộ đề cương học phần được sử dụng làm tài liệu chính thức phục vụ triển khai đào tạo; việc công bố và cập nhật thông tin được thực hiện theo quy định của Nhà trường.

Bảng 2.1.1. Vai trò thông tin của Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần

Cấp tài liệu	Thông tin cốt lõi	Vai trò đối với người sử dụng
Bản mô tả CTĐT	Mục tiêu; 09 PLO/18 PPC; 123 TC; 10 học kỳ; cơ cấu khối kiến thức; chuyên ngành; lộ trình; I/P/M; định hướng dạy–học và đánh giá.	Cho biết toàn cảnh chương trình và logic đạt CĐR.
Đề cương học phần	Thông tin học phần; CĐR học phần; nội dung; phương pháp dạy–học; đánh giá; học liệu; tiêu chí và công cụ đánh giá/công cụ chấm.	Cho biết cách một học phần cụ thể triển khai đóng góp vào CĐR.
Liên kết hai cấp	PPC/I-P-M ↔ CĐR học phần ↔ đánh giá/tiêu chí đánh giá.	Hỗ trợ kiểm soát tính nhất quán khi chương trình hoặc đề cương được cập nhật.

b) Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT có cấu trúc đầy đủ, danh mục học phần và đề cương được xây dựng đồng bộ; thông tin về phương pháp dạy học và đánh giá được thể hiện khá cụ thể, tạo cơ sở để triển khai chương trình theo định hướng ứng dụng.

c) Điểm tồn tại:

Cơ chế kiểm soát phiên bản cần tiếp tục được duy trì đồng bộ giữa Bản mô tả CTĐT, đề cương học phần và các kênh sử dụng để bảo đảm tính nhất quán sau mỗi lần cập nhật.

d) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát, chuẩn hóa Bản mô tả CTĐT và 27 đề cương học phần; kiểm soát phiên bản.	Khoa/đơn vị quản lý CTĐT; Phòng Đào tạo; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Năm học 2026–2027	Bản mô tả CTĐT cập nhật; bộ đề cương chuẩn hóa; biên bản rà soát, phê duyệt
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì cập nhật, rà soát và sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến CTĐT theo chu kỳ.	Khoa/đơn vị quản lý CTĐT; Phòng Đào tạo	Theo chu kỳ rà soát	Báo cáo rà soát; hồ sơ cập nhật

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

2.2. Tiêu chí 2.2: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển để bảo đảm người học đạt được chuẩn đầu ra và có khối lượng học tập phù hợp với quy định.

a) Mô tả hiện trạng

Cấu trúc và nội dung CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế năm 2026 được thiết kế theo định hướng ứng dụng, gắn với mục tiêu đào tạo và 08 chuẩn đầu ra của chương trình. Khối lượng toàn khóa là 60 tín chỉ, trong đó 51 tín chỉ bắt buộc và 9 tín chỉ tự chọn. Cấu trúc này tạo sự kết hợp giữa kiến thức nền tảng, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành và các hoạt động thực tập thực tế, tốt nghiệp, qua đó hỗ trợ người học phát triển từ năng lực nhận biết, phân tích đến vận dụng và giải quyết vấn đề thực tiễn. [H1.01.03.05]; [H2.02.02.01]

CTĐT gồm 27 học phần, trong đó 25 học phần thuộc các khối kiến thức đại cương, ngành và chuyên ngành, cùng 02 học phần thực tập thực tế và tốt nghiệp. Các học phần được thiết kế với số tín chỉ từ 2 đến 9 tín chỉ; tổng thời lượng lý thuyết là 715 giờ và thực hành là 745 giờ. Đặc biệt, 12 tín chỉ thực tập thực tế và tốt nghiệp được tổ chức theo hướng trải nghiệm, nghiên cứu và giải quyết vấn đề thực tế, trong đó Đề án tốt nghiệp chiếm 9 tín chỉ. [H2.02.02.02]

Sự phù hợp giữa cấu trúc chương trình và chuẩn đầu ra được thể hiện qua ma trận đóng góp của các khối kiến thức vào PLO. Khối kiến thức đại cương tạo nền tảng; khối kiến thức ngành phát triển năng lực phân tích; khối chuyên ngành tăng cường năng lực vận dụng và giải quyết vấn đề; khối thực tập và tốt nghiệp đóng góp ở mức cao đối với các PLO. Đề án tốt nghiệp được xác định là học phần ở mức Master đối với hầu hết các PLO, phù hợp với vai trò tích hợp kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ của người học. [H2.02.02.03]

Khối lượng học tập được phân bổ theo học kỳ và có điều kiện học phần trước đối với một số học phần có tính kế thừa, qua đó tạo trình tự phát triển năng lực. Người học có thể lựa chọn các học phần tự chọn theo nhu cầu và định hướng nghề nghiệp trên cơ sở đáp ứng điều kiện học phần và quy định đào tạo. [H1.01.03.05]; [H2.02.02.04]

Bảng 2.2.1. Các chỉ số về khối lượng học tập của CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế

Chỉ số	Giá trị rà soát	Diễn giải
Tổng tín chỉ	60 TC	Khối lượng toàn khóa của CTĐT, phù hợp với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng.
Bắt buộc / tự chọn	51 / 9 TC	Bảo đảm phần kiến thức cốt lõi của chương trình, đồng thời tạo điều

Chỉ số	Giá trị rà soát	Diễn giải
		kiện để người học lựa chọn học phần theo nhu cầu và định hướng nghề nghiệp.
Số học phần	27 học phần	Gồm 25 học phần thuộc các khối kiến thức đại cương, ngành và chuyên ngành; 02 học phần thực tập thực tế và tốt nghiệp.
Số tín chỉ/học phần	2–9 TC	Các học phần được phân bổ từ 2 đến 9 tín chỉ, phù hợp với tính chất và yêu cầu của từng học phần.
Lý thuyết	715 giờ	Thời lượng lý thuyết tập trung cung cấp kiến thức nền tảng, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành.
Thực hành	745 giờ	Thời lượng thực hành được bố trí nhằm tăng cường khả năng vận dụng kiến thức, phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn.
Thực tập và tốt nghiệp	12 TC	Tập trung vào trải nghiệm thực tế, nghiên cứu và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực quản lý kinh tế.
Đề án tốt nghiệp	9 TC	Là thành phần tích hợp quan trọng ở cuối chương trình, tạo điều kiện để người học vận dụng kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ vào giải quyết vấn đề thực tiễn.

b) Điểm mạnh

Cấu trúc 60 tín chỉ rõ ràng; tỷ trọng thực tập và tốt nghiệp 12 tín chỉ tạo điều kiện tăng tính ứng dụng; các học phần chuyên ngành bao phủ các vấn đề quản lý kinh tế hiện đại như kinh tế số, đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững, quản lý tài chính công, quản lý tài nguyên và môi trường.

c) Điểm tồn tại

Sự cân đối giữa các khối kiến thức và tính liên thông giữa một số học phần tiếp tục được theo dõi; dữ liệu thực tế về khối lượng học tập của học viên được sử dụng làm cơ sở xem xét điều chỉnh khi phát sinh bất cập.

d) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Định kỳ rà soát khối lượng học tập, điều kiện học phần trước và phân bổ học phần; thu thập phản hồi về tải học tập.	Khoa/đơn vị quản lý CTĐT; Phòng Đào tạo; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Hằng năm và theo chu kỳ rà soát CTĐT	Báo cáo rà soát; kết quả khảo sát; phương án điều chỉnh nếu có
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì cập nhật, rà soát và sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến CTĐT theo chu kỳ.	Khoa/đơn vị quản lý CTĐT; Phòng Đào tạo	Theo chu kỳ rà soát	Báo cáo rà soát; hồ sơ cập nhật

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

2.3. Tiêu chí 2.3: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là các bên liên quan bên ngoài.

a) Mô tả hiện trạng

Cấu trúc và nội dung CTĐT được phát triển trên cơ sở kết hợp yêu cầu của Nhà trường, đặc điểm ngành Quản lý kinh tế và phản hồi của các bên liên quan. Trong quá trình rà soát CTĐT, các nhóm được tham vấn gồm giảng viên, chuyên gia, người học/cựu người học và người sử dụng lao động. Kết quả tham vấn được sử dụng để xác định các nội dung cần cập nhật, trong đó nổi bật là tăng cường nội dung kinh tế số và mô hình kinh doanh nền tảng, tăng tính ứng dụng của Đề án tốt nghiệp, tinh gọn khối kiến thức bổ sung và chuẩn hóa yêu cầu ngoại ngữ. [H2.02.03.01]; [H2.02.03.02]

Những phản hồi về yêu cầu năng lực trong bối cảnh chuyển đổi số và phát triển bền vững đã được phản ánh trong cấu trúc chương trình 2026 thông qua các học phần như Kinh tế số và mô hình kinh doanh nền tảng, Quản trị doanh nghiệp khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, Quản lý phát triển bền vững, Đầu tư trong nền kinh tế số và Phát triển nông nghiệp xanh và bền vững. [H2.02.03.03]; [H1.01.02.04]

Việc đối sánh với các chương trình Thạc sĩ Quản lý kinh tế trong nước và quốc tế cũng được sử dụng làm một nguồn thông tin khi phát triển cấu trúc chương trình, tập trung vào khối lượng tín chỉ, cơ cấu kiến thức, thực tập/tốt nghiệp, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá. [H2.02.03.04]

b) Điểm mạnh

CTĐT có sự tham gia của nhiều nhóm bên liên quan; phản hồi được chuyển hóa thành những nội dung cải tiến cụ thể, đặc biệt ở các lĩnh vực kinh tế số, phát triển bền vững và tăng tính ứng dụng của Đề án tốt nghiệp.

c) Tồn tại

số lượng và tính đại diện của phản hồi từ cựu người học và người sử dụng lao động, đặc biệt đối với đào tạo thạc sĩ, còn có thể được mở rộng; mối liên hệ từ phản hồi → phân tích → quyết định điều chỉnh → phê duyệt → triển khai tiếp tục được chuẩn hóa để tăng khả năng truy xuất.

d) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức khảo sát riêng theo từng nhóm bên liên quan; tăng sự tham gia của nhà tuyển dụng, cựu học viên và chuyên gia; lập ma trận tiếp thu – giải trình – điều chỉnh.	Khoa/đơn vị quản lý CTĐT; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Từ năm học 2026–2027, hằng năm	Kế hoạch khảo sát; báo cáo phân tích; ma trận tiếp thu và điều chỉnh
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì cập nhật, rà soát và sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến CTĐT theo chu kỳ.	Khoa/đơn vị quản lý CTĐT; Phòng Đào tạo	Theo chu kỳ rà soát	Báo cáo rà soát; hồ sơ cập nhật

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

2.4. Tiêu chí 2.4: Đóng góp của từng học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo là rõ ràng.

a) Mô tả hiện trạng

Đóng góp của từng học phần đối với việc đạt chuẩn đầu ra CTĐT được xác định trong ma trận liên kết giữa học phần và các thành phần chuẩn đầu ra. Ma trận sử dụng ba mức I – Introduce, P – Practice và M – Master để thể hiện mức độ đóng góp của học phần đối với từng PLO/PPC. Cách thiết kế này cho phép xác định học phần nào giới thiệu, phát triển và làm chủ năng lực; đồng thời tạo cơ sở kiểm tra sự bao phủ của 08 PLO trong toàn bộ CTĐT. [H2.02.04.01]

Kết quả rà soát danh mục 27 học phần cho thấy cả 08 PLO đều được các học phần trong chương trình đóng góp ở các mức độ khác nhau. Các học phần thực tập và Đề án tốt nghiệp đóng vai trò tích hợp, với Đề án tốt nghiệp được thiết kế ở mức Master đối với nhiều PLO, qua đó tạo cơ hội để người học tổng hợp và vận dụng năng lực đã hình thành trong toàn khóa. [H2.02.04.02]; [H1.01.03.05]

Kết quả rà soát đề cương học phần cho thấy phần lớn CLO đã được liên kết với PPC/PLO tương ứng. Một số CLO còn khác biệt về động từ hành động và nội dung liên kết, tập trung ở các học phần liên quan đến phương pháp nghiên cứu, phân tích định lượng và Đề án tốt nghiệp. Việc chuẩn hóa các nội dung này nhằm tăng tính chính xác và nhất quán của ma trận, đồng thời duy trì nguyên tắc bao phủ PLO của chương trình.

b) Điểm mạnh

Có ma trận liên kết ở cấp CTĐT và cấp học phần; toàn bộ 08 PLO đều được bao phủ; có phân biệt mức độ I–P–M và có học phần tích hợp ở giai đoạn cuối chương trình.

c) Điểm tồn tại

Một số liên kết CLO–PPC còn cần được chuẩn hóa để bảo đảm sự tương thích giữa nội dung CLO và thành phần chuẩn đầu ra được gán; mức độ đồng bộ giữa ma trận CTĐT, đề cương học phần và công cụ đánh giá tiếp tục được kiểm soát.

d) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát toàn bộ 27 đề cương, chuẩn hóa CLO, PPC, ma trận CLO–PLO và phương pháp đánh giá; kiểm tra chéo trước khi phê duyệt.	Khoa/đơn vị quản lý CTĐT; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Năm học 2026–2027	Ma trận cập nhật; biên bản kiểm tra chéo; đề cương phiên bản mới
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì cập nhật, rà soát và sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến CTĐT theo chu kỳ.	Khoa/đơn vị quản lý CTĐT; Phòng Đào tạo	Theo chu kỳ rà soát	Báo cáo rà soát; hồ sơ cập nhật

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

2.5. Tiêu chí 2.5: Chương trình đào tạo có cấu trúc logic, trình tự hợp lý, có tính linh hoạt và tích hợp.

a) Mô tả hiện trạng

CTĐT có cấu trúc theo trình tự từ kiến thức nền tảng đến kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành và cuối cùng là thực tập thực tế, Đề án tốt nghiệp. Trình tự này phù hợp với định hướng phát triển năng lực theo OBE, trong đó người học được cung cấp nền tảng trước, tiếp tục phân tích các vấn đề quản lý kinh tế, sau đó vận dụng vào các lĩnh vực chuyên sâu và giải quyết vấn đề thực tiễn. [H1.01.03.05]; [H2.02.05.01]

Tính logic còn được thể hiện thông qua các học phần có điều kiện học trước, chẳng hạn Kinh tế phát triển nâng cao được bố trí sau Kinh tế học nâng cao; Kỹ năng tư vấn chiến lược kinh doanh được bố trí sau Quản trị chiến lược nâng cao; một số học phần chuyên sâu kế thừa kiến thức của học phần nền tảng. [H2.02.05.02]

Tính linh hoạt được thể hiện thông qua 09 tín chỉ tự chọn, cho phép học viên lựa chọn 03 học phần trong nhóm chuyên ngành; đồng thời tiến độ học tập trong Bản mô tả được xác định là định hướng để học viên lập kế hoạch, còn việc đăng ký học phần được thực hiện theo nhu cầu cá nhân và điều kiện học phần. [H1.01.03.05]

Tính tích hợp được thể hiện qua sự kết nối giữa các học phần chuyên môn, thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp; nội dung về kinh tế số, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững

được tích hợp vào nhiều học phần thay vì chỉ tập trung ở một học phần riêng lẻ.

b) Điểm mạnh

Trình tự chương trình từ nền tảng đến chuyên sâu và thực tập, tốt nghiệp rõ; có điều kiện học phần trước, 09 tín chỉ tự chọn và sự tích hợp giữa kiến thức chuyên môn với hoạt động thực tiễn, nghiên cứu ứng dụng.

c) Điểm tồn tại

Một số nội dung giữa các học phần và mức độ liên thông của nhóm học phần tự chọn còn được tiếp tục rà soát; phản hồi của học viên được sử dụng để đánh giá mức độ thuận tiện trong lựa chọn và đăng ký học phần.

d) Kế hoạch hành động (Những việc cần làm nhằm khắc phục điểm tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát học phần trước, nội dung trùng lặp và sự liên thông giữa các học phần; thu thập phản hồi học viên để xem xét điều chỉnh.	Khoa/đơn vị quản lý CTĐT; Phòng Đào tạo	Hằng năm	Báo cáo rà soát; kết quả phản hồi; phương án điều chỉnh nếu có
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì cập nhật, rà soát và sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến CTĐT theo chu kỳ.	Khoa/đơn vị quản lý CTĐT; Phòng Đào tạo	Theo chu kỳ rà soát	Báo cáo rà soát; hồ sơ cập nhật

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

2.6. Tiêu chí 2.6: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo thể hiện rõ các học phần bắt buộc, tự chọn, lý thuyết, thực hành, trải nghiệm, nghiên cứu khoa học, các thành phần chính yếu và bổ trợ; cho phép người học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp của bản thân.

a) Mô tả hiện trạng

Cấu trúc CTĐT thể hiện rõ các khối kiến thức và phân biệt học phần bắt buộc, tự chọn. Tổng số 60 tín chỉ gồm 51 tín chỉ bắt buộc và 9 tín chỉ tự chọn. Các thành phần chính gồm kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành và thực tập thực tế – tốt nghiệp. [H2.02.06.01]

Các học phần lý thuyết, thực hành, thảo luận, xử lý dữ liệu, dự án và nghiên cứu ứng dụng được kết hợp trong chương trình. Đặc biệt, Chuyên đề thực tập thực tế 3 tín chỉ và Đề án tốt nghiệp 9 tín chỉ tạo thành 12 tín chỉ ở giai đoạn cuối, giúp người học chuyển hóa kiến thức thành sản phẩm và giải pháp gắn với thực tiễn quản lý kinh tế. [H1.01.02.04];

[H2.02.06.02]

Các học phần tự chọn bao gồm những chủ đề đa dạng như Kinh tế lượng, Đầu tư trong nền kinh tế số, Kinh tế thương mại dịch vụ, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý tài chính công, Quản lý chất lượng, Phát triển nông nghiệp xanh và bền vững và Văn hóa khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp. Cơ cấu này tạo không gian lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp và mối quan tâm chuyên môn của học viên. [H2.02.06.03]

Bảng 2.6.1. Cơ cấu tín chỉ và thành phần CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế

Thành phần	Số tín chỉ	Vai trò
Kiến thức đại cương	7	Cung cấp nền tảng kiến thức chung, hỗ trợ người học hình thành năng lực nền tảng và đáp ứng các yêu cầu của trình độ thạc sĩ.
Kiến thức ngành	13	Phát triển kiến thức ngành và năng lực phân tích, tạo nền tảng để tiếp cận các vấn đề quản lý kinh tế.
Kiến thức chuyên ngành	28	Tăng cường kiến thức chuyên sâu, năng lực vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực quản lý kinh tế.
Thực tập thực tế và tốt nghiệp	12	Tích hợp kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ thông qua trải nghiệm thực tế, nghiên cứu và giải quyết vấn đề; trong đó Đề án tốt nghiệp chiếm 9 tín chỉ.
Bắt buộc / tự chọn	51 / 9	Kết hợp phần kiến thức cốt lõi bắt buộc với cơ hội lựa chọn học phần theo nhu cầu và định hướng người học

b) Điểm mạnh

CTĐT phân định rõ bắt buộc – tự chọn và kết hợp các hình thức học tập, thực hành, trải nghiệm, nghiên cứu ứng dụng; 12 tín chỉ thực tập thực tế và tốt nghiệp tạo điều kiện tăng tính thực tiễn; nhóm học phần tự chọn có chủ đề đa dạng.

c) Điểm tồn tại

nhu cầu đăng ký thực tế đối với các học phần tự chọn và mức độ đáp ứng các nhóm định hướng nghề nghiệp tiếp tục được theo dõi; hoạt động trải nghiệm thực tế và kết nối chuyên gia/doanh nghiệp được tăng cường trong quá trình triển khai.

d) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổng hợp nhu cầu lựa chọn học phần, số lớp mở và mức độ đáp ứng; rà soát danh mục tự chọn theo nhu cầu người học và thị trường lao động.	Khoa/đơn vị quản lý CTĐT; Phòng Đào tạo	Hằng năm	Báo cáo nhu cầu; dữ liệu mở lớp; đề xuất cập nhật

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì cập nhật, rà soát và sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến CTĐT theo chu kỳ.	Khoa/đơn vị quản lý CTĐT; Phòng Đào tạo	Theo chu kỳ rà soát	Báo cáo rà soát; hồ sơ cập nhật

đ) Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (X)

2.7. Tiêu chí 2.7: Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo được rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng theo quy trình, quy định; bảo đảm tính cập nhật, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

a) Mô tả hiện trạng

CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế được rà soát và cải tiến qua các phiên bản, trong đó có sự thay đổi giữa CTĐT 2021, 2023 và 2026. Quá trình cải tiến tập trung vào việc cập nhật định hướng ứng dụng, tăng cường kinh tế số, phân tích dữ liệu, phát triển bền vững, giải quyết vấn đề thực tiễn và tăng tính ứng dụng của Đề án tốt nghiệp. [H2.02.01.03]; [H2.02.07.01]

Các nội dung cải tiến năm 2026 được liên hệ với phản hồi của các bên liên quan và kết quả đối sánh. Trong đó, nhu cầu cập nhật kinh tế số và mô hình kinh doanh nền tảng được phản ánh bằng việc bổ sung học phần Kinh tế số và mô hình kinh doanh nền tảng; yêu cầu tăng tính ứng dụng được thể hiện qua cấu trúc thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp; yêu cầu phát triển bền vững được phản ánh trong các học phần liên quan đến quản lý phát triển bền vững, tài nguyên và môi trường và nông nghiệp xanh. [H2.02.07.02]; [H2.02.07.03]; [H2.02.07.04]

CTĐT cũng được đối sánh với một số chương trình Thạc sĩ Quản lý kinh tế trong nước và quốc tế về tổng số tín chỉ, cơ cấu khối kiến thức, tỷ trọng thực tập/tốt nghiệp, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá. Kết quả đối sánh được sử dụng như một nguồn tham khảo trong thiết kế CTĐT 2026. [H2.02.07.05]

b) Điểm mạnh

CTĐT phân định rõ bắt buộc – tự chọn và kết hợp các hình thức học tập, thực hành, trải nghiệm, nghiên cứu ứng dụng; 12 tín chỉ thực tập thực tế và tốt nghiệp tạo điều kiện tăng tính thực tiễn; nhóm học phần tự chọn có chủ đề đa dạng.

c) Điểm tồn tại

Nhu cầu đăng ký thực tế đối với các học phần tự chọn và mức độ đáp ứng các nhóm định hướng nghề nghiệp tiếp tục được theo dõi; hoạt động trải nghiệm thực tế và kết nối

chuyên gia/doanh nghiệp được tăng cường trong quá trình triển khai.

d) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổng hợp nhu cầu lựa chọn học phần, số lớp mở và mức độ đáp ứng; rà soát danh mục tự chọn theo nhu cầu người học và thị trường lao động.	Khoa/đơn vị quản lý CTĐT; Phòng Đào tạo	Hằng năm	Báo cáo nhu cầu; dữ liệu mở lớp; đề xuất cập nhật
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì cập nhật, rà soát và sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến CTĐT theo chu kỳ.	Khoa/đơn vị quản lý CTĐT; Phòng Đào tạo	Theo chu kỳ rà soát	Báo cáo rà soát; hồ sơ cập nhật

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý kinh tế được xây dựng với cấu trúc hợp lý, nội dung phù hợp định hướng ứng dụng, có sự liên kết giữa học phần với chuẩn đầu ra và đáp ứng yêu cầu về khối lượng, lựa chọn học phần, thực hành và đề án tốt nghiệp. Chương trình được rà soát, cập nhật trên cơ sở ý kiến các bên liên quan và yêu cầu thực tiễn.

Tiêu chuẩn 2 gồm 07 tiêu chí, cả 07 tiêu chí được đánh giá Đạt.

3. Tiêu chuẩn 3: Hoạt động dạy và học

Hoạt động dạy và học của CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế được tổ chức theo định hướng ứng dụng, gắn với triết lý giáo dục của Nhà trường và chuẩn đầu ra của chương trình. Các phương pháp dạy học chú trọng phát huy tính chủ động, tự học, tự nghiên cứu và khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Nội dung và phương pháp dạy học được rà soát, cập nhật theo yêu cầu của chương trình, người học và thị trường lao động.

3.1. Tiêu chí 3.1: Triết lý giáo dục của cơ sở đào tạo được tuyên bố rõ ràng, được phổ biến đến các bên liên quan và được truyền tải vào các hoạt động dạy và học.

a) Mô tả hiện trạng

Triết lý giáo dục của Nhà trường được tuyên bố rõ ràng, định hướng cho việc tổ chức đào tạo theo hướng khai mở năng lực, gắn tri thức với thực tiễn và tạo giá trị cho người học, doanh nghiệp và xã hội. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế, định hướng đào tạo ứng dụng được thể hiện thông qua mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra và nội dung chương

trình, tập trung vào phân tích kinh tế, quản lý nhà nước về kinh tế, quản trị phát triển, chuyển đổi số, phát triển bền vững và giải quyết các vấn đề thực tiễn. [H3.03.01.01]; [H3.03.01.02]

Triết lý giáo dục được phổ biến thông qua các hoạt động định hướng của Nhà trường, thông tin về chương trình đào tạo, tài liệu học tập và các hoạt động của khoa, qua đó giúp giảng viên và người học nhận diện định hướng đào tạo ứng dụng của chương trình. [H3.03.01.03]; [H3.03.01.04]; [H3.03.01.05]; [H3.03.01.06]

Triết lý giáo dục được chuyển tải vào hoạt động dạy và học thông qua việc lựa chọn nội dung gắn với thực tiễn quản lý kinh tế, sử dụng tình huống, thảo luận, phân tích dữ liệu, bài tập ứng dụng, nghiên cứu vấn đề và đề án tốt nghiệp. Các học phần như Kinh tế số và mô hình kinh doanh nền tảng, Phân tích chính sách kinh tế nâng cao, Quản lý Nhà nước về kinh tế nâng cao, Quản lý phát triển bền vững, Đầu tư trong nền kinh tế số và Đề án tốt nghiệp thể hiện rõ định hướng đưa kiến thức vào giải quyết vấn đề thực tiễn. [H3.03.01.07]; [H3.03.01.08]; [H3.03.01.09]; [H3.03.01.10]; [H3.03.01.11]; [H3.03.01.12]

b) Điểm mạnh

Triết lý giáo dục được thể hiện thống nhất từ định hướng đào tạo của Nhà trường đến mục tiêu, chuẩn đầu ra và cách tổ chức các hoạt động học tập của CTĐT; định hướng ứng dụng và gắn thực tiễn được thể hiện rõ qua nhóm học phần chuyên môn và Đề án tốt nghiệp.

c) Điểm tồn tại

Việc lượng hóa mức độ nhận biết triết lý giáo dục và mức độ thể hiện triết lý trong từng học phần chưa được tổng hợp thành một hệ thống dữ liệu riêng cho CTĐT; việc theo dõi mức độ chuyển tải triết lý vào hoạt động dạy học cần được thực hiện thường xuyên hơn.

d) Kế hoạch hành động

Thực hiện các hoạt động khắc phục điểm tồn tại và phát huy điểm mạnh theo kế hoạch sau:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức rà soát mức độ nhận biết và chuyển tải triết lý giáo dục trong CTĐT; tổng hợp kết quả và sử dụng trong cải tiến hoạt động dạy học.	Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; Phòng Đào tạo	2026–2027 và duy trì hằng năm	Báo cáo rà soát; bảng tổng hợp kết quả; biên bản cải tiến
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục lồng ghép triết lý giáo dục vào đề cương, phương pháp dạy học và hoạt động trải nghiệm của học viên.	Khoa Kinh tế; giảng viên phụ trách học phần; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Từ năm học 2026–2027	Đề cương cập nhật; báo cáo triển khai; hồ sơ phản hồi và cải tiến

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

3.2. Tiêu chí 3.2: Hoạt động dạy và học được thiết kế tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

a) Mô tả hiện trạng

Hoạt động dạy và học của CTĐT được thiết kế trên cơ sở liên kết giữa chuẩn đầu ra chương trình, chuẩn đầu ra học phần và nội dung, phương pháp tổ chức dạy học. Hệ thống 27 học phần của CTĐT được xây dựng theo mẫu đề cương thống nhất, trong đó xác định chuẩn đầu ra học phần và mối liên hệ với các chuẩn đầu ra chương trình. [H3.03.01.03]; [H3.03.02.01]; [H3.03.02.02]

Các hoạt động dạy và học được lựa chọn phù hợp với tính chất của từng chuẩn đầu ra. Các học phần phân tích và định lượng sử dụng bài tập, phân tích dữ liệu, mô hình hóa và giải quyết vấn đề; các học phần quản lý và chính sách sử dụng thảo luận, tình huống, phân tích chính sách và bài tập ứng dụng; các học phần thực hành và Đề án tốt nghiệp tăng cường khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề thực tiễn. [H3.03.02.03]; [H3.03.02.04]; [H3.03.01.08]; [H3.03.02.05]; [H3.03.01.12]

Hoạt động dạy và học của từng học phần được triển khai tương thích với chuẩn đầu ra học phần thông qua sự thống nhất giữa mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học, hoạt động học tập và sản phẩm học tập. Việc rà soát 27 đề cương cho thấy toàn bộ 8 chuẩn đầu ra chương trình đều được các học phần tham gia hình thành và phát triển, tạo cơ sở để người học tích lũy năng lực theo lộ trình của CTĐT. [H3.03.02.06]; [H3.03.02.07]; [H3.03.01.03]

Đối với hoạt động dạy và học trực tuyến/kết hợp, các học phần có thể tổ chức giao

nhiệm vụ, trao đổi, cung cấp học liệu và thu nhận sản phẩm học tập trên nền tảng công nghệ thông tin, đồng thời duy trì yêu cầu về tương tác và đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra. [H3.03.02.08]; [H3.03.02.09]; [H3.03.02.10]

b) Điểm mạnh

Hoạt động dạy và học được thiết kế theo định hướng chuẩn đầu ra, có sự liên kết giữa PLO, PPC/CLO, nội dung, phương pháp và sản phẩm học tập; các học phần có tính chất khác nhau được lựa chọn phương pháp phù hợp.

c) Điểm tồn tại

Việc rà soát sự tương thích giữa hoạt động dạy học, CLO, PLO và sản phẩm đánh giá cần tiếp tục được chuẩn hóa đồng bộ giữa các học phần, nhất là đối với các học phần có nội dung phương pháp nghiên cứu, phân tích định lượng và Đề án tốt nghiệp.

d) Kế hoạch hành động

Thực hiện các hoạt động khắc phục điểm tồn tại và phát huy điểm mạnh theo kế hoạch sau:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát đồng bộ PLO–PPC/CLO–hoạt động dạy học–sản phẩm đánh giá của 27 học phần; chuẩn hóa các điểm chưa thống nhất.	Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; Phòng Đào tạo	2026–2027 và duy trì hằng năm	Báo cáo rà soát; bảng tổng hợp kết quả; biên bản cải tiến
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì rà soát chuẩn đầu ra và tập huấn giảng viên về thiết kế hoạt động dạy học theo chuẩn đầu ra.	Khoa Kinh tế; giảng viên phụ trách học phần; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Từ năm học 2026–2027	Đề cương cập nhật; báo cáo triển khai; hồ sơ phản hồi và cải tiến

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

3.3. Tiêu chí 3.3: Hoạt động dạy và học thể hiện việc học tập chủ động, thúc đẩy việc học tập, hình thành và phát triển phương pháp học tập và khả năng học tập suốt đời của người học.

a) Mô tả hiện trạng

Hoạt động dạy và học của CTĐT được tổ chức theo hướng người học tham gia tích cực vào quá trình học tập thông qua thảo luận, phân tích tình huống, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, nghiên cứu tài liệu, phân tích dữ liệu và trình bày kết quả. Với đặc thù đào tạo

thạc sĩ định hướng ứng dụng, các hoạt động học tập chú trọng khả năng tự nghiên cứu và vận dụng kiến thức vào bối cảnh công việc. [H3.03.03.01]; [H3.03.03.02]; [H3.03.01.08]; [H3.03.01.09]; [H3.03.01.12]

Nội dung và phương pháp học tập tạo điều kiện để người học hình thành phương pháp tự học, tự nghiên cứu và cập nhật kiến thức. Người học được giao nhiệm vụ đọc tài liệu, phân tích dữ liệu, thực hiện bài tập/tiểu luận, giải quyết tình huống và phát triển sản phẩm ứng dụng; qua đó hình thành thói quen học tập gắn với vấn đề thực tiễn và yêu cầu nghề nghiệp. [H3.03.02.03]; [H3.03.02.04]; [H3.03.03.03]; [H3.03.01.12]

Hoạt động dạy và học trực tuyến/kết hợp tạo điều kiện cho người học tiếp cận học liệu số, trao đổi với giảng viên và người học khác, nộp sản phẩm và nhận phản hồi. Việc sử dụng công nghệ số trong học tập phù hợp với định hướng cập nhật năng lực số của CTĐT và yêu cầu học tập liên tục trong bối cảnh chuyển đổi số. [H3.03.03.04]; [H3.03.03.05]; [H3.03.03.06]

b) Điểm mạnh

Phương pháp tổ chức học tập chú trọng vai trò chủ động của học viên, tự học, tự nghiên cứu, phân tích vấn đề và vận dụng kiến thức; các học phần tạo nhiều cơ hội để học viên phát triển năng lực học tập độc lập.

c) Điểm tồn tại

Dữ liệu định lượng về mức độ tham gia học tập chủ động, tự học, sử dụng học liệu số và tương tác trực tuyến của học viên chưa được tổng hợp thường xuyên theo cùng một bộ chỉ báo.

d) Kế hoạch hành động

Thực hiện các hoạt động khắc phục điểm tồn tại và phát huy điểm mạnh theo kế hoạch sau:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng bộ chỉ báo theo dõi học tập chủ động, tự học, sử dụng học liệu số và tương tác trực tuyến/kết hợp.	Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; Phòng Đào tạo	2026–2027 và duy trì hằng năm	Báo cáo rà soát; bảng tổng hợp kết quả; biên bản cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Mở rộng học tập theo vấn đề, tình huống, dự án, nghiên cứu độc lập và khai thác học liệu số.	Khoa Kinh tế; giảng viên phụ trách học phần; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Từ năm học 2026–2027	Đề cương cập nhật; báo cáo triển khai; hồ sơ phản hồi và cải tiến

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

3.4. Tiêu chí 3.4: Hoạt động dạy và học thúc đẩy người học đưa ra ý tưởng mới, sáng kiến, đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp.

a) Mô tả hiện trạng

Hoạt động dạy và học khuyến khích người học phát hiện vấn đề, đề xuất giải pháp và phát triển ý tưởng mới thông qua các bài tập ứng dụng, phân tích tình huống, nghiên cứu vấn đề và thiết kế giải pháp quản lý kinh tế. Các nội dung về kinh tế số, mô hình kinh doanh nền tảng, đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững và quản trị doanh nghiệp khoa học công nghệ tạo không gian để người học vận dụng kiến thức theo hướng sáng tạo. [H3.03.01.07]; [H3.03.04.01]; [H3.03.01.11]; [H3.03.01.10]

Tinh thần khởi nghiệp được lồng ghép trong các hoạt động học tập thông qua việc phân tích mô hình kinh doanh, nhận diện cơ hội, đánh giá thị trường, xây dựng và bảo vệ giải pháp. Định hướng này phù hợp với mục tiêu của CTĐT về năng lực đổi mới, giải quyết vấn đề và thích ứng với thay đổi trong môi trường kinh tế số. [H3.03.04.02]; [H3.03.04.03]; [H3.03.04.01]

Các hoạt động học tập gắn với thực tiễn quản lý và doanh nghiệp tạo điều kiện để người học tiếp nhận phản hồi, điều chỉnh ý tưởng và hoàn thiện sản phẩm. Nội dung này được thể hiện rõ ở các học phần có tính ứng dụng cao và trong Đề án tốt nghiệp, nơi người học phải lựa chọn và giải quyết một vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế. [H3.03.04.04]; [H3.03.01.12]; [H3.03.04.05]

b) Điểm mạnh

Định hướng đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp được tích hợp trực tiếp vào nội dung của nhiều học phần, đặc biệt các học phần về kinh tế số, mô hình kinh doanh nền tảng, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

c) Điểm tồn tại

Việc thống kê và theo dõi sản phẩm, ý tưởng đổi mới sáng tạo và hoạt động khởi nghiệp của riêng học viên CTĐT cần được thực hiện có hệ thống hơn để đánh giá kết quả và tác động của hoạt động dạy học.

d) Kế hoạch hành động

Thực hiện các hoạt động khắc phục điểm tồn tại và phát huy điểm mạnh theo kế hoạch sau:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng danh mục và thống kê ý tưởng, sáng kiến, sản phẩm đổi mới sáng tạo và hoạt động khởi nghiệp của học viên.	Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; Phòng Đào tạo	2026–2027 và duy trì hằng năm	Báo cáo rà soát; bảng tổng hợp kết quả; biên bản cải tiến
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường các bài tập/dự án gắn với đổi mới sáng tạo, kinh tế số, mô hình kinh doanh và khởi nghiệp.	Khoa Kinh tế; giảng viên phụ trách học phần; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Từ năm học 2026–2027	Đề cương cập nhật; báo cáo triển khai; hồ sơ phản hồi và cải tiến

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

3.5. Tiêu chí 3.5: Quá trình dạy và học được cải tiến thường xuyên để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và thúc đẩy việc học tập, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

a) Mô tả hiện trạng

CTĐT được rà soát và cải tiến theo các chu kỳ xây dựng, cập nhật chương trình. Quá trình cải tiến từ phiên bản 2021 đến 2023 và 2026 thể hiện xu hướng chuyển mạnh sang định hướng ứng dụng, tăng nội dung về kinh tế số, phân tích dữ liệu, phát triển bền vững, giải quyết vấn đề thực tiễn và tăng cường tính ứng dụng của Đề án tốt nghiệp. [H2.02.07.03]; [H3.03.01.03]; [H3.03.05.01]

Kết quả rà soát và phản hồi của các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở điều chỉnh hoạt động dạy và học. Các ý kiến tập trung vào việc cập nhật kinh tế số và mô hình kinh doanh nền tảng, tăng tính ứng dụng của Đề án tốt nghiệp, tinh gọn khối kiến thức bổ trợ, chuẩn hóa yêu cầu ngoại ngữ và tăng kết nối liên ngành; các nội dung này đã được phản ánh trong cấu trúc và nội dung CTĐT 2026. [H3.03.05.02]; [H2.02.07.03]; [H3.03.01.03]

Hoạt động dạy và học được gắn với chuẩn đầu ra thông qua việc rà soát ma trận chuẩn đầu ra, đề cương học phần và các sản phẩm học tập. Kết quả rà soát 27 đề cương cho thấy các học phần đều tham gia hình thành các chuẩn đầu ra của CTĐT, trong đó các năng lực phân tích định lượng, giao tiếp chuyên môn, nghiên cứu ứng dụng, đạo đức nghề nghiệp và thiết kế giải pháp được phân bổ trong nhiều học phần. [H3.03.02.06]; [H3.03.05.03]; [H3.03.01.03]

Việc cải tiến hoạt động dạy và học tiếp tục được thực hiện theo hướng tăng cường học tập chủ động, ứng dụng công nghệ số, phân tích dữ liệu, kết nối thực tiễn và sử dụng phản hồi của người học, giảng viên và các bên liên quan để điều chỉnh. Cách tiếp cận này tạo thành chu trình cải tiến liên tục giữa thiết kế chương trình, tổ chức dạy học, kết quả học tập và rà soát chương trình. [H3.03.05.04]; [H3.03.05.05]; [H3.03.05.06]; [H3.03.05.07]

b) Điểm mạnh

CTĐT đã có quá trình cập nhật qua các phiên bản 2021, 2023 và 2026; các nội dung mới về kinh tế số, phân tích dữ liệu, bền vững và ứng dụng thực tiễn được đưa vào chương trình, thể hiện sự gắn kết giữa rà soát chương trình và cải tiến hoạt động dạy học.

c) Điểm tồn tại

Việc theo dõi tác động trước và sau cải tiến đối với hoạt động dạy học cần tiếp tục được tăng cường, nhất là liên kết giữa phản hồi của các bên liên quan, kết quả học tập, mức độ đạt chuẩn đầu ra và điều chỉnh phương pháp dạy học.

d) Kế hoạch hành động

Thực hiện các hoạt động khắc phục điểm tồn tại và phát huy điểm mạnh theo kế hoạch sau:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thiết lập theo dõi trước–sau cải tiến đối với hoạt động dạy học, kết quả học tập và mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra.	Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; Phòng Đào tạo	2026–2027 và duy trì hằng năm	Báo cáo rà soát; bảng tổng hợp kết quả; biên bản cải tiến
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì chu trình rà soát – đánh giá – cải tiến hoạt động dạy học gắn với phản hồi của các bên liên quan và yêu cầu thị trường lao động.	Khoa Kinh tế; giảng viên phụ trách học phần; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Từ năm học 2026–2027	Đề cương cập nhật; báo cáo triển khai; hồ sơ phản hồi và cải tiến

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

Kết luận Tiêu chuẩn 3

Hoạt động dạy và học của CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế được thiết kế phù hợp với triết lý giáo dục, chuẩn đầu ra và định hướng đào tạo ứng dụng; chú trọng học tập chủ động, tự nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Hoạt động dạy học được rà soát, cải tiến thông qua cập nhật nội dung, phương pháp, ứng dụng công nghệ số và phản hồi của các bên liên quan. Một số nội dung về lượng hóa kết quả và theo dõi tác động của cải tiến cần tiếp tục được hoàn thiện.

Tiêu chuẩn 3 gồm 05 tiêu chí, cả 05 tiêu chí được đánh giá Đạt

4. Tiêu chuẩn 4: Đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá kết quả học tập của CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế được thiết kế theo định hướng chuẩn đầu ra, phù hợp với đặc thù đào tạo thạc sĩ theo hướng ứng dụng. Các phương pháp đánh giá đa dạng, gắn với chuẩn đầu ra học phần và chương trình, đồng thời có quy định, tiêu chí, quy trình phản hồi và rà soát, cải tiến nhằm bảo đảm tính phù hợp, công bằng và hỗ trợ người học cải thiện kết quả học tập.

4.1. Tiêu chí 4.1: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

a) Mô tả hiện trạng

CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế được tổ chức theo định hướng đào tạo dựa trên chuẩn đầu ra, trong đó việc đánh giá kết quả học tập được thiết kế như một bộ phận của quá trình thực hiện CTĐT. Chuẩn đầu ra của chương trình được cụ thể hóa thành các chuẩn đầu ra thành phần và chuẩn đầu ra học phần; các chuẩn đầu ra này được liên kết với nội dung học tập, phương pháp tổ chức dạy học và các sản phẩm dùng để đánh giá. Bản mô tả CTĐT năm 2026 xác định hệ thống PLO gồm 08 chuẩn đầu ra, đồng thời các đề cương học phần cụ thể hóa các chuẩn đầu ra thành CLO/PPC để làm căn cứ lựa chọn nội dung và phương pháp đánh giá. Bộ 27 đề cương được xây dựng theo cấu trúc thống nhất, trong đó thể hiện mục tiêu, chuẩn đầu ra học phần, nội dung, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá, qua đó tạo sự liên kết giữa yêu cầu cần đạt và kết quả học tập của người học. [H3.03.01.03]; [H3.03.02.06]; [H4.04.01.01]

Trên cơ sở đặc điểm của từng nhóm học phần và định hướng ứng dụng của chương

trình, các phương pháp đánh giá được thiết kế theo nhiều hình thức khác nhau thay vì chỉ dựa vào một bài kiểm tra hoặc thi cuối kỳ. Các hình thức được sử dụng gồm đánh giá quá trình, bài tập cá nhân hoặc nhóm, thảo luận, phân tích tình huống, sản phẩm ứng dụng, kiểm tra/thi và đánh giá các sản phẩm thực tập, đề án. Đối với các học phần có hàm lượng định lượng như Kinh tế lượng, Phân tích định lượng và mô hình hóa quyết định, hoạt động đánh giá chú trọng khả năng xử lý dữ liệu, phân tích và vận dụng công cụ; đối với các học phần về chính sách, quản trị và chiến lược, phương pháp đánh giá chú trọng khả năng phân tích vấn đề, lập luận và đề xuất giải pháp phù hợp với bối cảnh quản lý kinh tế. Đối với Đề án tốt nghiệp, đánh giá hướng tới khả năng vận dụng tổng hợp kiến thức và kỹ năng để giải quyết một vấn đề thực tiễn. [H3.03.02.03]; [H3.03.02.04]; [H3.03.01.08]; [H4.04.01.02]; [H3.03.02.05]; [H3.03.01.12]

Các yêu cầu đánh giá được công khai trong đề cương học phần và được triển khai trong quá trình tổ chức dạy học, giúp người học biết trước nội dung cần thực hiện, hình thức đánh giá, sản phẩm cần hoàn thành và yêu cầu đối với kết quả học tập. Việc thông tin trước về phương pháp và yêu cầu đánh giá tạo điều kiện để người học chủ động chuẩn bị, lựa chọn cách thức học tập phù hợp và thực hiện các nhiệm vụ học tập theo chuẩn đầu ra. Đối với các học phần có nhiều thành phần đánh giá, các yêu cầu được thể hiện theo từng hoạt động, qua đó giúp người học nhận diện được vai trò của từng sản phẩm trong kết quả học tập của học phần. [H3.03.02.01]; [H4.04.01.03]; [H4.04.01.04]

b) Điểm mạnh

Phương pháp đánh giá được thiết kế gắn với định hướng chuẩn đầu ra và đặc thù đào tạo thạc sĩ theo hướng ứng dụng; các hình thức đánh giá tạo điều kiện xem xét đồng thời kiến thức, kỹ năng phân tích, năng lực vận dụng và khả năng đề xuất giải pháp. Việc kết hợp đánh giá quá trình với các sản phẩm học tập và sản phẩm cuối khóa giúp phản ánh kết quả học tập ở nhiều mức độ khác nhau.

c) Điểm tồn tại

Việc tổng hợp dữ liệu về mức độ sử dụng từng phương pháp đánh giá và mức độ phù hợp giữa phương pháp đánh giá với từng nhóm chuẩn đầu ra chưa được thực hiện thành một bộ chỉ báo thống nhất cho toàn CTĐT.

d) Kế hoạch hành động

Thực hiện các hoạt động khắc phục điểm tồn tại và phát huy điểm mạnh theo kế hoạch

sau:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát danh mục phương pháp đánh giá theo từng PLO/CLO, xác định mức độ phù hợp và chuẩn hóa trong các đề cương học phần.	Khoa/CTĐT; Phòng Khảo thí và ĐBCL	2026–2027	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì đa dạng phương pháp đánh giá, tăng cường đánh giá sản phẩm ứng dụng, phân tích tình huống và đề án.	Khoa/CTĐT; Giảng viên	Hằng năm	

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

4.2. Tiêu chí 4.2: Có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập, quy trình phúc khảo, được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán.

a) Mô tả hiện trạng

Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện trong khuôn khổ các quy định chung của Nhà trường về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi, đánh giá và phúc khảo, đồng thời được cụ thể hóa theo đặc thù của từng học phần trong đề cương chi tiết. Các quy định này tạo cơ sở thống nhất cho việc xác định hình thức đánh giá, tổ chức đánh giá, công bố kết quả và xử lý các trường hợp phát sinh. Bên cạnh yêu cầu về kết quả chuyên môn, các nguyên tắc về liêm chính học thuật được lồng ghép trong quá trình dạy học và đánh giá, phù hợp với yêu cầu của đào tạo trình độ thạc sĩ. [H4.04.02.01]; [H4.04.02.02]; [H4.04.02.03]

Thông tin về hình thức đánh giá, tỷ trọng các thành phần đánh giá, điều kiện tham gia các hoạt động đánh giá, yêu cầu đối với sản phẩm học tập và cách thức công bố kết quả được cung cấp cho người học thông qua đề cương học phần và các kênh thông tin phục vụ tổ chức đào tạo. Việc công bố các yêu cầu từ đầu học phần giúp người học chủ động xây dựng kế hoạch học tập và chuẩn bị sản phẩm theo đúng yêu cầu. Trong quá trình triển khai, giảng viên thực hiện đánh giá theo các nội dung và tỷ trọng đã được xác định, góp phần bảo đảm tính nhất quán giữa yêu cầu đã thông tin và cách thức thực hiện. [H3.03.02.06]; [H4.04.02.03]; [H4.04.02.04]

Quy trình phúc khảo kết quả học tập được thực hiện theo quy định chung, trong đó

xác định các bước tiếp nhận yêu cầu, xem xét và xử lý kết quả, trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân có liên quan và việc thông tin kết quả xử lý đến người học. Cơ chế phúc khảo tạo điều kiện để người học thực hiện quyền phản hồi đối với kết quả đánh giá khi có căn cứ hoặc nhu cầu xem xét lại. Việc xử lý phúc khảo được đặt trong cùng hệ thống quản lý kết quả học tập, qua đó góp phần bảo đảm tính minh bạch và nhất quán của hoạt động đánh giá. [H4.04.02.05]; [H4.04.02.06]

b) Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá và phúc khảo được đặt trong hệ thống quản lý đào tạo chung, đồng thời được cụ thể hóa tại từng học phần. Cách tiếp cận này tạo cơ sở để người học tiếp cận cùng một hệ thống nguyên tắc, trong khi giảng viên vẫn có thể lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp với đặc thù chuyên môn.

c) Điểm tồn tại

Việc tổng hợp phản hồi riêng của học viên CTĐT về mức độ tiếp cận và hiểu rõ quy định đánh giá, phúc khảo cần được thực hiện thường xuyên hơn.

d) Kế hoạch hành động

Thực hiện các hoạt động khắc phục điểm tồn tại và phát huy điểm mạnh theo kế hoạch sau:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường phổ biến quy định đánh giá, phúc khảo và liêm chính học thuật ngay từ đầu khóa và đầu mỗi học phần.	Phòng Đào tạo; Phòng Khảo thí và ĐBCL; Khoa/CTĐT	Từ 2026–2027	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì việc thống nhất quy định và quy trình đánh giá giữa các học phần, cập nhật khi có quy định mới.	Phòng Đào tạo; Phòng Khảo thí và ĐBCL	Thường xuyên	

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

4.3. Tiêu chí 4.3: Các tiêu chuẩn và quy trình đánh giá kết quả học tập, xét công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán.

a) Mô tả hiện trạng

Các tiêu chuẩn và quy trình đánh giá kết quả học tập, điều kiện công nhận kết quả học tập và điều kiện xét tốt nghiệp của CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế được xác định trong hệ thống quy định đào tạo của Nhà trường và được cụ thể hóa trong Bản mô tả CTĐT năm 2026. Nội dung chương trình thể hiện các yêu cầu về khối lượng học tập, các học phần, hoạt động thực tập và đề án tốt nghiệp, tạo căn cứ để xác định quá trình tích lũy kết quả học tập của người học. Việc thống nhất các điều kiện này trong hệ thống quản lý đào tạo giúp các bên liên quan có căn cứ chung khi tổ chức, theo dõi và công nhận kết quả học tập. [H3.03.01.03]; [H4.04.03.01]; [H4.04.03.02]

Người học được cung cấp thông tin về yêu cầu học tập, điều kiện hoàn thành chương trình, yêu cầu đối với Chuyên đề thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp cũng như các điều kiện liên quan đến xét tốt nghiệp thông qua tài liệu CTĐT, đề cương học phần và hoạt động hướng dẫn học viên. Đặc biệt, đối với các hoạt động cuối khóa, yêu cầu về sản phẩm, tiến độ thực hiện và đánh giá được thể hiện trong các tài liệu hướng dẫn, giúp người học chủ động chuẩn bị và hoàn thành các yêu cầu trước khi được xem xét công nhận kết quả và xét tốt nghiệp. [H1.01.02.04]; [H4.04.03.03]; [H4.04.02.03]

Việc xét công nhận kết quả học tập và xét tốt nghiệp được thực hiện theo quy trình quản lý đào tạo của Nhà trường, có sự phối hợp giữa đơn vị phụ trách đào tạo, khoa/chương trình và các bộ phận chức năng. Kết quả học tập của người học được tổng hợp trên cơ sở các kết quả đã được đánh giá trong từng học phần và các hoạt động cuối khóa; việc xét điều kiện được thực hiện theo các quy định hiện hành. Cách thức phối hợp này tạo cơ sở để việc công nhận kết quả học tập và xét tốt nghiệp được thực hiện thống nhất giữa các khóa và bảo đảm người học được xem xét trên cùng một hệ thống yêu cầu. [H4.04.03.04]; [H4.04.03.05]; [H4.04.03.06]

b) Điểm mạnh

Tiêu chuẩn và quy trình đánh giá, công nhận kết quả học tập và xét tốt nghiệp được đặt trong cùng hệ thống quản lý đào tạo, giúp bảo đảm sự thống nhất trong tổ chức thực hiện. Người học có thông tin về yêu cầu hoàn thành chương trình và các điều kiện liên

quan đến từng giai đoạn học tập, đặc biệt là các yêu cầu cuối khóa.

c) Điểm tồn tại

Việc lưu trữ và phân tích dữ liệu kết quả học tập theo từng nhóm chuẩn đầu ra để phục vụ cải tiến cần được tăng cường.

d) Kế hoạch hành động

Thực hiện các hoạt động khắc phục điểm tồn tại và phát huy điểm mạnh theo kế hoạch sau:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Chuẩn hóa báo cáo kết quả học tập theo học phần và theo nhóm PLO, phục vụ phân tích và cải tiến.	Phòng Khảo thí và ĐBCL; Khoa/CTĐT	2026–2027	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì quy trình xét công nhận kết quả học tập và xét tốt nghiệp theo kế hoạch đào tạo.	Phòng Đào tạo; Khoa/CTĐT	Hằng năm	

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

4.4. Tiêu chí 4.4: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập được thể hiện qua ma trận, tiêu chí và mức độ đánh giá, đáp án, thang điểm chi tiết, kế hoạch đánh giá và các quy định cụ thể để bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

a) Mô tả hiện trạng

Các phương pháp và tiêu chí đánh giá được thể hiện trong đề cương học phần và kế hoạch đánh giá, đồng thời được liên kết với chuẩn đầu ra học phần và sản phẩm học tập. Việc xác định phương pháp đánh giá dựa trên loại năng lực cần hình thành giúp hoạt động đánh giá không chỉ ghi nhận mức độ ghi nhớ kiến thức mà còn xem xét khả năng phân tích, vận dụng và tạo ra sản phẩm phù hợp. Đối với các học phần có sản phẩm ứng dụng, yêu cầu về nội dung, hình thức và mức độ hoàn thành sản phẩm được xác định làm căn cứ đánh giá; đối với các hoạt động nghiên cứu, thực tập và đề án, yêu cầu đánh giá được gắn với quá trình thực hiện và kết quả đầu ra của nhiệm vụ. [H3.03.02.06]; [H4.04.04.01]; [H4.04.04.02]

Các học phần sử dụng tiêu chí, thang điểm hoặc yêu cầu đánh giá phù hợp với từng loại sản phẩm học tập. Bài tập phân tích, thảo luận, tình huống, báo cáo, sản phẩm định lượng và đề án được đánh giá trên cơ sở các yêu cầu đã được xác định trong đề cương hoặc

hướng dẫn thực hiện. Việc xác định yêu cầu trước cho từng loại sản phẩm giúp người học hiểu rõ căn cứ đánh giá và giúp giảng viên có cơ sở thống nhất khi nhận xét, chấm điểm. Đối với các học phần có nhiều thành phần đánh giá, các tiêu chí được sử dụng kết hợp để phản ánh các khía cạnh khác nhau của chuẩn đầu ra học phần. [H4.04.04.03]; [H3.03.02.04]; [H3.03.03.03]; [H4.04.04.04]; [H3.03.01.12]

Việc thiết kế tiêu chí đánh giá được thực hiện trên cơ sở chuẩn đầu ra học phần, nội dung chuyên môn và đặc thù của từng học phần. Giảng viên lựa chọn hình thức và tiêu chí phù hợp với loại nhiệm vụ học tập, đồng thời xác định mức độ yêu cầu tương ứng với kết quả cần đạt. Đối với các sản phẩm có quy mô lớn như Chuyên đề thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp, hoạt động đánh giá được thực hiện theo yêu cầu chuyên môn và quy trình tổ chức của Nhà trường, có sự tham gia của các cá nhân/bộ phận có trách nhiệm đánh giá sản phẩm cuối khóa. [H1.01.06.02]; [H4.04.04.05]; [H4.04.04.06]

Đối với các hoạt động đánh giá được thực hiện hoặc hỗ trợ trên nền tảng số, việc giao nhiệm vụ, nhận sản phẩm, tổ chức kiểm tra và lưu trữ kết quả được thực hiện theo yêu cầu quản lý lớp học. Các yêu cầu về thời gian, sản phẩm nộp và thông tin người học được kiểm soát trong quá trình tổ chức, góp phần duy trì tính minh bạch và khả năng truy xuất của kết quả đánh giá. Việc kết hợp các phương thức đánh giá trực tiếp và trên nền tảng số cũng tạo điều kiện để chương trình sử dụng linh hoạt các sản phẩm học tập phù hợp với đặc điểm của từng học phần. [H4.04.04.07]; [H4.04.04.08]

b) Điểm mạnh

Hệ thống đánh giá đã chuyển từ cách tiếp cận chỉ dựa trên điểm số sang kết hợp nhiều hình thức và sản phẩm học tập, phù hợp với định hướng ứng dụng của CTĐT. Các sản phẩm như bài phân tích, tình huống, báo cáo, sản phẩm định lượng và đề án tạo cơ hội đánh giá nhiều khía cạnh của năng lực người học.

c) Điểm tồn tại

Mức độ chuẩn hóa rubrics và phân tích độ tin cậy giữa các hình thức đánh giá chưa được tổng hợp thành một hệ thống thống nhất cho toàn CTĐT.

d) Kế hoạch hành động

Thực hiện các hoạt động khắc phục điểm tồn tại và phát huy điểm mạnh theo kế hoạch sau:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Chuẩn hóa mẫu rubrics và yêu cầu về thang điểm đối với các nhóm sản phẩm đánh giá chủ yếu.	Phòng Khảo thí và ĐBCL; Khoa/CTĐT	2026–2027	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường sử dụng tiêu chí đánh giá công khai và phản hồi theo sản phẩm học tập.	Giảng viên; Khoa/CTĐT	Hằng năm	

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

4.5. Tiêu chí 4.5: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập bảo đảm đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra của từng học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

a) Mô tả hiện trạng

Phương pháp đánh giá của từng học phần được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra học phần; các chuẩn đầu ra học phần được liên kết với 08 PLO của chương trình thông qua hệ thống PPC/CLO và ma trận chương trình. Theo đó, việc lựa chọn hình thức đánh giá được đặt trong mối quan hệ với năng lực mà người học cần hình thành, đồng thời sản phẩm đánh giá được xác định để thể hiện mức độ đạt yêu cầu. Bộ 27 đề cương học phần cho thấy hệ thống CLO được gắn với các nhóm PLO/PPC, tạo cơ sở để lựa chọn nhiệm vụ và sản phẩm đánh giá phù hợp với từng học phần. [H3.03.01.03]; [H4.04.05.01]; [H4.04.05.02]

Các học phần có nội dung định lượng, phân tích chính sách, quản trị, chiến lược và nghiên cứu sử dụng các sản phẩm đánh giá khác nhau nhằm xem xét nhiều phương diện của kết quả học tập. Kết quả đánh giá có thể thể hiện qua bài tập phân tích, xử lý dữ liệu, bài viết, thảo luận, tình huống, báo cáo hoặc sản phẩm đề xuất giải pháp. Đối với Đề án tốt nghiệp, sản phẩm cuối khóa yêu cầu người học vận dụng tổng hợp kiến thức và kỹ năng đã tích lũy trong chương trình để phân tích và giải quyết một vấn đề thực tiễn của quản lý kinh tế, qua đó tạo điều kiện đánh giá ở mức độ tổng hợp hơn. [H4.04.04.03]; [H3.03.02.04]; [H3.03.01.08]; [H3.03.03.03]; [H3.03.01.12]

Chuỗi liên kết PLO–PPC/CLO–phương pháp dạy học–phương pháp đánh giá tạo cơ sở để tổng hợp kết quả học tập theo chuẩn đầu ra chương trình. Các học phần đóng góp vào những PLO khác nhau theo mức độ được xác định trong ma trận; các hoạt động cuối khóa như Chuyên đề thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp tiếp tục tạo cơ hội để người học

vận dụng tổng hợp các năng lực đã hình thành. Cách thiết kế này giúp hoạt động đánh giá được đặt trong toàn bộ quá trình đào tạo thay vì chỉ tập trung vào một thời điểm cuối chương trình. [H4.04.05.03]; [H4.04.05.04]; [H4.04.05.05]; [H4.04.05.06]

b) Điểm mạnh

Cấu trúc đánh giá của CTĐT được thiết kế theo định hướng OBE, có liên kết giữa chuẩn đầu ra chương trình, chuẩn đầu ra học phần và các hoạt động/sản phẩm đánh giá. Việc sử dụng ma trận và các sản phẩm đánh giá khác nhau tạo cơ sở để theo dõi sự hình thành và phát triển năng lực của người học trong suốt quá trình đào tạo.

c) Điểm tồn tại

Việc tổng hợp kết quả đo lường PLO từ dữ liệu thực tế của người học theo từng khóa cần tiếp tục được chuẩn hóa để tăng khả năng sử dụng kết quả đánh giá cho cải tiến.

d) Kế hoạch hành động

Thực hiện các hoạt động khắc phục điểm tồn tại và phát huy điểm mạnh theo kế hoạch sau:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng bảng tổng hợp kết quả đánh giá theo PLO/PPC và theo khóa học; phân tích mức độ đạt chuẩn đầu ra.	Phòng Khảo thí và ĐBCL; Khoa/CTĐT	Theo chu kỳ đánh giá	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì rà soát mối liên kết giữa PLO, CLO và phương pháp đánh giá trước mỗi chu kỳ cập nhật CTĐT.	Khoa/CTĐT; Phòng Khảo thí và ĐBCL	Định kỳ	

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

4.6. Tiêu chí 4.6: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời cho người học để người học cải thiện việc học tập, phương pháp học tập và kết quả học tập.

a) Mô tả hiện trạng

Kết quả đánh giá được thông báo cho người học thông qua các hình thức phù hợp với từng loại hoạt động đánh giá, bao gồm nhận xét trực tiếp trên sản phẩm, thông báo điểm, bảng điểm hoặc hệ thống quản lý học tập. Đối với các bài tập, thảo luận và sản phẩm ứng dụng, phản hồi của giảng viên được thực hiện trong quá trình đánh giá để người học nhận biết mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Đối với các kỳ kiểm tra, thi và các kết quả đánh giá

chính thức, kết quả được công bố theo quy định quản lý đào tạo của Nhà trường. Việc kết hợp phản hồi định tính và kết quả định lượng giúp người học có thêm thông tin để nhận diện những nội dung đã đạt và những nội dung cần tiếp tục cải thiện. [H4.04.06.01]; [H4.04.05.04]; [H4.04.06.02]

Phản hồi được sử dụng như một thành phần của quá trình học tập, giúp người học nhận diện mức độ đạt yêu cầu, điều chỉnh phương pháp học tập và hoàn thiện các sản phẩm tiếp theo. Đặc điểm này thể hiện rõ hơn ở các học phần có đánh giá quá trình, bài tập, dự án, thảo luận và các nhiệm vụ yêu cầu chỉnh sửa sản phẩm. Đối với Đề án tốt nghiệp, việc nhận xét và góp ý trong quá trình thực hiện tạo cơ sở để người học tiếp tục hoàn thiện nội dung, phương pháp và sản phẩm trước khi đánh giá cuối cùng. [H4.04.06.03]; [H4.04.06.04]; [H4.04.06.05]

Việc công bố kết quả học tập được thực hiện theo quy định của Nhà trường, đồng thời người học có kênh tiếp nhận thông tin, trao đổi về kết quả và thực hiện quyền phúc khảo khi có nhu cầu. Cơ chế này tạo thành một vòng phản hồi giữa đánh giá, thông báo kết quả và xử lý ý kiến của người học. Qua đó, kết quả đánh giá không chỉ được sử dụng để ghi nhận mức độ hoàn thành mà còn là cơ sở để người học xem xét và điều chỉnh quá trình học tập trong những giai đoạn tiếp theo. [H4.04.06.06]; [H4.04.06.07]; [H4.04.06.08]

b) Điểm mạnh

Phản hồi kết quả được tích hợp vào quá trình đánh giá, tạo điều kiện để người học nhận biết kết quả và điều chỉnh việc học; hình thức phản hồi phù hợp với đặc thù từng loại sản phẩm. Việc phản hồi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt với các sản phẩm cần chỉnh sửa, có ý nghĩa hỗ trợ trực tiếp đối với quá trình học tập.

c) Điểm tồn tại

Dữ liệu định lượng về mức độ người học sử dụng phản hồi để cải thiện kết quả học tập chưa được tổng hợp thường xuyên theo một bộ chỉ báo thống nhất.

d) Kế hoạch hành động

Thực hiện các hoạt động khắc phục điểm tồn tại và phát huy điểm mạnh theo kế hoạch sau:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khảo sát người học về tính kịp thời và mức độ hữu ích của phản hồi; tổng hợp kết quả để cải tiến phương pháp phản hồi.	Khoa/CTĐT; Phòng Khảo thí và ĐBCL	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì phản hồi trực tiếp trên sản phẩm và tăng cường phản hồi định hướng cải thiện.	Giảng viên; Khoa/CTĐT	Thường xuyên	

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

4.7. Tiêu chí 4.7: Việc đánh giá kết quả học tập và các quy định về đánh giá kết quả học tập được định kỳ rà soát và cải tiến để bảo đảm đo lường được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

a) Mô tả hiện trạng

Hoạt động đánh giá kết quả học tập được rà soát gắn với quá trình rà soát và cải tiến CTĐT. Việc cập nhật chương trình qua các phiên bản 2021, 2023 và 2026 cho thấy nội dung và định hướng đào tạo được điều chỉnh theo yêu cầu mới, trong đó CTĐT 2026 tăng cường định hướng ứng dụng, kinh tế số, phân tích dữ liệu, phát triển bền vững và giải quyết vấn đề thực tiễn. Những thay đổi về mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc học phần và nội dung đào tạo kéo theo yêu cầu xem xét lại phương pháp tổ chức dạy học và phương pháp đánh giá để bảo đảm đánh giá được những năng lực mà chương trình đặt ra. Quá trình này thể hiện đánh giá kết quả học tập được đặt trong mối liên hệ với chu trình cải tiến CTĐT chứ không được xem là hoạt động độc lập. [H2.02.07.03]; [H3.03.05.01]; [H3.03.01.03]

Ý kiến của các bên liên quan được sử dụng trong quá trình cải tiến chương trình và có tác động đến định hướng thiết kế các hoạt động học tập, sản phẩm và đánh giá. Các ý kiến về tăng tính ứng dụng của Đề án tốt nghiệp, cập nhật kinh tế số và mô hình kinh doanh nền tảng, tăng kết nối liên ngành và gắn đào tạo với thực tiễn được phản ánh trong CTĐT 2026. Việc cập nhật các học phần và nội dung mới tạo điều kiện để phương pháp đánh giá cũng được điều chỉnh theo hướng chú trọng khả năng phân tích, vận dụng kiến thức và đề xuất giải pháp trong các bối cảnh thực tiễn của quản lý kinh tế. [H3.03.05.02]; [H2.02.07.03]; [H2.02.07.04]

Việc rà soát các đề cương học phần và ma trận PLO–PPC/CLO là một nội dung quan trọng trong quá trình kiểm tra sự phù hợp giữa chuẩn đầu ra, nội dung dạy học và phương

pháp đánh giá. Kết quả rà soát 27 đề cương đã cho phép nhận diện những nội dung cần tiếp tục chuẩn hóa về cách diễn đạt CLO, mối liên kết với PPC/PLO và sự thống nhất trong thiết kế đánh giá. Việc sử dụng kết quả rà soát này làm đầu vào cho điều chỉnh đề cương góp phần tăng tính nhất quán của hệ thống đánh giá và tạo cơ sở cho những lần cải tiến tiếp theo. [H3.03.02.06]; [H3.03.05.03]; [H4.04.07.01]

Hoạt động cải tiến được tiếp tục theo chu trình rà soát – điều chỉnh – triển khai – theo dõi kết quả. Trong giai đoạn tiếp theo, CTĐT hướng tới tăng cường học tập chủ động, ứng dụng công nghệ số, phân tích dữ liệu và gắn kết với các vấn đề thực tiễn của quản lý kinh tế; do đó phương pháp và công cụ đánh giá cũng được định hướng điều chỉnh để phản ánh tốt hơn các năng lực này. Việc tiếp tục theo dõi kết quả sau mỗi lần điều chỉnh là cơ sở để xác định mức độ phù hợp của phương pháp đánh giá và đưa ra cải tiến tiếp theo khi cần thiết. [H3.03.05.04]; [H3.03.05.06]; [H4.04.07.02]; [H4.04.07.03]

b) Điểm mạnh

Hoạt động đánh giá được đặt trong chu trình cải tiến CTĐT và có liên hệ với thay đổi về chuẩn đầu ra, nội dung chương trình và nhu cầu của các bên liên quan. Việc rà soát các phiên bản CTĐT, đề cương học phần và ma trận PLO–PPC/CLO tạo cơ sở để điều chỉnh phương pháp đánh giá theo định hướng phát triển của chương trình.

c) Điểm tồn tại

Cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống dữ liệu theo dõi sau cải tiến để đánh giá rõ hơn tác động của những thay đổi về phương pháp và công cụ đánh giá đối với mức độ đạt chuẩn đầu ra.

d) Kế hoạch hành động

Thực hiện các hoạt động khắc phục điểm tồn tại và phát huy điểm mạnh theo kế hoạch sau:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thiết lập hồ sơ PDCA riêng cho hoạt động đánh giá, gồm kết quả rà soát, quyết định điều chỉnh, triển khai và đánh giá sau cải tiến.	Khoa/CTĐT; Phòng Khảo thí và ĐBCL	2026–2027 và định kỳ	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật phương pháp đánh giá theo yêu cầu của CTĐT, thị trường lao động, chuyển đổi số và phản hồi các bên liên quan.	Khoa/CTĐT; Phòng Đào tạo; Phòng Khảo thí và ĐBCL	Theo chu kỳ rà soát CTĐT	

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

Kết luận Tiêu chuẩn 4:

CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế có hệ thống đánh giá kết quả học tập được thiết kế theo định hướng chuẩn đầu ra, có sự đa dạng về phương pháp, quy định và quy trình đánh giá, cơ chế phản hồi và hoạt động rà soát, cải tiến. Trên cơ sở các nội dung và minh chứng đã mô tả, Tiêu chuẩn 4 được tự đánh giá: Đạt.

5. Tiêu chuẩn 5: đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Tiêu chuẩn 5 tập trung đánh giá đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên tham gia Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý kinh tế về kế hoạch phát triển, số lượng và chất lượng, năng lực, phân công nhiệm vụ, phát triển nghề nghiệp, trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ, đào tạo – bồi dưỡng và quản lý chất lượng công việc. Việc mô tả được thực hiện trên cơ sở xem xét yêu cầu của CTĐT, đặc thù đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng và cách thức Nhà trường, Khoa Kinh tế tổ chức quản lý, sử dụng và phát triển đội ngũ.

5.1. Tiêu chí 5.1: Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên tham gia chương trình đào tạo được thực hiện nhằm bảo đảm về số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường xây dựng và triển khai các chính sách, quy định và kế hoạch phát triển đội ngũ gắn với định hướng phát triển của Nhà trường, vị trí việc làm và yêu cầu thực hiện các chương trình đào tạo. Các nội dung về tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp được thực hiện trong cùng hệ thống quản lý đội ngũ, tạo cơ sở để các đơn vị rà soát nhu cầu nhân lực theo quy mô và yêu cầu đào tạo. [H5.05.01.01]; [H5.05.01.02]; [H5.05.01.03]; [H5.05.01.04]

Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế, Khoa Kinh tế rà soát đội ngũ trên cơ sở yêu

cầu chuyên môn của từng học phần, hoạt động nghiên cứu khoa học, hướng dẫn học viên và yêu cầu gắn đào tạo với thực tiễn. Việc xem xét trình độ, chuyên môn, kinh nghiệm và năng lực của giảng viên là căn cứ để bố trí nhân sự và đề xuất tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng khi cần thiết. [H5.05.01.05]

Bảng 5.1. Các căn cứ xác định nhu cầu và cơ cấu đội ngũ tham gia CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế

Chỉ tiêu làm căn cứ xác định nhu cầu đội ngũ	Số liệu CTĐT 2026	Ý nghĩa đối với phát triển đội ngũ
Tổng khối lượng CTĐT	60 tín chỉ	Căn cứ xác định quy mô và nguồn lực giảng dạy
Tổng số học phần	27 học phần	Căn cứ xác định độ phủ chuyên môn theo học phần
Bắt buộc / tự chọn	51 / 9 tín chỉ	Cần bảo đảm giảng viên cho nhóm học phần cốt lõi và lựa chọn
Giờ lý thuyết / thực hành	715 / 745 giờ	Căn cứ phân bổ khối lượng giảng dạy và hoạt động ứng dụng
Thực tập và tốt nghiệp	12 tín chỉ	Cần đội ngũ phù hợp cho thực tập, nghiên cứu và hướng dẫn tốt nghiệp
Đề án tốt nghiệp	9 tín chỉ	Cần giảng viên có năng lực chuyên môn và nghiên cứu phù hợp để hướng dẫn

Bảng 5.2. Cơ cấu đội ngũ tham gia CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế

Nhóm đội ngũ	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Vai trò chính trong CTĐT
Giáo sư	2	2,6	Giảng dạy chuyên sâu, tham gia nghiên cứu và định hướng chuyên môn
Phó Giáo sư	13	16,9	Giảng dạy, nghiên cứu, hướng dẫn tốt nghiệp
Tiến sĩ	62	80,5	Đội ngũ nòng cốt giảng dạy và hướng dẫn tốt nghiệp
Trình độ khác	0	0	Bổ trợ các học phần phù hợp theo quy định
Tổng số giảng viên tham gia CTĐT	77	100%	Đáp ứng các hoạt động giảng dạy, NCKH và hướng dẫn

b) Điểm mạnh

Theo định hướng phát triển đội ngũ đối với đào tạo trình độ thạc sĩ, đội ngũ nòng cốt của CTĐT được chú trọng về trình độ chuyên môn, năng lực nghiên cứu và khả năng hướng dẫn học viên thực hiện Đề án tốt nghiệp. Đối với CTĐT định hướng ứng dụng như Thạc sĩ Quản lý kinh tế, Nhà trường đồng thời có thể huy động giảng viên, chuyên gia có kinh nghiệm nghề nghiệp, quản lý hoặc thực tiễn phù hợp để tăng cường tính ứng dụng của chương trình, trên cơ sở bảo đảm yêu cầu chuyên môn của học phần và CTĐT.

Thông tin về đội ngũ được tổng hợp và cập nhật để phục vụ rà soát quy mô, cơ cấu và nhu cầu phát triển. Kết quả rà soát là căn cứ để điều chỉnh phân công, đề xuất bổ sung

nhân sự hoặc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng khi quy mô, nội dung hoặc yêu cầu của CTĐT thay đổi.

c) Điểm tồn tại

Các chỉ tiêu định lượng về quy mô, cơ cấu, tuyển dụng và bồi dưỡng đội ngũ riêng cho CTĐT cần tiếp tục được khóa theo từng giai đoạn và cập nhật hằng năm.

d) Kế hoạch hành động

Bảng 5.3. Kế hoạch cải tiến và phát huy điểm mạnh về đội ngũ

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Cập nhật và khóa dữ liệu đội ngũ tham gia CTĐT theo học vị, chuyên môn, học phần phụ trách và năng lực hướng dẫn tốt nghiệp; rà soát kế hoạch phát triển đội ngũ hằng năm gắn với quy mô, cơ cấu học phần, nghiên cứu khoa học và yêu cầu ứng dụng của CTĐT.	Khoa Kinh tế; Phòng Tổ chức nhân sự	Hằng năm
Phát huy điểm mạnh	Duy trì rà soát định kỳ sự phù hợp của đội ngũ với quy mô, cấu trúc học phần và yêu cầu thực hiện CTĐT.	Khoa Kinh tế; Phòng Tổ chức nhân sự	2026–2030

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

5.2. Tiêu chí 5.2: Số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình đào tạo theo quy định; khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát để cải tiến chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.

a) Mô tả hiện trạng

Đội ngũ giảng viên tham gia CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế được theo dõi về số lượng, trình độ, chuyên môn, hình thức tham gia và nhiệm vụ được giao. Việc phân công được thực hiện trên cơ sở kế hoạch đào tạo, yêu cầu của từng học phần và năng lực của giảng viên, đồng thời bảo đảm có nhân sự phù hợp cho hoạt động hướng dẫn học viên và Đề án tốt nghiệp. [H5.05.02.01]; [H5.05.02.02]; [H4.04.03.05]; [H5.05.02.03]

Quy định chế độ làm việc của giảng viên quy định thời gian làm việc trong năm học là 44 tuần, tương đương 1.760 giờ hành chính. Thời gian làm việc bao gồm giảng dạy, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo, hướng dẫn người học và tốt nghiệp, xây dựng chương trình và học liệu, sinh hoạt chuyên môn, hội nghị, công tác quản lý, phục vụ cộng đồng và các nhiệm vụ khác được giao. Quy định này tạo cơ sở để Nhà trường và đơn vị quản lý xem xét, phân bổ và cân đối khối lượng công việc của giảng viên. [H5.05.01.01]

Giờ chuẩn giảng dạy được sử dụng để quy đổi khối lượng giảng dạy; tổng khối lượng công việc của giảng viên được xác định từ hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác. Kết quả thực hiện nhiệm vụ được sử dụng trong đánh giá, xếp loại và xem xét thi đua, khen thưởng. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế, thông tin về khối lượng công việc được sử dụng cùng kế hoạch đào tạo để rà soát sự cân đối trong phân công và điều chỉnh nguồn lực khi cần thiết. [H5.05.02.04]; [H5.05.02.05]; [H5.05.02.06]; [H5.05.02.07]

Bảng 5.4. Các nội dung và chỉ số theo dõi đội ngũ tham gia CTĐT

Nội dung theo dõi	Chỉ số/số liệu cần tổng hợp	Cách sử dụng kết quả
Số lượng và cơ cấu đội ngũ	Tổng số GV; GS/PGS/TS/ThS; cơ hữu/khác; chuyên môn phù hợp	Đối chiếu nhu cầu CTĐT và đề xuất tuyển dụng/bổ sung
Khối lượng giảng dạy	Học phần; giờ chuẩn thực tế; giờ vượt/thiếu định mức; hướng dẫn tốt nghiệp	Cân đối phân công, điều chỉnh khối lượng và làm căn cứ đánh giá
Nghiên cứu khoa học	Số nhiệm vụ/sản phẩm nghiên cứu của GV tham gia CTĐT	Gắn nghiên cứu với giảng dạy và phát triển chuyên môn
Hướng dẫn tốt nghiệp	Số GV hướng dẫn; số học viên/giảng viên; lĩnh vực hướng dẫn	Bảo đảm phù hợp chuyên môn và phân bổ hợp lý
Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	Kết quả đánh giá hằng năm; mức độ hoàn thành nhiệm vụ	Làm căn cứ bồi dưỡng, phân công và phát triển đội ngũ
Cân đối công việc	Giảng dạy – NCKH – hoạt động chuyên môn/phục vụ cộng đồng	Nhận diện quá tải/thiếu tải và điều chỉnh phân công

Việc theo dõi số lượng, chất lượng và nhu cầu phát triển đội ngũ đã được thực hiện gắn với kế hoạch đào tạo.

b) Điểm mạnh

Việc xác định và quản lý khối lượng công việc được thực hiện theo quy định thống nhất của Nhà trường, đồng thời có sự gắn kết giữa yêu cầu của CTĐT, kế hoạch đào tạo và năng lực của giảng viên, góp phần bảo đảm phân công công việc phù hợp và sử dụng hiệu quả đội ngũ tham gia CTĐT.

c) Điểm tồn tại

Dữ liệu về số lượng, chất lượng và khối lượng công việc của đội ngũ tham gia riêng CTĐT cần tiếp tục được chuẩn hóa, cập nhật theo năm học và phân tích ở cấp CTĐT.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Chuẩn hóa bảng theo dõi số lượng, trình độ, giờ giảng, hướng dẫn tốt nghiệp, nghiên cứu khoa học và nhiệm vụ khác của giảng viên tham gia CTĐT; rà soát sự cân đối giữa các nhóm nhiệm vụ theo học kỳ và tổng hợp hằng năm.	Khoa Kinh tế; Phòng Đào tạo; Phòng Tổ chức nhân sự	2026–2027
Phát huy điểm mạnh	Duy trì rà soát định kỳ sự phù hợp của đội ngũ với quy mô, cấu trúc học phần và yêu cầu thực hiện CTĐT.	Khoa Kinh tế	Mỗi học kỳ

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

5.3. Tiêu chí 5.3: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định, được đánh giá và được thông tin tới các bên có liên quan trực tiếp.

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường xác định yêu cầu về năng lực giảng viên thông qua chuẩn năng lực và các yêu cầu gắn với vị trí việc làm. Đối với giảng viên, yêu cầu về trình độ, chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ thông tin và các yêu cầu chuyên môn khác được sử dụng làm cơ sở cho tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đánh giá và phát triển đội ngũ. [H5.05.03.01]; [H5.05.03.02]; [H5.05.02.04]

Đánh giá năng lực được gắn với đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. Nội dung đánh giá bao quát những yêu cầu phù hợp với vị trí và nhiệm vụ được giao, qua đó hỗ trợ nhận diện điểm cần phát huy, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và định hướng phát triển chuyên môn. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế, kết quả đánh giá được xem xét khi bố trí giảng viên theo học phần, nhiệm vụ nghiên cứu và hướng dẫn học viên. [H5.05.03.03]; [H5.05.03.04]; [H5.05.02.06]

Việc thông tin kết quả đánh giá năng lực đến giảng viên và các cá nhân/đơn vị có liên quan trực tiếp được thực hiện theo quy định đánh giá, xếp loại và quy trình quản lý đội ngũ. Hồ sơ trực tiếp về việc thông tin kết quả đánh giá cho từng giảng viên cần được lưu cùng hồ sơ đánh giá để làm căn cứ kiểm chứng.

b) Điểm mạnh

Nhà trường đã xác định các yêu cầu về năng lực và có cơ chế đánh giá đội ngũ; Khoa Kinh tế gắn việc xem xét năng lực với yêu cầu chuyên môn của CTĐT.

c) Điểm tồn tại

Hồ sơ năng lực theo từng giảng viên và mối liên hệ giữa kết quả đánh giá với kế hoạch phát triển cá nhân cần tiếp tục được chuẩn hóa.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Chuẩn hóa hồ sơ năng lực của giảng viên tham gia CTĐT và liên kết kết quả đánh giá với kế hoạch phát triển cá nhân; duy trì sử dụng kết quả đánh giá làm căn cứ phân công và bồi dưỡng.	Khoa Kinh tế; Phòng Tổ chức nhân sự	2026–2027
Phát huy điểm mạnh	Duy trì việc rà soát, sử dụng kết quả đánh giá và dữ liệu đội ngũ để phân công, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ phù hợp với yêu cầu CTĐT.	Khoa Kinh tế; Phòng Tổ chức nhân sự	Thường xuyên

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

5.4. Tiêu chí 5.4: Giảng viên, nghiên cứu viên được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm.

a) Mô tả hiện trạng

Việc phân công giảng dạy được thực hiện căn cứ vào trình độ chuyên môn, học vị, lĩnh vực được đào tạo, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu của từng học phần. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế, Khoa Kinh tế rà soát sự phù hợp giữa giảng viên và học phần trước khi phân công; việc hướng dẫn Đề án tốt nghiệp được xem xét trên cơ sở chuyên môn, năng lực nghiên cứu và khả năng hỗ trợ học viên giải quyết các vấn đề thực tiễn. [H5.05.02.02]; [H5.05.04.01]; [H5.05.04.02]; [H5.05.04.03]

Phân công nhiệm vụ được thể hiện trong kế hoạch đào tạo, bảng phân công giảng dạy và hồ sơ hướng dẫn tốt nghiệp. Quy định chế độ làm việc đồng thời yêu cầu cân đối giữa giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác. Khi có thay đổi về đội ngũ, học phần hoặc khối lượng nhiệm vụ, đơn vị phụ trách CTĐT rà soát và điều chỉnh phân công phù hợp. [H5.05.02.04]; [H4.04.03.05]; [H5.05.02.06]

b) Điểm mạnh

Nguyên tắc phân công theo trình độ, chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm được áp dụng trong tổ chức đào tạo.

c) Điểm tồn tại

Bảng đối chiếu giảng viên – học phần – chuyên môn – kinh nghiệm cần tiếp tục được

chuẩn hóa và cập nhật trước mỗi năm học.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Duy trì và cập nhật bảng đối chiếu giảng viên – học phần – chuyên môn – kinh nghiệm trước mỗi năm học; sử dụng kết quả rà soát để điều chỉnh phân công khi cần.	Khoa Kinh tế; Phòng Đào tạo	Hằng năm
Phát huy điểm mạnh	Duy trì rà soát sự phù hợp giữa chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm của giảng viên với từng học phần và nhiệm vụ hướng dẫn; sử dụng kết quả rà soát để phân công hợp lý.	Khoa Kinh tế; Phòng Đào tạo	Thường xuyên

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

5.5. Tiêu chí 5.5: Việc bổ nhiệm/thăng tiến của giảng viên, nghiên cứu viên dựa trên hệ thống đánh giá năng lực, kết quả giảng dạy, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường thực hiện tuyển dụng, đánh giá, bổ nhiệm và phát triển đội ngũ theo các quy định, tiêu chuẩn đã ban hành. Kết quả thực hiện nhiệm vụ, năng lực chuyên môn và phẩm chất nghề nghiệp được xem xét trong quá trình quản lý và phát triển nghề nghiệp. Đối với Khoa Kinh tế, yêu cầu phát triển đội ngũ được gắn với việc duy trì và nâng cao năng lực chuyên môn, nghiên cứu, giảng dạy sau đại học và kinh nghiệm thực tiễn phù hợp với định hướng ứng dụng của CTĐT. [H5.05.05.01]; [H5.05.05.02]; [H5.05.05.03]

Quy định chế độ làm việc xác định việc đánh giá, xếp loại và khen thưởng gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ. Theo đó, kết quả giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ chuyên môn là căn cứ để đánh giá, ghi nhận thành tích và xem xét phát triển đội ngũ. Đối với bổ nhiệm, thăng hạng và quy hoạch, các hồ sơ chuyên môn và hồ sơ đánh giá được sử dụng theo quy định riêng của Nhà trường. [H5.05.02.04]; [H5.05.05.04]; [H5.05.05.05]

b) Điểm mạnh

Nhà trường có quy định về đánh giá và cơ chế sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ trong quản lý, ghi nhận thành tích và phát triển đội ngũ.

c) Điểm tồn tại

Lộ trình phát triển nghề nghiệp và kế hoạch đội ngũ kế cận đối với một số lĩnh vực chuyên môn sâu của CTĐT cần tiếp tục được cụ thể hóa.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Cụ thể hóa lộ trình phát triển nghề nghiệp và kế hoạch đội ngũ kế cận ở các lĩnh vực chuyên môn sâu; tiếp tục sử dụng kết quả đánh giá làm căn cứ cho phát triển đội ngũ.	Phòng Tổ chức nhân sự; Khoa Kinh tế	2026–2030
Phát huy điểm mạnh	Duy trì việc sử dụng kết quả đánh giá và thành tích chuyên môn làm căn cứ phát triển nghề nghiệp, ghi nhận và xây dựng đội ngũ kế cận.	Phòng Tổ chức nhân sự; Khoa Kinh tế	Thường xuyên

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

5.6. Tiêu chí 5.6: Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng theo quy định và được phổ biến để tất cả giảng viên, nghiên cứu viên hiểu rõ và thực hiện.

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường xác định trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên trong hệ thống quy định nội bộ. Quy định chế độ làm việc nêu rõ các nhiệm vụ về giảng dạy, đánh giá người học, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo, hướng dẫn người học, tham gia xây dựng và phát triển chương trình, biên soạn học liệu, sinh hoạt chuyên môn, phục vụ cộng đồng và các nhiệm vụ khác được giao; đồng thời quy định quyền tham gia hoạt động chuyên môn, nghiên cứu, hợp tác và các quyền lợi theo quy định. [H5.05.01.01]

Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế, giảng viên thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, đánh giá người học, tham gia xây dựng và phát triển CTĐT, biên soạn học liệu, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn học viên và các hoạt động chuyên môn khác theo phân công. Các quy định về trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ được triển khai thông qua văn bản quản lý, kế hoạch đào tạo, sinh hoạt chuyên môn và phân công nhiệm vụ. [H5.05.06.01]; [H4.04.03.05]; [H5.05.06.02]; [H5.05.06.03]; [H5.05.06.04]

b) Điểm mạnh

Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên được xác định trong hệ thống quy định và được triển khai trong hoạt động của Khoa.

c) Điểm tồn tại

Quá trình phổ biến, tiếp nhận phản hồi và cập nhật thông tin về trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên cần tiếp tục được chuẩn hóa.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Chuẩn hóa hồ sơ phổ biến, tiếp nhận phản hồi và cập nhật thông tin về trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên; thực hiện rà soát hằng năm.	Khoa Kinh tế; Phòng Tổ chức nhân sự	Hằng năm
Phát huy điểm mạnh	Duy trì phổ biến đầy đủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ; cập nhật kịp thời khi có thay đổi.	Khoa Kinh tế; Phòng Tổ chức nhân sự	Thường xuyên

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

5.7. Tiêu chí 5.7: Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định có tính hệ thống; các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được triển khai để đáp ứng nhu cầu.

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường xác định đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn là một nội dung trong quản lý đội ngũ. Nhu cầu được xem xét từ vị trí việc làm, chuẩn năng lực, nhiệm vụ được giao, kết quả đánh giá và định hướng phát triển nghề nghiệp. Quy định chế độ làm việc cũng xác định việc học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và phát triển chuyên môn là một phần trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của giảng viên. [H5.05.02.04]; [H5.05.07.01]; [H5.05.07.02]

Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế, nhu cầu bồi dưỡng được định hướng theo yêu cầu của vị trí việc làm và đặc thù đào tạo thạc sĩ, gồm cập nhật chuyên môn quản lý kinh tế, phương pháp giảng dạy và đánh giá ở trình độ sau đại học, năng lực nghiên cứu và công bố, năng lực hướng dẫn Đề án tốt nghiệp, ứng dụng công nghệ số, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo trong dạy học và nghiên cứu, đồng thời cập nhật kinh nghiệm thực tiễn quản lý và kết nối với các tổ chức, doanh nghiệp phù hợp với định hướng ứng dụng của CTĐT. Kết quả triển khai thực tế được thể hiện qua kế hoạch, báo cáo và hồ sơ tham gia bồi dưỡng. [H5.05.07.03]; [H5.05.07.04]; [H5.05.07.05]

b) Điểm mạnh

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng được xác định trên cơ sở vị trí việc làm, chuẩn năng lực, nhiệm vụ và định hướng phát triển; nội dung bồi dưỡng có gắn với yêu cầu của đào tạo thạc sĩ.

c) Điểm tồn tại

Việc đánh giá mức độ vận dụng kết quả đào tạo – bồi dưỡng vào giảng dạy, nghiên

cứu và hướng dẫn học viên cần được theo dõi rõ hơn.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Tăng cường đánh giá việc vận dụng kết quả đào tạo – bồi dưỡng vào giảng dạy, nghiên cứu và hướng dẫn học viên; ưu tiên các nội dung gắn với định hướng ứng dụng của CTĐT.	Khoa Kinh tế; Phòng Tổ chức nhân sự	Hằng năm
Phát huy điểm mạnh	Duy trì kế hoạch đào tạo – bồi dưỡng gắn với vị trí việc làm, chuẩn năng lực, nhiệm vụ và nhu cầu phát triển của CTĐT.	Khoa Kinh tế; Phòng Tổ chức nhân sự	Thường xuyên

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

5.8. Tiêu chí 5.8: Công tác quản lý để đánh giá chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của giảng viên, nghiên cứu viên bao gồm cả việc khen thưởng và công nhận được triển khai theo quy định, quy trình cụ thể.

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường thực hiện đánh giá kết quả công việc của giảng viên trên cơ sở nhiệm vụ được giao và yêu cầu của vị trí việc làm. Nội dung đánh giá bao gồm hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và các nhiệm vụ chuyên môn khác. Quy định chế độ làm việc đồng thời quy định hoạt động dự giờ và đánh giá giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng, cải tiến phương pháp và năng lực chuyên môn của giảng viên; các tiêu chí xem xét gồm kế hoạch/đề cương học phần, nội dung và phương pháp, tổ chức lớp học và tương tác, học liệu và công nghệ, mức độ đạt mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra. [H5.05.02.04]; [H5.05.08.01]; [H5.05.08.02]

Kết quả đánh giá được sử dụng để góp ý, hỗ trợ giảng viên cải tiến phương pháp, đánh giá chất lượng giảng dạy và phục vụ công tác bảo đảm, kiểm định chất lượng giáo dục. Kết quả thực hiện nhiệm vụ cũng được sử dụng trong đánh giá hằng năm, ghi nhận thành tích, thi đua – khen thưởng và xác định nhu cầu phát triển đội ngũ. Việc sử dụng kết quả ở cấp CTĐT để điều chỉnh phân công, bồi dưỡng và cải tiến chất lượng được thực hiện trên cơ sở hồ sơ phân công, kế hoạch bồi dưỡng và các hồ sơ liên quan; cần tiếp tục chuẩn hóa việc tổng hợp các kết quả này ở cấp CTĐT. [H5.05.08.03]; [H5.05.06.04]; [H5.05.08.04]; [H5.05.08.05]; [H5.05.08.06]; [H5.05.08.07]; [H5.05.08.08]

b) Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của giảng viên được gắn với đánh giá hằng năm, ghi nhận thành tích, khen thưởng và phát triển đội ngũ.

c) Điểm tồn tại

Việc tổng hợp, phân tích xu hướng kết quả đánh giá qua các năm và sử dụng dữ liệu ở cấp CTĐT cần tiếp tục được tăng cường.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Tăng cường phân tích xu hướng kết quả đánh giá ở cấp CTĐT và sử dụng dữ liệu để điều chỉnh phân công, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ; duy trì việc ghi nhận, khen thưởng theo quy định.	Khoa Kinh tế; Phòng Tổ chức nhân sự; Phòng KT&ĐBCL	Hằng năm
Phát huy điểm mạnh	Duy trì dự giờ, đánh giá giảng dạy, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và sử dụng kết quả cho cải tiến, thi đua – khen thưởng.	Khoa Kinh tế; Phòng Tổ chức nhân sự; Phòng KT&ĐBCL	Thường xuyên

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

Kết luận Tiêu chuẩn 5

Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên tham gia CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế được quản lý và phát triển theo các quy định của Nhà trường, phù hợp với yêu cầu đào tạo định hướng ứng dụng. Việc phân công nhiệm vụ được xem xét theo trình độ, chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm; khối lượng công việc, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, đào tạo – bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp được đặt trong cùng hệ thống quản lý đội ngũ.

Tiêu chuẩn 5 gồm 08 tiêu chí; cả 08 tiêu chí được tự đánh giá: Đạt.

6. Tiêu chuẩn 6. Các dịch vụ hỗ trợ người học

Mở đầu

Các dịch vụ hỗ trợ người học của Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý kinh tế được triển khai trong hệ thống dịch vụ hỗ trợ chung của Trường Đại học Intracom và được cụ thể hóa phù hợp với đặc điểm của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng. Các hoạt động hỗ trợ bao gồm tuyển sinh, nhập học, tư vấn học tập, quản lý quá trình học tập, cung cấp học liệu và dịch vụ thư viện, hỗ trợ học tập trực tuyến, hỗ trợ nghiên cứu khoa học, thực hiện Đề án tốt nghiệp, phát triển nghề nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ khác.

6.1. Tiêu chí 6.1: Chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh được xác định rõ ràng theo yêu cầu của CTĐT; được công bố công khai và được cập nhật.

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường xây dựng chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh trình độ thạc sĩ theo quy định hiện hành, đồng thời căn cứ vào yêu cầu của từng chương trình đào tạo. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế, thông tin tuyển sinh xác định rõ ngành đào tạo, đối tượng và điều kiện dự tuyển, yêu cầu về văn bằng, ngoại ngữ, học bổ sung kiến thức đối với các trường hợp cần thiết, hồ sơ đăng ký, thời gian và phương thức tuyển sinh. Các yêu cầu đầu vào được xác định phù hợp với đặc điểm của chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế và tạo cơ sở để lựa chọn người học có nền tảng phù hợp với yêu cầu của chương trình. [H6.06.01.01]; [H6.06.01.02]; [H1.01.01.05]

Thông tin tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và các kênh thông tin phù hợp, trong đó cung cấp đầy đủ các thông tin về chương trình Thạc sĩ Quản lý kinh tế, thời gian đào tạo, khối lượng chương trình, hình thức đào tạo, điều kiện dự tuyển, hồ sơ và thông tin liên hệ. Việc công khai thông tin giúp người học và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu và chuẩn bị hồ sơ dự tuyển. [H6.06.01.03]; [H6.06.01.01]

Công tác tuyển sinh được thực hiện theo kế hoạch và có sự phối hợp giữa các đơn vị liên quan. Khoa Kinh tế tham gia giới thiệu CTĐT, nội dung chuyên môn, kế hoạch học tập và giải đáp các vấn đề liên quan đến ngành Quản lý kinh tế; đơn vị quản lý đào tạo sau đại học thực hiện các nội dung về tiếp nhận hồ sơ, tổ chức tuyển sinh, nhập học và quản lý người học. [H6.06.01.04]; [H6.06.01.05]; [H6.06.01.06]

Hằng năm, công tác tuyển sinh được rà soát trên cơ sở kết quả thực hiện, phản hồi của các bên liên quan và yêu cầu phát triển của chương trình. Các nội dung về điều kiện tuyển sinh, phương thức cung cấp thông tin và quy trình thực hiện được cập nhật khi có thay đổi về quy định hoặc yêu cầu của chương trình. [H6.06.01.07]; [H6.06.01.08]; [H6.06.01.09]; [H6.06.01.10]

Bảng 6.1.1. Số liệu tuyển sinh và quy mô học viên QLKT

Chỉ tiêu	2022	2023	2024	2025	2026
Quy mô học viên đang học (người)	52	28	0	0	17
Số học viên nhập học trong năm (người)	0	0	0	0	18

b) Điểm mạnh

Chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh của CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế được xác định rõ, công khai và phù hợp với đặc điểm của chương trình; thông tin tuyển sinh được cung cấp đầy đủ, tạo điều kiện để người học và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

c) Điểm tồn tại

Việc phân tích sâu hơn mối liên hệ giữa đặc điểm đầu vào của người học, kết quả tuyển sinh và kết quả học tập của học viên theo từng khóa cần tiếp tục được thực hiện thường xuyên để cung cấp thêm cơ sở cho việc điều chỉnh chính sách tuyển sinh.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Tiếp tục chuẩn hóa dữ liệu tuyển sinh theo từng khóa, phân tích đặc điểm đầu vào và đối chiếu với kết quả học tập để làm cơ sở điều chỉnh chính sách và phương thức tuyển sinh.	Viện Đào tạo Sau đại học, Khoa Kinh tế, Phòng Đào tạo	Hằng năm từ 2026
Phát huy điểm mạnh	Duy trì công khai, cập nhật đầy đủ thông tin tuyển sinh và tăng cường tư vấn trực tiếp, trực tuyến cho thí sinh.	Viện Đào tạo Sau đại học, Khoa Kinh tế, Phòng Truyền thông	Hằng năm

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

6.2. Tiêu chí 6.2 Năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ được xác định rõ ràng trong tiêu chí tuyển dụng, trong phân công nhiệm vụ và được đánh giá để bảo đảm phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường xác định yêu cầu về năng lực đối với đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ thông qua quy định về vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, bản mô tả công việc và các quy định về tuyển dụng, đánh giá viên chức, người lao động. Các yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp, ứng dụng công nghệ thông tin và khả năng hỗ trợ người học được xác định phù hợp với từng vị trí. [H6.06.02.01]; [H6.06.02.02]; [H6.06.02.03]

Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế, việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ được thực hiện bởi các đơn vị có chức năng phù hợp, gồm đơn vị quản lý đào tạo sau đại học, Khoa Kinh tế và các đơn vị hỗ trợ về thư viện, công nghệ thông tin, công tác người học và các hoạt động nghề nghiệp. Việc phân công nhiệm vụ căn cứ vào chức năng của đơn vị, yêu cầu công việc và năng lực của từng cá nhân, bảo đảm các hoạt động hỗ trợ người học được

thực hiện thống nhất và liên tục. [H6.06.01.05]; [H6.06.02.04]; [H6.06.02.05]

Đối với các dịch vụ hỗ trợ đào tạo trực tuyến, đội ngũ được phân công thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến quản lý hệ thống, hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn người học khai thác học liệu và sử dụng các nền tảng phục vụ học tập. Việc bố trí đội ngũ hỗ trợ phù hợp với hình thức đào tạo kết hợp trực tiếp và trực tuyến của CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế. [H6.06.02.06]; [H6.06.02.07]; [H6.06.02.08]

Năng lực và kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ hỗ trợ được đánh giá định kỳ. Kết quả đánh giá được sử dụng để xem xét việc phân công nhiệm vụ, xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và cải tiến chất lượng cung cấp dịch vụ. Ý kiến phản hồi của người học được sử dụng như một nguồn thông tin trong quá trình đánh giá và điều chỉnh hoạt động hỗ trợ. [H6.06.02.09]; [H6.06.02.10]; [H6.06.02.11]; [H6.06.02.12]

b) Điểm mạnh

Đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ được phân công theo chức năng, vị trí việc làm và năng lực; có sự phối hợp giữa đơn vị quản lý đào tạo, Khoa Kinh tế và các đơn vị chức năng, đáp ứng yêu cầu hỗ trợ người học trong cả đào tạo trực tiếp và trực tuyến.

c) Điểm tồn tại

Việc tổng hợp dữ liệu đánh giá năng lực và mức độ đáp ứng của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ riêng cho CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế cần tiếp tục được chuẩn hóa.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Xây dựng hồ sơ theo dõi đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ CTĐT, gắn năng lực, nhiệm vụ, kết quả đánh giá và phản hồi của người học.	Viện Đào tạo Sau đại học, Phòng Tổ chức nhân sự, Khoa Kinh tế	2026–2027
Phát huy điểm mạnh	Duy trì phân công hỗ trợ theo chức năng và năng lực; tăng cường bồi dưỡng kỹ năng hỗ trợ người học và ứng dụng công nghệ số.	Các đơn vị liên quan	Hằng năm

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

6.3. Tiêu chí 6.3 Kế hoạch ngắn hạn và dài hạn đối với dịch vụ hỗ trợ người học được xây dựng, triển khai thực hiện để bảo đảm đáp ứng đầy đủ và có chất lượng các dịch vụ hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường xây dựng kế hoạch ngắn hạn và dài hạn đối với các dịch vụ hỗ trợ người học gắn với định hướng phát triển và kế hoạch đào tạo. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế, các dịch vụ hỗ trợ được triển khai theo từng giai đoạn của quá trình học tập, từ tuyển sinh, nhập học, tổ chức học tập, nghiên cứu khoa học đến thực hiện và bảo vệ Đề án tốt nghiệp. [H6.06.03.01]; [H6.06.02.08]; [H1.01.01.05]

Kế hoạch tổ chức Khóa 06 xác định các nội dung hỗ trợ ngay từ đầu khóa, gồm giới thiệu chương trình, kế hoạch học tập, quy định đào tạo, dịch vụ thư viện, học liệu điện tử và giải đáp thắc mắc của học viên. Việc cung cấp thông tin và hướng dẫn ngay từ đầu khóa giúp người học hiểu rõ yêu cầu của chương trình và chủ động xây dựng kế hoạch học tập. [H6.06.01.05]; [H6.06.03.02]; [H6.06.03.03]

Trong quá trình đào tạo, các dịch vụ hỗ trợ được triển khai theo tiến độ của chương trình, bao gồm tư vấn học tập, hỗ trợ học liệu, thư viện, nghiên cứu khoa học, lựa chọn và thực hiện Đề án tốt nghiệp, hướng nghiệp và kết nối thực tiễn. Khoa Kinh tế phối hợp với các đơn vị chức năng để hỗ trợ học viên giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và nghiên cứu. [H6.06.02.08]; [H6.06.03.04]; [H6.06.03.05]; [H6.06.03.06]

Nhà trường chú trọng phát triển các dịch vụ hỗ trợ học tập và nghiên cứu trên nền tảng số. Học viên được cung cấp quyền tiếp cận hệ thống học tập trực tuyến, thư viện số và các nguồn học liệu phục vụ học tập, nghiên cứu. Việc kết hợp các hình thức hỗ trợ trực tiếp và trực tuyến tạo điều kiện để học viên vừa học vừa làm có thể tiếp cận dịch vụ hỗ trợ phù hợp với điều kiện cá nhân. [H1.01.03.01]; [H6.06.03.07]; [H6.06.03.08]; [H6.06.03.09]; [H6.06.03.10]

Bên cạnh các dịch vụ học thuật, Nhà trường triển khai các hoạt động thực hành nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và kết nối doanh nghiệp. Các hoạt động này tạo điều kiện để học viên Thạc sĩ Quản lý kinh tế tăng cường khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn quản lý, phát triển năng lực nghề nghiệp và mở rộng kết nối với các tổ chức, doanh nghiệp. [H6.06.03.01]

b) Điểm mạnh

Các dịch vụ hỗ trợ người học được triển khai theo tiến trình đào tạo, có sự phối hợp giữa các đơn vị và bao quát cả hỗ trợ học tập, nghiên cứu, Đề án tốt nghiệp, học liệu số và phát triển nghề nghiệp.

c) Điểm tồn tại

Việc tích hợp toàn bộ các dịch vụ hỗ trợ thành một kế hoạch thống nhất ở cấp CTĐT, kèm theo chỉ tiêu và kết quả thực hiện của từng dịch vụ, cần tiếp tục được hoàn thiện.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Xây dựng danh mục dịch vụ hỗ trợ người học của CTĐT, xác định đầu mối, thời gian cung cấp, chỉ tiêu và kết quả thực hiện đối với từng dịch vụ.	Viện Đào tạo Sau đại học, Khoa Kinh tế	2026–2027
Phát huy điểm mạnh	Duy trì hệ thống hỗ trợ học tập, nghiên cứu và nghề nghiệp; tăng cường hỗ trợ trên nền tảng số.	Các đơn vị liên quan	Hằng năm

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

6.4. Tiêu chí 6.4 Có hệ thống quản lý đào tạo phù hợp để giám sát, ghi nhận được tiến độ, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học; việc phản hồi cho người học và hoạt động khắc phục bất cập được triển khai kịp thời và giúp người học cải thiện việc học tập

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường vận hành hệ thống quản lý đào tạo để quản lý quá trình học tập của người học, bao gồm đăng ký học phần, kế hoạch học tập, lịch học, kết quả học tập và tiến độ hoàn thành chương trình. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế, dữ liệu học tập được quản lý theo từng học phần và từng giai đoạn của chương trình, tạo cơ sở để theo dõi khối lượng tín chỉ đã hoàn thành và các yêu cầu còn lại của người học. [H6.06.04.01]; [H6.06.04.02]; [H6.06.02.08]

Việc theo dõi tiến độ học tập được thực hiện với sự phối hợp giữa đơn vị quản lý đào tạo sau đại học, Khoa Kinh tế, giảng viên và người hướng dẫn Đề án tốt nghiệp. Trách nhiệm của các đơn vị được xác định trong quy định và kế hoạch đào tạo, qua đó bảo đảm thông tin về tiến độ học tập được cập nhật và xử lý kịp thời. [H6.06.04.03]; [H6.06.02.08]; [H6.06.04.04]

Kết quả học tập, lịch học và các thông tin liên quan được cung cấp cho người học thông qua hệ thống quản lý đào tạo và các kênh thông tin chính thức của Nhà trường. Người học có thể chủ động theo dõi kết quả, kế hoạch học tập và các mốc thực hiện chương trình. [H6.06.04.01]; [H6.06.04.05]; [H6.06.04.06]

Trên cơ sở dữ liệu về tiến độ và kết quả học tập, Nhà trường và Khoa Kinh tế thực hiện rà soát những trường hợp có nguy cơ chậm tiến độ hoặc gặp khó khăn trong học tập để có biện pháp tư vấn, hỗ trợ phù hợp. Đối với học viên thực hiện Đề án tốt nghiệp, tiến độ được theo dõi theo các mốc đăng ký, thực hiện, hoàn thành và bảo vệ đề án. [H6.06.04.07]; [H6.06.04.08]; [H6.06.04.09]; [H6.06.03.04]; [H6.06.04.10]

b) Điểm mạnh

Hệ thống quản lý đào tạo hỗ trợ theo dõi tương đối đầy đủ quá trình học tập; trách nhiệm của các đơn vị được phân công rõ và có cơ chế phối hợp trong việc theo dõi, phản hồi và hỗ trợ người học.

c) Điểm tồn tại

Việc khai thác dữ liệu tiến độ học tập để phân tích xu hướng và xây dựng các báo cáo riêng phục vụ cảnh báo sớm ở cấp CTĐT cần tiếp tục được tăng cường.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Chuẩn hóa các chỉ số theo dõi tiến độ, xây dựng danh sách cảnh báo và hồ sơ hỗ trợ đối với người học có nguy cơ chậm tiến độ.	Viện Đào tạo Sau đại học, Phòng Đào tạo, Khoa Kinh tế	Từ 2026–2027
Phát huy điểm mạnh	Duy trì cập nhật dữ liệu học tập và phản hồi kịp thời cho người học thông qua hệ thống quản lý đào tạo.	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

6.5. Tiêu chí 6.5 Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và tăng khả năng có việc làm của người học

a) Mô tả hiện trạng

CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế triển khai hoạt động tư vấn học tập phù hợp với từng giai đoạn của chương trình. Ngay từ đầu khóa, học viên được giới thiệu về mục tiêu, cấu trúc, nội dung chương trình, kế hoạch học tập, quy định đào tạo và các dịch vụ hỗ trợ.

Trong quá trình học tập, Khoa Kinh tế và đơn vị quản lý đào tạo sau đại học tư vấn cho học viên về lựa chọn học phần, tiến độ học tập, nghiên cứu và thực hiện Đề án tốt nghiệp. [H6.06.01.05]; [H6.06.03.03]; [H6.06.02.08]; [H6.06.03.05]

Đối với hoạt động nghiên cứu và Đề án tốt nghiệp, học viên được tư vấn lựa chọn hướng nghiên cứu, xác định đề tài và được giảng viên hướng dẫn trong quá trình thực hiện. Việc phân công người hướng dẫn căn cứ vào chuyên môn, kinh nghiệm và nội dung nghiên cứu, qua đó hỗ trợ người học vận dụng kiến thức quản lý kinh tế để giải quyết các vấn đề thực tiễn. [H6.06.05.01]; [H6.06.05.02]; [H6.06.03.04]; [H6.06.05.03]

Nhà trường đồng thời triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển nghề nghiệp, thực hành nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và kết nối doanh nghiệp. Đối với học viên Thạc sĩ Quản lý kinh tế, các hoạt động này góp phần mở rộng trải nghiệm thực tiễn, tăng cường năng lực phân tích và giải quyết vấn đề quản lý, đồng thời hỗ trợ người học phát triển các mối quan hệ nghề nghiệp. [H6.06.05.04]; [H6.06.05.05]; [H6.06.05.06]; [H6.06.05.07]; [H6.06.05.08]

CTĐT được tổ chức theo hình thức kết hợp trực tiếp và trực tuyến, do đó các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện thông qua cả hình thức trực tiếp và nền tảng số. MS Teams và hệ thống LMS được sử dụng để trao đổi, cung cấp học liệu, hỗ trợ học tập và tương tác giữa người học với giảng viên. [H6.06.03.07]; [H1.01.03.01]; [H6.06.03.08]; [H6.06.03.09]; [H6.06.05.09]

Thông tin về các hoạt động tư vấn, học liệu, thư viện, hoạt động nghiên cứu, hướng nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ được cung cấp thông qua các kênh thông tin của Nhà trường và các đơn vị liên quan. Người học được hướng dẫn cách tiếp cận và sử dụng các dịch vụ ngay từ đầu khóa và trong quá trình học tập. [H6.06.05.10]; [H6.06.04.05]; [H6.06.03.10]; [H6.06.05.11]; [H6.06.01.05]

b) Điểm mạnh

Hoạt động tư vấn được tổ chức xuyên suốt quá trình học tập, đặc biệt chú trọng tư vấn học tập, nghiên cứu và Đề án tốt nghiệp; đồng thời có sự kết hợp giữa tư vấn trực tiếp và trực tuyến, phù hợp với đặc điểm học viên thạc sĩ vừa học vừa làm.

c) Điểm tồn tại

Việc lượng hóa mức độ tham gia và hiệu quả của từng hoạt động tư vấn, hỗ trợ nghề nghiệp và kết nối thực tiễn đối với học viên của CTĐT cần tiếp tục được hoàn thiện.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Theo dõi số lượng học viên tham gia tư vấn, mức độ hài lòng và kết quả hỗ trợ; tổng hợp định kỳ để cải tiến hoạt động.	Khoa Kinh tế, Viện Đào tạo Sau đại học	Hằng năm
Phát huy điểm mạnh	Tăng cường tư vấn nghiên cứu, Đề án tốt nghiệp, kết nối chuyên gia, doanh nghiệp và các hoạt động phát triển nghề nghiệp.	Khoa Kinh tế, Viện Khoa học Công nghệ, Viện Doanh nhân	2026–2030

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

6.6. Tiêu chí 6.6 Các dịch vụ hỗ trợ người học được định kỳ đánh giá, đối sánh và cải tiến chất lượng

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường thực hiện đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ người học thông qua việc thu thập ý kiến phản hồi, rà soát kết quả thực hiện và tổng hợp những vấn đề phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế, ý kiến của học viên được thu thập đối với các nội dung liên quan đến tuyển sinh, tư vấn học tập, quản lý đào tạo, học liệu, thư viện, hỗ trợ trực tuyến và các dịch vụ khác. [H6.06.06.01]; [H6.06.06.02]; [H6.06.06.03]; [H6.06.02.12]

Kết quả đánh giá được tổng hợp, phân tích và thông tin đến các đơn vị liên quan để xác định những nội dung cần duy trì và những nội dung cần cải tiến. Khoa Kinh tế phối hợp với đơn vị quản lý đào tạo và các đơn vị chức năng xem xét phản hồi của người học, từ đó điều chỉnh nội dung tư vấn, phương thức hỗ trợ và cách thức cung cấp dịch vụ phù hợp hơn với nhu cầu của học viên. [H6.06.06.04]; [H6.06.06.05]; [H6.06.06.06]

Việc đánh giá dịch vụ hỗ trợ được thực hiện định kỳ và gắn với chu kỳ rà soát, cải tiến của chương trình. Các nội dung được quan tâm gồm mức độ tiếp cận dịch vụ, tính kịp thời, mức độ đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu, hiệu quả tư vấn và mức độ hài lòng của người học. Kết quả đánh giá là một trong những căn cứ để xây dựng kế hoạch cải tiến cho năm học tiếp theo. [H6.06.06.07]; [H6.06.06.08]; [H6.06.06.09]

Nhà trường từng bước tăng cường đối sánh các dịch vụ hỗ trợ với yêu cầu của chương trình, nhu cầu người học và kinh nghiệm của các cơ sở giáo dục có chương trình đào tạo tương đồng. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế, kết quả đối sánh được sử dụng để xác định các nội dung cần tiếp tục hoàn thiện, đặc biệt về dịch vụ hỗ trợ trực tuyến, học liệu số, tư vấn học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp.

Kết quả đánh giá, phản hồi và đối sánh được sử dụng để điều chỉnh hoạt động hỗ trợ trong các giai đoạn tiếp theo. Các nội dung cải tiến được phân công cho đơn vị phụ trách, xác định thời gian thực hiện và theo dõi kết quả, qua đó hình thành chu trình cải tiến liên tục đối với dịch vụ hỗ trợ người học.

b) Điểm mạnh

Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá thông qua phản hồi và rà soát định kỳ; kết quả đánh giá được sử dụng để xác định nội dung cần cải tiến và phân công trách nhiệm thực hiện.

c) Điểm tồn tại

Hoạt động đối sánh và lượng hóa tác động của các cải tiến đối với chất lượng dịch vụ hỗ trợ riêng của CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế cần tiếp tục được tăng cường.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Xây dựng bộ chỉ số đánh giá dịch vụ hỗ trợ riêng của CTĐT; thực hiện đối sánh và theo dõi kết quả trước – sau cải tiến.	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Viện Đào tạo Sau đại học, Khoa Kinh tế	Từ 2026–2027
Phát huy điểm mạnh	Duy trì khảo sát phản hồi định kỳ và sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh dịch vụ hỗ trợ người học.	Các đơn vị liên quan	Hằng năm

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

Kết luận Tiêu chuẩn 6

Các dịch vụ hỗ trợ người học của CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế được triển khai trong hệ thống quản lý và hỗ trợ chung của Trường Đại học Intracom, đồng thời được cụ thể hóa phù hợp với đặc điểm của chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng. Các dịch vụ được tổ chức tương đối đầy đủ từ tuyển sinh, nhập học, tư vấn học tập, quản lý tiến độ, cung cấp học liệu và thư viện, hỗ trợ học tập trực tuyến đến hỗ trợ nghiên cứu, thực hiện Đề án tốt nghiệp và phát triển nghề nghiệp.

Công tác tuyển sinh được thực hiện theo chính sách và quy trình thống nhất, thông tin được công khai và cập nhật. Trong quá trình đào tạo, Nhà trường và Khoa Kinh tế có sự phối hợp trong tư vấn, quản lý tiến độ học tập và hỗ trợ học viên thực hiện Đề án tốt nghiệp. Các dịch vụ học liệu, thư viện, học tập trực tuyến và hỗ trợ nghiên cứu được triển khai phù hợp với đặc điểm của học viên thạc sĩ vừa học vừa làm.

Tiêu chuẩn 6 gồm 06 tiêu chí. Cả 06 tiêu chí được tự đánh giá: Đạt.

7. Tiêu chuẩn 7 cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Nhà trường tổ chức và quản lý hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, học liệu, công nghệ thông tin và các điều kiện về môi trường, sức khỏe, an toàn phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hỗ trợ người học. Đối với Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý kinh tế, các nguồn lực này được khai thác theo đặc thù của đào tạo sau đại học và định hướng ứng dụng, trong đó tập trung vào phòng học, không gian thảo luận và làm việc nhóm, nguồn học liệu chuyên ngành, hạ tầng số, thiết bị trình chiếu, máy tính, Internet và các điều kiện phục vụ phân tích dữ liệu, nghiên cứu ứng dụng và thực hiện Đề án tốt nghiệp.

7.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để triển khai chương trình đào tạo, để hỗ trợ triển khai hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng

a) Mô tả hiện trạng

Hệ thống phòng học và phòng chức năng của Nhà trường được bố trí phục vụ các hoạt động đào tạo, quản lý, nghiên cứu khoa học và các hoạt động kết nối với doanh nghiệp, tổ chức và cộng đồng. Việc sử dụng phòng học được thực hiện theo kế hoạch đào tạo, bảo đảm các lớp học có không gian và thiết bị phục vụ giảng dạy.

Bảng 7.1.1. Một số chỉ số cơ sở vật chất cấp cơ sở giáo dục phục vụ đào tạo

Chỉ số	Đơn vị tính	Kết quả
Diện tích đất/người học	m²/người học	78,03
Diện tích sàn/người học	m²/người học	4,33
Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	%	87,4
Phòng máy tính tập trung	phòng	02
Máy tính phục vụ thực hành	máy	gần 200

Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế, không gian học tập được sử dụng cho các hoạt động đặc thù của đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng như thảo luận chuyên sâu, phân tích tình huống, phân tích dữ liệu, làm việc nhóm, trình bày, phản biện, nghiên cứu ứng dụng và thực hiện Đề án tốt nghiệp. Các phòng học được trang bị phương tiện trình chiếu, âm thanh và kết nối cần thiết cho hoạt động dạy – học.

Quy mô và lịch sử dụng phòng học được gắn với kế hoạch đào tạo của CTĐT. Khi tổ chức các học phần có hoạt động nhóm, thuyết trình hoặc học tập kết hợp, việc bố trí phòng

được điều chỉnh theo tính chất hoạt động và số lượng học viên. [H7.07.01.01]; [H7.07.01.02]; [H1.01.01.05]; [H7.07.01.03]; [H7.07.01.04]

Bảng 7.1.2. Cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ các nhóm hoạt động thực hành của CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế

Nhóm hoạt động	Cơ sở vật chất/thiết bị	Cách khai thác trong CTĐT
Phân tích dữ liệu kinh tế và ra quyết định	Phòng máy tính, Internet, máy chiếu/màn hình, phần mềm thống kê	Thực hành xử lý dữ liệu kinh tế, sử dụng các công cụ định lượng và kinh tế lượng, trực quan hóa và diễn giải kết quả phục vụ phân tích và ra quyết định quản lý.
Phân tích chính sách và quản lý kinh tế	Phòng học, thiết bị trình chiếu, Internet	Phân tích tình huống, dữ liệu và chính sách; thảo luận, xây dựng báo cáo phân tích và trình bày các khuyến nghị quản lý kinh tế.
Lập kế hoạch và đánh giá chương trình, dự án phát triển kinh tế	Phòng học/phòng họp, thiết bị trình chiếu, Internet	Thực hành xây dựng kế hoạch, phân tích phương án, đánh giá chương trình/dự án và trình bày, phản biện giải pháp.
Chuyển đổi số và kinh tế số	Phòng máy tính, Internet, nền tảng số và các công cụ công nghệ thông tin	Khai thác dữ liệu và công cụ số để phân tích các mô hình kinh tế số, chuyển đổi số và hỗ trợ giải quyết các bài toán quản lý kinh tế trong thực tiễn.
Nghiên cứu ứng dụng và Đề án tốt nghiệp	Thư viện, thư viện số, phòng máy tính, Internet, phần mềm xử lý dữ liệu	Tra cứu học liệu, thu thập và xử lý dữ liệu, thực hiện nghiên cứu ứng dụng, hoàn thiện Đề án tốt nghiệp và trình bày kết quả trước hội đồng.

Thiết bị được kiểm kê, bảo trì và cập nhật theo kế hoạch. Khoa Kinh tế phối hợp với giảng viên rà soát yêu cầu sử dụng phòng học, phòng máy, thiết bị, phần mềm và nền tảng số trong đề cương học phần; việc bố trí nguồn lực được thực hiện theo kế hoạch đào tạo. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế, các nguồn lực này tập trung hỗ trợ phân tích dữ liệu, phân tích chính sách, lập kế hoạch và đánh giá chương trình/dự án, nghiên cứu ứng dụng và thực hiện Đề án tốt nghiệp. [H7.07.01.05]

b) Điểm mạnh

- Hệ thống phòng học và phòng chức năng được quản lý tập trung, có thể điều phối theo kế hoạch đào tạo.

- Cơ sở vật chất phù hợp với đặc thù đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng và phương pháp học tập tương tác.

- Việc phân bổ phòng gắn với kế hoạch đào tạo, tạo điều kiện cho hoạt động nhóm, trình bày và nghiên cứu ứng dụng.

c) Điểm tồn tại

- Cần tiếp tục cập nhật dữ liệu sử dụng phòng học theo quy mô từng lớp QLKT và nhu cầu của từng loại hoạt động học tập.

- Cần duy trì dữ liệu về tình trạng thiết bị và kết quả bảo trì theo từng khu vực sử dụng.

d) Kế hoạch hành động

Bảng kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Cập nhật danh mục phòng học, phòng chức năng và thiết bị phục vụ CTĐT; đánh giá mức độ phù hợp của phòng học với phương pháp dạy học QLKT.	Khoa Kinh tế; đơn vị quản lý cơ sở vật chất; Phòng Đào tạo	Hằng năm / mỗi học kỳ
Phát huy điểm mạnh	Duy trì bảo trì định kỳ và bổ sung, thay thế thiết bị theo mức độ ưu tiên và nhu cầu của CTĐT.	Đơn vị quản lý cơ sở vật chất; CNTT; Khoa Kinh tế	Thường xuyên

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

7.2. Tiêu chí 7.2 Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và trang thiết bị đầy đủ theo yêu cầu của chương trình đào tạo, được cập nhật, được sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu của người học, giảng viên và nghiên cứu viên

a) Mô tả hiện trạng

Đặc thù của Thạc sĩ Quản lý kinh tế là đào tạo theo định hướng ứng dụng; chương trình không yêu cầu hệ thống phòng thí nghiệm chuyên ngành như các chương trình khoa học kỹ thuật. Nhu cầu thực hành của chương trình chủ yếu được thực hiện thông qua phòng học có thiết bị trình chiếu, máy tính, Internet, phần mềm xử lý dữ liệu, công cụ phân tích và các nền tảng số.

Các học phần có nội dung về phương pháp nghiên cứu, phân tích định lượng, quản lý kinh tế, chuyển đổi số, quản lý phát triển và Đề án tốt nghiệp có nhu cầu sử dụng dữ liệu, công cụ số, trình bày và phân tích kết quả. Trang thiết bị và phần mềm được lựa chọn theo yêu cầu của học phần và nhiệm vụ học tập.

Giảng viên và học viên được khai thác các thiết bị, nền tảng và phần mềm theo quy định sử dụng của Nhà trường. Các thiết bị được kiểm kê, bảo trì và cập nhật nhằm duy trì khả năng phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Việc khai thác trang thiết bị được kết hợp với phương thức học tập trực tiếp và trực tuyến/kết hợp, hỗ trợ học viên thực hiện nhiệm vụ

học tập, nghiên cứu và Đề án tốt nghiệp. [H1.01.01.05]; [H7.07.02.01]; [H7.07.02.02]; [H7.07.02.03]; [H7.07.02.04]; [H7.07.02.05]

b) Điểm mạnh

- Nguồn lực được xác định theo đặc thù chương trình, tránh đầu tư dàn trải vào các phòng chuyên dụng không cần thiết.

- Các học phần có nội dung phân tích dữ liệu và quản lý số có thể khai thác hạ tầng CNTT dùng chung.

c) Điểm tồn tại

- Cần tiếp tục cập nhật ma trận giữa yêu cầu thực hành của từng học phần và thiết bị/phần mềm tương ứng.

- Cần theo dõi mức độ sử dụng và hiệu quả của các công cụ số trong từng học phần.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Xây dựng và cập nhật ma trận học phần – hoạt động thực hành – thiết bị/phần mềm; xác định các học phần cần ưu tiên nâng cấp nguồn lực.	Khoa Kinh tế; CNTT; Phòng Đào tạo	2026–2027
Phát huy điểm mạnh	Tối ưu lịch sử dụng phòng máy, thiết bị trình chiếu và nền tảng số; chia sẻ cách khai thác hiệu quả giữa các học phần.	Khoa Kinh tế; CNTT; giảng viên	Hằng học kỳ

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

7.3. Tiêu chí 7.3 Có thư viện, thư viện số và nguồn học liệu được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, có cập nhật tiến bộ về công nghệ thông tin – truyền thông

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường tổ chức hệ thống thư viện và nguồn học liệu phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, bao gồm tài liệu in, tài liệu điện tử và các nguồn học liệu số. Người học và giảng viên được tiếp cận các nguồn học liệu theo quy định sử dụng thư viện.

Đối với Thạc sĩ Quản lý kinh tế, nguồn học liệu được lựa chọn theo từng học phần và trình độ thạc sĩ, gồm giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, bài báo khoa học, báo cáo chuyên ngành, dữ liệu và các nguồn điện tử. Nội dung học liệu gắn với các lĩnh vực của chương trình như kinh tế học, quản lý kinh tế, quản lý công, chính sách kinh tế, phân tích dữ liệu, quản lý phát triển, chuyển đổi số và phát triển bền vững.

Việc cập nhật học liệu được thực hiện theo nhu cầu của CTĐT và yêu cầu của các học phần. Giảng viên lựa chọn, đề xuất và cập nhật tài liệu phù hợp với nội dung giảng dạy; thư viện thực hiện quản lý, cung cấp và hỗ trợ khai thác nguồn học liệu. Hệ thống học liệu số hỗ trợ học viên truy cập tài liệu ngoài thời gian học trên lớp, phục vụ tự học, nghiên cứu khoa học và thực hiện Đề án tốt nghiệp. [H7.07.03.01]; [H1.01.01.05]; [H7.07.02.01]; [H7.07.03.02]; [H7.07.03.03]; [H7.07.03.04]; [H7.07.03.05]; [H7.07.03.06]

Bảng 7.3.1. Một số kết quả khảo sát thư viện cấp cơ sở giáo dục năm 2026

Nội dung đánh giá	Kết quả	Ý nghĩa đối với CTĐT QLKT
Khảo sát người dùng thư viện	112 người dùng	Nguồn dữ liệu phản hồi cấp cơ sở giáo dục
Mức hài lòng về không gian tự học (Hài lòng + Rất hài lòng)	79,5%	Điều kiện không gian học tập được đánh giá tích cực
Mức hài lòng về hệ thống thư viện số (Hài lòng + Rất hài lòng)	69,7%	Cơ sở tiếp tục phát triển học liệu số và trải nghiệm tra cứu
Mức hài lòng về thư viện điện tử (Hài lòng + Rất hài lòng)	68,8%	Cần tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng nguồn tài liệu điện tử
Giảng viên/nghiên cứu viên truy cập CSDL thường xuyên	98,8%	CSDL trực tuyến có vai trò rõ đối với nghiên cứu và giảng dạy
Giảng viên đánh giá CSDL quốc tế từ "Cần thiết" đến "Rất cần thiết"	100%	Căn cứ ưu tiên phát triển CSDL chuyên ngành và tài liệu quốc tế
Sinh viên sử dụng CSDL thường xuyên	50%	Cần tăng cường hướng dẫn và khuyến khích khai thác CSDL
Sinh viên đánh giá khai thác dữ liệu trực tuyến là quan trọng	98,3%	Phù hợp với định hướng tăng cường năng lực số và tự học

b) Điểm mạnh

- Nguồn học liệu được tổ chức theo nhu cầu đào tạo và nghiên cứu.

- Có khả năng khai thác học liệu điện tử phục vụ học viên cao học.

- Việc cập nhật học liệu có thể thực hiện theo từng học phần và yêu cầu nghiên cứu.

c) Điểm tồn tại

- Cần tiếp tục tăng cường các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và tài liệu quốc tế phục vụ QLKT.

- Cần duy trì thống kê sử dụng học liệu theo học phần để xác định nguồn tài liệu có nhu cầu cao.

d) Kế hoạch hành động

Bảng kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Hằng năm rà soát danh mục học liệu theo từng học phần QLKT; xác định tài liệu thiếu, cũ hoặc có nhu cầu sử dụng cao để bổ sung.	Khoa Kinh tế; Trung tâm Thông tin – Thư viện	Từ NH 2026–2027
Phát huy điểm mạnh	Tăng cường học liệu số, cơ sở dữ liệu quốc tế và hướng dẫn học viên khai thác hiệu quả nguồn tài liệu phục vụ học tập và nghiên cứu.	Trung tâm Thông tin – Thư viện; Khoa Kinh tế	Thường xuyên

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

7.4. Tiêu chí 7.4 Có hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng mạng và máy tính dễ dàng tiếp cận và sử dụng, đáp ứng nhu cầu của người học, giảng viên, nghiên cứu viên, đội ngũ quản lý và nhân viên trong các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, kết nối phục vụ cộng đồng và quản lý hành chính

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường duy trì hạ tầng công nghệ thông tin, mạng Internet, máy tính và các nền tảng số phục vụ quản lý, giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Hệ thống được vận hành bởi đơn vị chuyên trách và có cơ chế hỗ trợ kỹ thuật cho người sử dụng.

Đối với Thạc sĩ Quản lý kinh tế, hạ tầng số được sử dụng để quản lý đào tạo, cung cấp học liệu, trao đổi học thuật, tổ chức học tập trực tuyến/kết hợp, giao nhận bài tập, trình bày kết quả, xử lý dữ liệu và hỗ trợ thực hiện Đề án tốt nghiệp. Các học phần có nội dung về phân tích định lượng, quản lý số, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo khai thác công cụ công nghệ để tăng cường tính thực hành và khả năng ứng dụng của học viên.

Nhà trường thực hiện bảo trì, cập nhật và hỗ trợ kỹ thuật đối với hạ tầng CNTT. Các vấn đề phát sinh trong quá trình sử dụng được tiếp nhận và xử lý thông qua đầu mối hỗ trợ. [H7.07.04.01]; [H7.07.04.02]; [H7.07.04.03]; [H7.07.04.04]

Bảng 7.3. Một số chỉ số theo dõi hạ tầng CNTT phục vụ CTĐT

Chỉ số	Đơn vị tính	Mục đích sử dụng
Hệ thống quản lý học tập/nền tảng số	hệ thống	Khả năng cung cấp học liệu và hoạt động học tập
Học phần sử dụng nền tảng số	học phần	Mức độ tích hợp công nghệ vào dạy học
Học phần có học liệu/hoạt động trên nền tảng số	%	Mức độ bao phủ của học tập số
Yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật	yêu cầu	Khối lượng và loại sự cố
Tỷ lệ yêu cầu được xử lý đúng hạn	%	Hiệu quả hỗ trợ kỹ thuật
Mức độ hài lòng của người học	% hoặc điểm	Căn cứ cải tiến trải nghiệm số

Chỉ số	Đơn vị tính	Mục đích sử dụng
về CNTT		

b) Điểm mạnh

- Hạ tầng CNTT được quản lý tập trung, có đầu mối hỗ trợ kỹ thuật.

- Hạ tầng số phù hợp với định hướng tăng cường dữ liệu, công nghệ và học tập kết hợp của chương trình.

c) Điểm tồn tại

- Cần theo dõi riêng các chỉ số về khả năng truy cập, mức độ sử dụng và sự cố của CTĐT QLKT.

- Cần sử dụng thường xuyên hơn phản hồi của học viên để cải tiến trải nghiệm số.

d) Kế hoạch hành động

Bảng kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Theo dõi tình trạng LMS, Internet, phòng máy và các yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật liên quan đến CTĐT theo học kỳ; thống kê sự cố và thời gian xử lý.	CNTT; Phòng Đào tạo; Khoa Kinh tế	Theo học kỳ
Phát huy điểm mạnh	Mở rộng khai thác học liệu số, công cụ phân tích dữ liệu và các nền tảng số phù hợp với từng học phần.	Khoa Kinh tế; CNTT; giảng viên	Thường xuyên

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

7.5. Tiêu chí 7.5 Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan thiên nhiên tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và sự thoải mái cho người học

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường duy trì môi trường học tập và làm việc bảo đảm các điều kiện về vệ sinh, an ninh, cảnh quan và các tiện ích phục vụ người học. Công tác vệ sinh, bảo vệ, chăm sóc cảnh quan và quản lý các khu vực sử dụng chung được phân công cho các đơn vị chức năng.

Đối với học viên Thạc sĩ Quản lý kinh tế, môi trường học tập được tổ chức phù hợp với đặc điểm người học sau đại học, trong đó chú trọng sự thuận tiện trong tiếp cận phòng học, thư viện, hạ tầng số, không gian trao đổi học thuật và các dịch vụ hỗ trợ. Việc tổ chức học tập phù hợp với đặc điểm học viên vừa học vừa làm góp phần tạo điều kiện để người học duy trì việc học tập, nghiên cứu và công việc nghề nghiệp.

Các phản ánh của người học về điều kiện học tập, môi trường và tiện ích được tiếp nhận thông qua các kênh phản hồi của Nhà trường và được chuyển đến đơn vị có trách nhiệm xử lý. [H7.07.05.01]; [H7.07.01.03]; [H7.07.05.02]; [H7.07.05.03]

b) Điểm mạnh

Môi trường học tập được quản lý thống nhất.

c) Điểm tồn tại

Việc phân tích riêng phản hồi của học viên Thạc sĩ Quản lý kinh tế và theo dõi kết quả xử lý phản ánh để đánh giá mức độ cải thiện sau can thiệp cần tiếp tục được tăng cường.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Phân tích phản hồi của học viên QLKT về môi trường học tập, không gian tự học, học nhóm và các tiện ích; theo dõi nội dung cần cải thiện.	Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Hằng năm
Phát huy điểm mạnh	Duy trì môi trường học tập an toàn, thuận tiện; tiếp nhận và xử lý phản ánh theo chu kỳ.	Khoa Kinh tế; các đơn vị chức năng	Thường xuyên

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

7.6. Tiêu chí 7.6 Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến các nhu cầu của các nhóm người học đặc thù, chuyên biệt (nếu có)

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường xác định và triển khai các yêu cầu về vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy, an ninh, an toàn sử dụng cơ sở vật chất, chăm sóc sức khỏe và các điều kiện liên quan. Công tác kiểm tra, bảo trì, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường được thực hiện định kỳ; trách nhiệm của các đơn vị được phân công rõ.

Trong tổ chức CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế, phòng học, phòng máy, thiết bị và nền tảng số được sử dụng theo yêu cầu an toàn. Các hướng dẫn sử dụng thiết bị và không gian học tập được phổ biến đến người học và giảng viên. Đối với học viên có nhu cầu hỗ trợ đặc thù, Nhà trường và Khoa Kinh tế phối hợp với các đơn vị chức năng xem xét điều kiện tiếp cận cơ sở vật chất, công nghệ và dịch vụ hỗ trợ phù hợp với từng trường hợp. [H7.07.06.01]; [H7.07.06.02]; [H7.07.06.03]; [H7.07.06.04]

Bảng 7.4. Các nội dung theo dõi về môi trường, sức khỏe và an toàn

Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả cần theo dõi
Kiểm tra an toàn/PCCC	đợt/năm	Số đợt và nội dung kiểm tra
Vấn đề phát hiện và đã xử lý	vấn đề	Số lượng, nguyên nhân và kết quả xử lý
Phản ánh về môi trường học tập được xử lý đúng hạn	%	Mức độ đáp ứng
Mức độ hài lòng về môi trường học tập	% hoặc điểm	Phản hồi của người học
Trường hợp hỗ trợ nhu cầu đặc thù	trường hợp	Số trường hợp và phương án hỗ trợ

b) Điểm mạnh

- Có hệ thống quy định và phân công trách nhiệm về môi trường, sức khỏe và an toàn.

- Công tác kiểm tra, bảo trì và phòng cháy chữa cháy được thực hiện định kỳ.

c) Điểm tồn tại

Việc tổng hợp kết quả kiểm tra, xử lý các vấn đề về môi trường, sức khỏe và an toàn theo từng năm học cần được chuẩn hóa hơn để phục vụ theo dõi và cải tiến.

d) Kế hoạch hành động

Bảng kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Chuẩn hóa việc tổng hợp kết quả kiểm tra an toàn, môi trường và các trường hợp hỗ trợ đặc thù liên quan đến người học QLKT.	Khoa Kinh tế; đơn vị phụ trách cơ sở vật chất; đơn vị công tác người học	Hằng năm
Phát huy điểm mạnh	Tăng cường truyền thông về PCCC, an toàn thông tin, vệ sinh, sức khỏe và kỹ năng xử lý tình huống.	Các đơn vị chức năng; Khoa Kinh tế	Thường xuyên

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

7.7. Tiêu chí 7.7 Năng lực đội ngũ hỗ trợ về cơ sở vật chất và trang thiết bị được xác định và được đánh giá đáp ứng nhu cầu các bên liên quan

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường tổ chức các nhóm nhân sự hỗ trợ về cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ thông tin, thư viện và hành chính – quản trị tài sản theo chức năng, nhiệm vụ. Nhiệm vụ của từng nhóm được xác định trong hệ thống quy định về tổ chức, vị trí việc làm và phân công công việc.

Năng lực của đội ngũ hỗ trợ được xem xét theo yêu cầu của vị trí việc làm, trình độ chuyên môn, kỹ năng kỹ thuật, khả năng xử lý sự cố và năng lực phục vụ người sử dụng.

Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế, đội ngũ hỗ trợ trực tiếp bảo đảm vận hành phòng học, thiết bị trình chiếu, mạng, hệ thống quản lý học tập, thư viện và các công cụ số phục vụ đào tạo.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá định kỳ và phản hồi của giảng viên, học viên được sử dụng để xem xét chất lượng hỗ trợ, xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng hoặc điều chỉnh phân công. [H7.07.07.01]; [H7.07.07.02]; [H7.07.07.03]; [H7.07.07.04]; [H6.06.02.10]; [H7.07.07.05]; [H7.07.07.06]; [H7.07.07.07]

Bảng 7.5. Nhóm đội ngũ hỗ trợ và nội dung năng lực cần theo dõi

Nhóm nhân sự	Nội dung năng lực cần theo dõi
Cơ sở vật chất – hành chính	Quản lý phòng học, thiết bị, tài sản và phối hợp xử lý yêu cầu
Công nghệ thông tin	Vận hành mạng, máy tính, LMS và xử lý sự cố
Thư viện	Hỗ trợ khai thác học liệu, CSDL và dịch vụ thư viện
Hỗ trợ tại Khoa	Phối hợp điều phối phòng, thiết bị và tiếp nhận yêu cầu của người học

b) Điểm mạnh

- Các nhóm đội ngũ hỗ trợ được phân công theo chức năng và nhiệm vụ.

- Năng lực được gắn với vị trí việc làm và yêu cầu công việc.

c) Điểm tồn tại

- Chưa chuẩn hóa đầy đủ các chỉ số về thời gian phản hồi, mức độ hài lòng và chất lượng xử lý yêu cầu đối với từng nhóm dịch vụ hỗ trợ riêng cho CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế.

d) Kế hoạch hành động

Bảng kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Xây dựng bộ chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ cơ sở vật chất, CNTT và thư viện phục vụ CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế.	Các đơn vị chức năng; Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	2026–2027
Phát huy điểm mạnh	Rà soát khung năng lực và tổ chức bồi dưỡng kỹ năng hỗ trợ người học, công nghệ và xử lý sự cố.	Các đơn vị chức năng; Phòng Tổ chức nhân sự	Hằng năm

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

7.8. Tiêu chí 7.8 Chất lượng cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và cải tiến

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường thực hiện kiểm kê, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp và đánh giá việc sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị trên cơ sở tình trạng tài sản, nhu cầu sử dụng, kế hoạch đào tạo và phản hồi của người học, giảng viên.

Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế, việc đánh giá tập trung vào các nhóm nguồn lực trực tiếp ảnh hưởng đến chất lượng chương trình, gồm phòng học và không gian học tập, thiết bị giảng dạy, phòng máy, thư viện và học liệu, CNTT và nền tảng số, môi trường học tập và các điều kiện an toàn.

Các vấn đề phát hiện qua đánh giá được xem xét để đưa vào kế hoạch bảo trì, sửa chữa, bổ sung hoặc nâng cấp. Kết quả phản hồi của người học và giảng viên được sử dụng cùng với thông tin về tình trạng và mức độ sử dụng cơ sở vật chất để xác định nội dung ưu tiên cải tiến.

Trong giai đoạn tiếp theo, trọng tâm cải tiến là tăng cường học liệu số, hạ tầng CNTT, không gian học tập và khả năng khai thác các nguồn lực phục vụ nghiên cứu ứng dụng và Đề án tốt nghiệp. [H7.07.08.01]; [H7.07.08.02]; [H7.07.08.03]; [H7.07.08.04]; [H7.07.08.05]; [H7.07.08.06]; [H7.07.08.07]

b) Điểm mạnh

- Có hoạt động kiểm kê, bảo trì, sửa chữa và nâng cấp cơ sở vật chất theo kế hoạch.

- Định hướng phát triển cơ sở vật chất gắn với chuyển đổi số, học liệu số và trải nghiệm học tập.

c) Điểm tồn tại

Cần tăng cường các chỉ số định lượng về chất lượng và mức độ sử dụng cơ sở vật chất phục vụ riêng CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế; đồng thời ghi nhận rõ hơn kết quả trước và sau của các hoạt động cải tiến quan trọng.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Thiết lập bộ chỉ số chất lượng cơ sở vật chất phục vụ CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế và thực hiện khảo sát định kỳ.	Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; đơn vị quản lý cơ sở vật chất	Từ NH 2026–2027

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Phát huy điểm mạnh	Theo dõi vấn đề – hành động – kết quả theo chu kỳ PDCA và sử dụng kết quả để xây dựng kế hoạch đầu tư, sửa chữa tiếp theo.	Khoa Kinh tế; các đơn vị chức năng	Hằng năm

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

Kết luận Tiêu chuẩn 7

Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, học liệu, hạ tầng công nghệ thông tin và các điều kiện về môi trường, sức khỏe, an toàn của Nhà trường được tổ chức và quản lý nhằm phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hỗ trợ người học. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế, các nguồn lực được khai thác phù hợp với đặc thù đào tạo sau đại học theo định hướng ứng dụng, chú trọng hoạt động thảo luận, phân tích dữ liệu, nghiên cứu ứng dụng, học tập kết hợp và thực hiện Đề án tốt nghiệp.

Nhà trường duy trì cơ chế quản lý, vận hành, bảo trì, đánh giá và cải tiến cơ sở vật chất. Khoa Kinh tế phối hợp với các đơn vị chức năng trong việc xác định nhu cầu, bố trí nguồn lực và tiếp nhận phản hồi về mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất đối với CTĐT. Hệ thống thư viện, học liệu số, Internet, LMS và các nền tảng trực tuyến góp phần hỗ trợ người học, phù hợp với đặc điểm học viên vừa học vừa làm.

Trên cơ sở các nội dung đã mô tả và các minh chứng sử dụng, Tiêu chuẩn 7 gồm 08 tiêu chí, cả 08 tiêu chí được tự đánh giá: Đạt.

8. Tiêu chuẩn 8: đầu ra và kết quả đầu ra

Tiêu chuẩn 8 được thực hiện nhằm đánh giá kết quả đầu ra của người học CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế, bao gồm kết quả học tập và tốt nghiệp, việc làm sau tốt nghiệp, hoạt động nghiên cứu khoa học và sáng tạo, mức độ đạt chuẩn đầu ra và mức độ hài lòng của các bên liên quan. Nhà trường tổ chức quản lý và cung cấp dữ liệu; Khoa Kinh tế phối hợp theo dõi kết quả của người học CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế, phân tích thông tin và sử dụng kết quả để cải tiến chương trình đào tạo.

8.1. Tiêu chí 8.1: Tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường xác lập và quản lý dữ liệu về tuyển sinh, quá trình học tập, thôi học và tốt nghiệp của người học theo quy định đào tạo. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế, Khoa

Kinh tế phối hợp với Phòng Đào tạo theo dõi số lượng người học theo từng năm, số người học thôi học và số người học được công nhận tốt nghiệp. năm 2026 CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế có 07 người học trúng tuyển, không ghi nhận trường hợp thôi học và chưa có người học tốt nghiệp. Tỷ lệ thôi học của năm 2026 là 0%; tỷ lệ tốt nghiệp chưa xác định do khóa học chưa đến thời điểm tốt nghiệp. Dữ liệu được sử dụng để theo dõi tiến độ, hỗ trợ người học và rà soát kế hoạch đào tạo. [H8.08.01.01]; [H8.08.01.02]; [H8.08.01.03]

Bảng 8.1. Kết quả tuyển sinh, thôi học và tốt nghiệp của CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế

Năm	Số SV trúng tuyển	Số SV bỏ học*	Số SV tốt nghiệp	Tỷ lệ tốt nghiệp (%)
2021–2025	—	—	—	100%
2026	25	1 (2,5%)	0	—

b) Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống quản lý kết quả học tập và tốt nghiệp; Khoa Kinh tế phối hợp theo dõi riêng CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế.

c) Điểm tồn tại

Do CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế có thời gian gián đoạn tuyển sinh, mới tuyển sinh khóa hiện hành, chưa có dữ liệu tốt nghiệp để xác định thời gian tốt nghiệp trung bình và chưa có chuỗi dữ liệu theo nhiều khóa về nguyên nhân thôi học hoặc chậm tiến độ. Việc theo dõi các chỉ số này cần tiếp tục được chuẩn hóa khi khóa học phát sinh dữ liệu đầu ra.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Chuẩn hóa việc tổng hợp thời gian tốt nghiệp trung bình, nguyên nhân thôi học/chậm tiến độ theo từng khóa; sử dụng kết quả phân tích để điều chỉnh hoạt động cảnh báo sớm và hỗ trợ người học.	Phòng Đào tạo; Phòng Công tác sinh viên; Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và ĐBCL	Từ năm học 2026–2027
Phát huy điểm mạnh	Duy trì cập nhật định kỳ dữ liệu tuyển sinh, thôi học và tốt nghiệp; tiếp tục theo dõi tiến độ theo khóa để kịp thời hỗ trợ người học và cải tiến công tác đào tạo.	Phòng Đào tạo; Phòng Công tác sinh viên; Khoa Kinh tế	Hằng năm

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

8.2. Tiêu chí 8.2: Tỷ lệ việc làm bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học tập nâng cao trình độ của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường và Khoa Kinh tế thực hiện khảo sát kết quả sau tốt nghiệp để theo dõi tình trạng việc làm của người học CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế. Dữ liệu hiện có cho thấy tỷ lệ có việc làm đạt 100% trong các năm 2022 và 2023; tỷ lệ việc làm đúng chuyên ngành hoặc ngành gần cũng đạt 100%. Thu nhập bình quân của người học được khảo sát ở mức trên 10 triệu đồng/tháng trong cả hai năm. Bên cạnh việc duy trì việc làm, người học tốt nghiệp có sự thăng tiến trong công việc và được cải thiện về vị trí, chế độ hoặc thu nhập phù hợp với quá trình phát triển nghề nghiệp. Kết quả này cho thấy CTĐT có khả năng đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và là cơ sở để tiếp tục rà soát nội dung đào tạo, hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp và kết nối với các tổ chức, doanh nghiệp. [H8.08.02.01]; [H8.08.02.02]; [H8.08.02.03]

Bảng 8.2. Kết quả việc làm của người học tốt nghiệp CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế

Năm tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm (%)	Việc làm đúng ngành/ngành gần (%)	Thu nhập bình quân	Ghi chú
2022	100	100	Trên 10 triệu đồng/tháng	Có sự thăng tiến; vị trí, chế độ hoặc thu nhập được cải thiện
2023	100	100	Trên 10 triệu đồng/tháng	Có sự thăng tiến; vị trí, chế độ hoặc thu nhập được cải thiện
2024	100	100	Trên 10 triệu đồng/tháng	Có sự thăng tiến; vị trí, chế độ hoặc thu nhập được cải thiện

b) Điểm mạnh

Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ có việc làm và mức độ phù hợp của việc làm với chuyên ngành/ngành gần của người học CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế đạt 100% trong các năm có dữ liệu; thu nhập bình quân trên 10 triệu đồng/tháng. Người học sau tốt nghiệp có sự thăng tiến trong công việc và cải thiện về vị trí, chế độ, cho thấy kết quả đào tạo có tác động tích cực đến phát triển nghề nghiệp.

c) Điểm tồn tại

Việc theo dõi kết quả sau tốt nghiệp đã cung cấp thông tin tích cực về việc làm, mức độ phù hợp với chuyên môn và thu nhập; tuy nhiên, việc phân tích sâu về mức độ thăng tiến, thay đổi vị trí công việc, cải thiện chế độ và tác động của CTĐT theo từng khóa chưa được chuẩn hóa thành chuỗi dữ liệu thống nhất.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Chuẩn hóa phân tích kết quả việc làm theo từng khóa và nhóm người học; theo dõi mức độ phù hợp với ngành đào tạo, sự thăng tiến, thay đổi vị trí công việc, chế độ và thu nhập; sử dụng kết quả để đối sánh và cải tiến CTĐT.	Khoa Kinh tế; Phòng Công tác sinh viên; đơn vị phụ trách khảo sát cựu người học	Từ năm học 2026–2027
Phát huy điểm mạnh	Duy trì khảo sát việc làm sau tốt nghiệp; tiếp tục sử dụng tỷ lệ có việc làm, mức độ phù hợp, thu nhập và thông tin về phát triển nghề nghiệp để theo dõi kết quả đầu ra và cải tiến CTĐT.	Khoa Kinh tế; Phòng Công tác sinh viên	Hằng năm

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

8.3. Tiêu chí 8.3: Hoạt động nghiên cứu khoa học và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của người học, giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về khoa học – công nghệ, hoạt động nghiên cứu và công nhận sản phẩm khoa học. Khoa Kinh tế duy trì hoạt động nghiên cứu khoa học, công bố học thuật, hội thảo và xuất bản sách chuyên khảo, giáo trình. Số liệu giai đoạn 2021–2026 ghi nhận 14 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, 52 bài công bố tạp chí, 28 bài công bố hội thảo và 13 đầu sách chuyên khảo, giáo trình, tổng cộng 107 sản phẩm nghiên cứu và công bố. Kết quả này tạo môi trường học thuật và nguồn lực chuyên môn hỗ trợ CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế; đồng thời là căn cứ để Khoa tiếp tục tăng cường gắn nghiên cứu với đào tạo, Đề án tốt nghiệp và tạo cơ hội để người học tham gia hoạt động học thuật. [H8.08.03.01]; [H8.08.03.02]; [H8.08.03.03]; [H8.08.03.04]

Bảng 8.3. Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học và công bố học thuật của Khoa Kinh tế giai đoạn 2021–2026

Năm	Đề tài NCKH các cấp	Bài tạp chí	Bài hội thảo	Sách chuyên khảo/giáo trình	Tổng sản phẩm
2021	1	3	1	1	6
2022	2	5	6	1	14
2023	3	13	1	2	19
2024	5	13	5	6	29
2025	3	8	11	2	24
2026	0	10	4	1	15
Tổng 2021–2026	14	52	28	13	107

b) Điểm mạnh

Nhà trường có cơ chế quản lý và khuyến khích hoạt động khoa học – công nghệ; Khoa Kinh tế duy trì hoạt động nghiên cứu và công bố liên tục trong giai đoạn 2021–2026.

c) Điểm tồn tại

Dữ liệu nghiên cứu khoa học hiện có của Khoa Kinh tế chủ yếu phản ánh kết quả hoạt động của đội ngũ; việc tổng hợp riêng mức độ tham gia của người học CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế và mối liên hệ giữa sản phẩm nghiên cứu với học phần, nghiên cứu ứng dụng và Đề án tốt nghiệp cần tiếp tục được chuẩn hóa.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Chuẩn hóa dữ liệu về sự tham gia của người học CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế trong nghiên cứu khoa học, sản phẩm sáng tạo; tăng cường liên kết kết quả nghiên cứu với học phần, nghiên cứu ứng dụng và Đề án tốt nghiệp để phục vụ cải tiến.	Khoa Kinh tế; Phòng Quản lý khoa học; giảng viên phụ trách hoạt động nghiên cứu	Từ năm học 2026–2027
Phát huy điểm mạnh	Duy trì môi trường nghiên cứu, công bố và hội thảo của Khoa Kinh tế; tiếp tục khuyến khích giảng viên và người học tham gia nghiên cứu, tạo sản phẩm học thuật và sáng tạo.	Khoa Kinh tế; Phòng Quản lý khoa học	Hằng năm

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

8.4. Tiêu chí 8.4: Dữ liệu về mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác lập và giám sát để cải tiến chất lượng.

a) Mô tả hiện trạng

CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế xác định 08 chuẩn đầu ra chương trình (PLO), được

xây dựng theo định hướng đào tạo trình độ thạc sĩ và được đối sánh với Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc 7. Báo cáo phân tích mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra ngày 28/8/2025 cho thấy các nhóm năng lực về kiến thức chuyên sâu, kỹ năng giải quyết vấn đề phức tạp và ra quyết định, tự chủ và trách nhiệm, nghiên cứu và tư duy chiến lược của CTĐT hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của bậc 7. Việc phân tích chuẩn đầu ra được thực hiện trên cơ sở đối sánh với Khung trình độ quốc gia, phân tích nội dung chuẩn đầu ra theo cấu trúc năng lực, kết quả khảo sát các bên liên quan và mức độ tương thích với hệ thống đào tạo của Khoa.

Báo cáo phân tích cũng sử dụng kết quả khảo sát học viên giai đoạn 2023–2024 làm một nguồn thông tin để xem xét mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra. Kết quả cho thấy các nhóm kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, thái độ và nghiên cứu – tư duy chiến lược được đánh giá tích cực; đồng thời nhận diện kỹ năng mềm, đặc biệt kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm trong môi trường phức tạp, là nội dung cần tiếp tục tăng cường. Kết quả phân tích này được sử dụng làm cơ sở tham khảo cho việc hoàn thiện nội dung và phương pháp đào tạo.

Do quá trình đào tạo thạc sĩ có thời gian gián đoạn và tại thời điểm lập báo cáo năm 2025 chưa có đủ dữ liệu của các khóa thạc sĩ tốt nghiệp, chưa hình thành được chuỗi dữ liệu đầy đủ theo khóa học để đối sánh mức độ đạt PLO tại thời điểm tốt nghiệp. Khi CTĐT được triển khai ổn định, Nhà trường và Khoa Kinh tế tiếp tục xác lập, tổng hợp và giám sát dữ liệu đo lường PLO theo học phần, theo khóa học và tại thời điểm tốt nghiệp, làm cơ sở nhận diện xu hướng và cải tiến CTĐT. [H1.01.01.05]; [H8.08.04.01]; [H8.08.04.02]; [H8.08.04.03]; [H8.08.04.04]

b) Điểm mạnh

CTĐT đã xác lập hệ thống 08 PLO phù hợp với trình độ thạc sĩ và có cơ sở đối sánh với Khung trình độ quốc gia bậc 7. Báo cáo phân tích năm 2025 đã sử dụng nhiều nguồn thông tin để xem xét mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra và nhận diện những năng lực cần tiếp tục tăng cường, đặc biệt là kỹ năng mềm, nghiên cứu và tư duy chiến lược.

c) Điểm tồn tại

Dữ liệu đo lường trực tiếp mức độ người học đạt từng chuẩn đầu ra tại thời điểm tốt nghiệp và dữ liệu đối sánh theo khóa học chưa được hình thành đầy đủ do quá trình đào tạo thạc sĩ có thời gian gián đoạn và chưa có đủ dữ liệu tốt nghiệp theo chuỗi thời gian.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Chuẩn hóa việc tổng hợp và phân tích kết quả đo 08 PLO và các PPC theo từng khóa và từng chu kỳ; theo dõi mức độ cải thiện để làm căn cứ điều chỉnh hoạt động dạy học và đánh giá.	Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và ĐBCL; Phòng Đào tạo	Từ năm học 2026–2027
Phát huy điểm mạnh	Duy trì chu trình đo lường PLO/PPC gắn với CĐR học phần và hoạt động đánh giá; sử dụng kết quả đo lường làm cơ sở theo dõi và cải tiến CTĐT.	Khoa Kinh tế; Phòng Khảo thí và ĐBCL	Theo chu kỳ đo lường CĐR

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

8.5. Tiêu chí 8.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường có cơ chế thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan thông qua khảo sát, đối thoại và các hoạt động lấy ý kiến trực tiếp. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế, kết quả khảo sát các bên liên quan được sử dụng cùng với các nguồn thông tin khác để xem xét mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra và định hướng cải tiến chương trình.

Báo cáo phân tích mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra ngày 28/8/2025 đã sử dụng kết quả khảo sát học viên giai đoạn 2023–2024 làm một nguồn thông tin để đánh giá sự phù hợp của chương trình. Kết quả phản hồi cho thấy người học đánh giá tích cực về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, thái độ và nghiên cứu – tư duy chiến lược; đồng thời chỉ ra nhu cầu tiếp tục tăng cường kỹ năng mềm, đặc biệt là kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm trong môi trường phức tạp. Những thông tin này được xem xét trong quá trình rà soát và hoàn thiện CTĐT.

Tuy nhiên, do quá trình tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ có thời gian gián đoạn, số lượng người học chưa ổn định nên việc thu thập ý kiến về mức độ hài lòng đối với CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên theo từng học kỳ, năm học hoặc khóa học. Vì vậy, chưa hình thành được chuỗi dữ liệu liên tục về mức độ hài lòng của các nhóm bên liên quan để thực hiện đối sánh theo thời gian. Nhà trường và Khoa Kinh tế xác định đây là nội dung cần tiếp tục hoàn thiện khi CTĐT được triển khai ổn định.

Trong thời gian tới, việc khảo sát mức độ hài lòng của người học và các bên liên quan sẽ được thực hiện theo định kỳ phù hợp với đặc thù và quy mô của CTĐT; kết quả được

tổng hợp, phân tích và sử dụng để nhận diện những nội dung cần cải tiến về chương trình, phương pháp giảng dạy, hoạt động hỗ trợ và mức độ gắn kết với thực tiễn. [H8.08.04.01]; [H8.08.05.01]; [H8.08.05.02]

b) Điểm mạnh

Nhà trường đã hình thành cơ chế thu thập và sử dụng ý kiến các bên liên quan trong quá trình rà soát CTĐT. Kết quả phân tích năm 2025 đã cung cấp thông tin về mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra và nhận diện một số nội dung cần tiếp tục tăng cường trong đào tạo.

c) Điểm tồn tại

Do quá trình tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ có thời gian gián đoạn, việc thu thập ý kiến về mức độ hài lòng chưa được thực hiện thường xuyên, chưa hình thành đầy đủ dữ liệu theo chuỗi thời gian và chưa có điều kiện thực hiện đối sánh định kỳ giữa các khóa học.

d) Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung hành động	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Thời gian
Cải tiến điểm tồn tại	Tổ chức khảo sát mức độ hài lòng của người học và các bên liên quan theo định kỳ phù hợp với quy mô và đặc thù CTĐT; từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu theo khóa học, phân tích kết quả và sử dụng kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng.	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; Khoa Kinh tế; Phòng Đào tạo	Từ năm học 2026–2027 và thực hiện định kỳ
Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục sử dụng ý kiến của các bên liên quan cùng với kết quả phân tích chuẩn đầu ra làm cơ sở rà soát nội dung, phương pháp giảng dạy và hoạt động hỗ trợ người học.	Khoa Kinh tế; Hội đồng CTĐT	Hằng năm và theo chu kỳ rà soát CTĐT

đ) Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Tiêu chuẩn 8 của CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế được thực hiện theo hướng xác lập chỉ số, thu thập dữ liệu, giám sát, phân tích và sử dụng kết quả cho cải tiến. Nhà trường và Khoa Kinh tế đã có cơ sở dữ liệu về tuyển sinh, thôi học, tốt nghiệp, việc làm, hoạt động nghiên cứu khoa học và hệ thống chuẩn đầu ra; đồng thời sử dụng kết quả phân tích và phản hồi của các bên liên quan để rà soát, hoàn thiện chương trình.

CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế đã xác lập cơ chế theo dõi kết quả đầu ra và chuẩn đầu ra. Đối với dữ liệu đạt PLO và mức độ hài lòng của các bên liên quan, do quá trình đào tạo thạc sĩ có thời gian gián đoạn, dữ liệu theo chuỗi thời gian chưa đầy đủ; Nhà trường và Khoa Kinh tế xác định đây là nội dung cần tiếp tục hoàn thiện khi CTĐT được triển khai ổn định.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 8: Đạt.

Phần III. KẾT LUẬN

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT (tổng hợp theo từng tiêu chuẩn).

Tiêu chuẩn 1 – Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế được xác định theo định hướng ứng dụng, phù hợp với yêu cầu đào tạo trình độ thạc sĩ và định hướng phát triển của Nhà trường. Hệ thống chuẩn đầu ra gồm 08 PLO, được xây dựng theo yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc 7 và có sự liên kết với chuẩn đầu ra học phần. Việc rà soát, cập nhật CTĐT qua các giai đoạn và đặc biệt trong năm 2026 đã tăng cường định hướng ứng dụng, năng lực phân tích, giải quyết vấn đề, nghiên cứu và tư duy chiến lược, chuyển đổi số và phát triển bền vững. Đây là những nội dung cần tiếp tục phát huy trong các chu kỳ rà soát tiếp theo.

Tiêu chuẩn 2 – Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo: CTĐT có cấu trúc rõ ràng với 60 tín chỉ, gồm 51 tín chỉ bắt buộc và 09 tín chỉ tự chọn, 27 học phần; các khối kiến thức được tổ chức theo lộ trình phù hợp với trình độ thạc sĩ. CTĐT có 12 tín chỉ thực tập thực tế và tốt nghiệp, trong đó Đề án tốt nghiệp chiếm 09 tín chỉ, tạo điều kiện để người học vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Sự liên kết giữa các nhóm học phần với chuẩn đầu ra, cùng tính linh hoạt của các học phần tự chọn, là những điểm cần tiếp tục phát huy.

Tiêu chuẩn 3 – Hoạt động dạy và học: Hoạt động dạy và học được tổ chức theo định hướng ứng dụng, gắn với triết lý giáo dục và chuẩn đầu ra của chương trình. Các phương pháp dạy học chú trọng phát huy tính chủ động, tự học, tự nghiên cứu và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn thông qua thảo luận, phân tích tình huống, xử lý dữ liệu, giải quyết vấn đề, nghiên cứu ứng dụng và Đề án tốt nghiệp. Việc kết hợp đào tạo trực tiếp và trực tuyến, ứng dụng công nghệ số, cùng việc cập nhật nội dung về kinh tế số, chuyển đổi số và phát triển bền vững, là những điểm cần tiếp tục phát huy.

Tiêu chuẩn 4 – Đánh giá kết quả học tập của người học: Nhà trường và Khoa Kinh tế đã hình thành hệ thống quy định, quy trình về kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập. CTĐT sử dụng đa dạng phương pháp và công cụ đánh giá, từng bước gắn đánh giá học phần với chuẩn đầu ra, chú trọng đánh giá khả năng vận dụng kiến thức và giải quyết vấn đề. Việc tăng cường đo lường chuẩn đầu ra, phản hồi kịp thời và sử dụng kết quả đánh giá

cho cải tiến là nền tảng cần tiếp tục phát huy.

Tiêu chuẩn 5 – Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên: Đội ngũ tham gia CTĐT được quản lý, phân công và phát triển trên cơ sở trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu của từng học phần. Nhà trường có các quy định về tuyển dụng, phân công, đánh giá, đào tạo – bồi dưỡng và phát triển đội ngũ; việc tổ chức thực hiện được gắn với yêu cầu của CTĐT và đặc thù đào tạo thạc sĩ. Đây là điểm mạnh cần tiếp tục phát huy, nhất là trong phát triển đội ngũ theo định hướng ứng dụng, phân tích dữ liệu, chuyển đổi số và nghiên cứu khoa học.

Tiêu chuẩn 6 – Các dịch vụ hỗ trợ người học: Các dịch vụ hỗ trợ được triển khai thông qua sự phối hợp giữa các đơn vị chức năng và Khoa Kinh tế, bao gồm tuyển sinh, nhập học, tư vấn học tập, quản lý tiến độ, thư viện và học liệu số, hỗ trợ nghiên cứu, Đề án tốt nghiệp, hướng nghiệp và kết nối với thực tiễn. Hình thức hỗ trợ trực tiếp kết hợp trực tuyến phù hợp với đặc điểm người học vừa học vừa làm. Cơ chế tiếp nhận phản hồi và hỗ trợ người học được duy trì, tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong quá trình học tập và phát triển nghề nghiệp.

Tiêu chuẩn 7 – Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và học liệu: Nhà trường có hệ thống phòng học, phòng máy tính, thư viện, thư viện số, học liệu, hạ tầng công nghệ thông tin và các không gian hỗ trợ phục vụ hoạt động đào tạo. Đối với CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế, các nguồn lực được khai thác cho thảo luận, phân tích dữ liệu, nghiên cứu ứng dụng, học tập trực tuyến và thực hiện Đề án tốt nghiệp. Việc duy trì hạ tầng số, phát triển học liệu và bảo đảm điều kiện phục vụ nghiên cứu là những nội dung cần tiếp tục phát huy.

Tiêu chuẩn 8 – Đầu ra và kết quả đạt được: CTĐT đã xác lập cơ chế theo dõi các kết quả liên quan đến tuyển sinh, thôi học, tốt nghiệp, việc làm, nghiên cứu khoa học và chuẩn đầu ra. Dữ liệu hiện có cho thấy người học sau tốt nghiệp có việc làm và có sự phát triển về vị trí, thu nhập và điều kiện nghề nghiệp; hoạt động nghiên cứu khoa học của Khoa được duy trì.

Nhìn chung, điểm mạnh nổi bật của CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế là sự phù hợp giữa định hướng ứng dụng, chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình, hoạt động dạy và học, đánh giá, đội ngũ, dịch vụ hỗ trợ, cơ sở vật chất và kết quả đầu ra; đồng thời CTĐT đã xác định được các nội dung cần tiếp tục hoàn thiện trong các chu kỳ cải tiến.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT (tổng hợp theo từng tiêu chuẩn).

Tiêu chuẩn 1: Cần tiếp tục hoàn thiện việc thu thập, tổng hợp và phân tích ý kiến các bên liên quan; chuẩn hóa dữ liệu đo lường chuẩn đầu ra theo học phần, theo khóa và tại thời điểm tốt nghiệp. Đặc biệt, cần hình thành chuỗi dữ liệu trực tiếp về mức độ đạt từng PLO khi người học tốt nghiệp để phục vụ phân tích xu hướng và cải tiến CTĐT.

Tiêu chuẩn 2: Cần tiếp tục theo dõi và lượng hóa tác động của các điều chỉnh CTĐT sau mỗi chu kỳ rà soát, đặc biệt đối với mức độ đáp ứng nhu cầu thực tiễn và thị trường lao động; đồng thời tăng cường sử dụng dữ liệu về lựa chọn học phần, tiến độ học tập và kết quả học tập để đánh giá hiệu quả của cấu trúc chương trình.

Tiêu chuẩn 3: Cần tiếp tục chuẩn hóa việc theo dõi mức độ tham gia học tập chủ động, tự học, tự nghiên cứu, khai thác học liệu số và tương tác trực tuyến; đồng thời hệ thống hóa kết quả của các hoạt động đổi mới phương pháp, nghiên cứu ứng dụng và vận dụng kiến thức thực tiễn để có cơ sở đánh giá hiệu quả và nhân rộng.

Tiêu chuẩn 4: Cần tiếp tục chuẩn hóa dữ liệu đánh giá kết quả học tập và đo lường chuẩn đầu ra; tăng cường phân tích và sử dụng kết quả đánh giá cho cải tiến học phần, phương pháp dạy học và CTĐT; đồng thời hoàn thiện việc theo dõi mức độ phù hợp giữa công cụ đánh giá với các PLO, đặc biệt đối với năng lực giải quyết vấn đề và nghiên cứu ứng dụng.

Tiêu chuẩn 5: Cần tiếp tục chuẩn hóa dữ liệu đội ngũ và bảng đối chiếu giữa giảng viên – học phần – chuyên môn – kinh nghiệm; tăng cường theo dõi hiệu quả sau đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng kết quả đánh giá đội ngũ để xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của CTĐT.

Tiêu chuẩn 6: Cần tiếp tục chuẩn hóa dữ liệu sử dụng dịch vụ hỗ trợ, mức độ hài lòng và kết quả sau hỗ trợ; tăng cường theo dõi các trường hợp cần hỗ trợ về tiến độ học tập, nghiên cứu, Đề án tốt nghiệp và hướng nghiệp để đánh giá hiệu quả của các dịch vụ đối với người học.

Tiêu chuẩn 7: Cần chuẩn hóa dữ liệu về cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm và học liệu theo CTĐT; tăng cường lượng hóa mức độ sử dụng các nguồn lực và đánh giá tác động của các hoạt động đầu tư, bảo trì, cải tiến đối với hoạt động học tập, nghiên cứu và Đề án

tốt nghiệp.

Tiêu chuẩn 8: Do quá trình đào tạo thạc sĩ có thời gian gián đoạn, dữ liệu theo chuỗi thời gian về tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp, kết quả đạt PLO và mức độ hài lòng của các bên liên quan chưa đầy đủ. Cần tiếp tục chuẩn hóa dữ liệu theo từng khóa, tăng cường phân tích xu hướng và đối sánh; đồng thời theo dõi rõ hơn sự tham gia của người học trong nghiên cứu khoa học và hình thành dữ liệu trực tiếp về kết quả đầu ra khi CTĐT được triển khai ổn định.

Như vậy, các điểm tồn tại chủ yếu tập trung vào việc hoàn thiện chất lượng dữ liệu, tăng chiều sâu phân tích, chuẩn hóa việc theo dõi kết quả và nâng cao hiệu quả sử dụng thông tin trong vòng cải tiến; các nội dung này không làm thay đổi kết quả tự đánh giá các tiêu chí theo hồ sơ hiện có.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT (tổng hợp theo từng tiêu chuẩn).

Tiêu chuẩn	Kế hoạch cải tiến chất lượng trọng tâm
Tiêu chuẩn 1	Hoàn thiện khảo sát các bên liên quan; chuẩn hóa dữ liệu đo lường PLO/PPC theo học phần, theo khóa và tại thời điểm tốt nghiệp; tiếp tục sử dụng kết quả đo chuẩn đầu ra và phản hồi để cải tiến CTĐT.
Tiêu chuẩn 2	Theo dõi tác động của các điều chỉnh CTĐT; chuẩn hóa việc phân tích lựa chọn học phần, tiến độ học tập và kết quả học tập; tiếp tục cập nhật nội dung theo yêu cầu thực tiễn, thị trường lao động, chuyển đổi số và phát triển bền vững.
Tiêu chuẩn 3	Rà soát sự thống nhất giữa phương pháp dạy học được thiết kế và triển khai; tăng cường học tập chủ động, tự nghiên cứu, phân tích tình huống, xử lý dữ liệu và nghiên cứu ứng dụng; chuẩn hóa việc theo dõi kết quả và nhân rộng các phương pháp hiệu quả.
Tiêu chuẩn 4	Chuẩn hóa dữ liệu đánh giá kết quả học tập và đo lường PLO; tăng cường phân tích kết quả đánh giá, phản hồi kịp thời và sử dụng dữ liệu cho cải tiến học phần, phương pháp dạy học và CTĐT.
Tiêu chuẩn 5	Chuẩn hóa dữ liệu đội ngũ; duy trì bảng đối chiếu giảng viên – học phần – chuyên môn – kinh nghiệm; sử dụng kết quả đánh giá và kết quả sau bồi dưỡng để điều chỉnh phân công, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ.
Tiêu chuẩn 6	Chuẩn hóa dữ liệu về dịch vụ hỗ trợ; tăng cường khảo sát mức độ hài lòng, theo dõi kết quả sau hỗ trợ và các trường hợp cần hỗ trợ; tiếp tục cải tiến tư vấn học tập, nghiên cứu, Đề án tốt nghiệp và hướng nghiệp.
Tiêu chuẩn 7	Chuẩn hóa dữ liệu cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm và học liệu theo CTĐT; tăng cường học liệu số, nguồn tài nguyên học thuật và đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực phục vụ đào tạo, nghiên cứu và Đề án tốt nghiệp.
Tiêu chuẩn 8	Chuẩn hóa dữ liệu về tuyển sinh, thôi học, tốt nghiệp, việc làm, NCKH, PLO và phản hồi các bên liên quan; tăng cường phân tích theo khóa và đối sánh; sử dụng kết quả đầu ra và đo chuẩn đầu ra làm căn cứ cải tiến CTĐT khi dữ liệu được hình thành đầy đủ.

4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT

TT	Tiêu chuẩn	Số tiêu chí	Số tiêu chí đạt	Kết quả
1	Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	6	6	Đạt
2	Tiêu chuẩn 2. Cấu trúc và nội dung CTĐT	7	7	Đạt
3	Tiêu chuẩn 3. Hoạt động dạy và học	5	5	Đạt
4	Tiêu chuẩn 4. Đánh giá kết quả học tập của người học	7	7	Đạt
5	Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	8	8	Đạt
6	Tiêu chuẩn 6. Các dịch vụ hỗ trợ người học	6	6	Đạt
7	Tiêu chuẩn 7. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và học liệu	8	8	Đạt
8	Tiêu chuẩn 8. Đầu ra và kết quả đạt được	5	5	Đạt
	Tổng cộng 08 tiêu chuẩn	52	52	Đạt

Kết quả tự đánh giá cho thấy 08/08 tiêu chuẩn và 52/52 tiêu chí của CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế được tự đánh giá ở mức Đạt. CTĐT có nền tảng về mục tiêu và chuẩn đầu ra, cấu trúc và nội dung chương trình, hoạt động dạy và học, đánh giá kết quả học tập, đội ngũ, dịch vụ hỗ trợ, cơ sở vật chất – học liệu và theo dõi kết quả đầu ra. Đồng thời, CTĐT đã xác định được các nội dung cần tiếp tục cải tiến và xây dựng kế hoạch hành động tương ứng cho từng tiêu chuẩn.

Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế được xác định đạt yêu cầu theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT, đồng thời tiếp tục triển khai các kế hoạch cải tiến nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo trong các chu kỳ tiếp theo.

Hưng Yên, ngày 12 tháng 9 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

TS. Trần Ái Cầm

Phần IV. PHỤ LỤC

1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT: Cung cấp các thông tin tổng quát về đơn vị thực hiện CTĐT và CTĐT.

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/09/2026

1.1. Thông tin chung về CSGD

1. Tên CSGD (theo quyết định thành lập):

Tiếng Việt: Trường Đại học Intracom

Tiếng Anh: INTRACOM UNIVERSITY

2. Tên viết tắt của CSGD:

Tiếng Việt: ĐHI

Tiếng Anh: INU

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Chu Văn An

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ:

- Cơ sở 1: Khu Đại học phố Hiến, đường Tô Hiệu, Tp Hưng Yên

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 1900638882.

E-mail: info@Intracom Group .edu.vn Website: https://intracomuni.edu.vn/

7. Năm thành lập (theo quyết định thành lập): 2006 (Theo Quyết định số 135/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 06 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)

8. Thời gian bắt đầu ĐT khóa I: tháng 10/2006

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: Tháng 10 năm 2010

10. Loại hình CSGD:

Công lập ☐ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☑

1.2. Thông tin chung về CTĐT

1.2.1. Thông tin chung về Khoa Kinh tế

- Tên Khoa thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

+ Tiếng Việt: Khoa Kinh tế

+ Tiếng Anh: Faculty of Economics

- Địa chỉ của Khoa thực hiện CTĐT: Khu đô thị đại học Phố Hiến, Phố Hiến, Hưng Yên

- Số điện thoại liên hệ: 0868625959; Email: ……

- Website: https://intracomuni.edu.vn/khoa-vien/khoa-kinh-te/

- Năm thành lập Khoa (theo Quyết định thành lập): được thành lập theo Quyết định số **2006**, được thành lập theo **Quyết định số 74/QĐ-ĐH CVA-HCTH ngày 16/10/2006 của Hiệu trưởng Trường Đại học Chu Văn An**.

1.2.2. Thông tin chung Ngành ThS Quản lý Kinh tế

- Tên ngành:

+ Tiếng Việt: Quản lý Kinh tế

+ Tiếng Anh: Master of Economic Management

- Mã CTĐT: 8340101

- Thời gian bắt đầu đào tạo khóa đầu tiên của CTĐT: 2015

- Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa đầu tiên của CTĐT: 2017

1.3. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện CTĐT

- Đội ngũ nhân sự: Tính đến 9/2026, tổng số nhân sự của Khoa là 50 nhân sự, trong đó:

+ Giảng viên cơ hữu: 40 giảng viên CH, gồm 10 GV kiêm nhiệm

+ Trợ lý Khoa: 01 trợ lý khoa

1.4. Cán bộ quản lý, giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT (tính đến 09/2026)

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
1.	Đội ngũ hợp đồng dài hạn	30	20	50
2.	Đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (Dưới 01 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng)	30	51	81
	Tổng số	60	71	131

1.5. Thống kê, phân loại giảng viên

STT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	GV thỉnh giảng
1	Giáo sư, Viện sĩ	2	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	13	1	4	0	8
3	Tiến sĩ	62	1	22	1	38
4	Trình độ khác	0	0	0	0	0
	Tổng số	77	3	27	1	46

Trong đó:

- Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 100%

- Tỷ lệ GV cơ hữu có học hàm PGS trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 17,24%

1.6. Thống kê số lượng sinh viên ngành Thạc sĩ Quản lý Kinh tế giai đoạn 2020-2025

Chỉ tiêu	2022	2023	2024	2025	2026
Quy mô học viên đang học (người)	52	28	0	0	17
Số học viên nhập học trong năm (người)	0	0	0	0	18

1.7. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

Chỉ tiêu	Năm học				
	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ % trên tổng số SV					

1.8. Số lượng NH của CTĐT tốt nghiệp qua các năm

Chỉ tiêu	Năm học				
	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
Số lượng (người)		24	28		
Tỷ lệ % trên tổng số SV khóa cuối		53,8%	100%		

1.9. Tỷ lệ việc làm sau khi tốt nghiệp của SV trong 5 năm

Năm	Tỷ lệ SV có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp	Tỷ lệ làm việc đúng chuyên ngành và ngành gần	Thu nhập bình quân hàng tháng của SV (triệu đồng)
2021	-	-	-
2022	100	100	Trên 10 triệu
2023	100	100	Trên 10 triệu
2024	100	100	Trên 10 triệu
2025	-	-	-

1.10. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây

STT	Phân loại sách	Năm học				
		2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
1	Sách chuyên khảo	1	1	2	1	
2	Sách tham khảo			1		
3	Sách giáo trình			2	1	
4	Sách hướng dẫn					
Tổng		1	1	5	2	

1.11. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong giai đoạn 2021-2026

Số lượng sách	Phân loại sách			
	Sách chuyên khảo	Sách tham khảo	Sách giáo trình	Sách hướng dẫn
Từ 1-2 quyển	1	1	1	
Từ 3-4 quyển	2			
Trên 4 quyển				
Tổng số cán bộ tham gia	3	1	1	

1.12. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây

Năm	Số lượng đề tài				
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ	Đề tài cấp tỉnh	Đề tài cấp trường	Ghi chú
2021-2022		1			
2022-2023				1	
2023-2024				1	
2024-2025		1		1	
2025-2026					
Tổng		2		3	

2. Các tư liệu, tài liệu liên quan

2.1. Kế hoạch tự đánh giá

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
QUẢN LÝ KINH TẾ TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
Giai đoạn đánh giá 03/9/2021 – 01/8/2026
(kèm theo Quyết định số 63/QĐ-ĐHI ngày 02/3/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom)

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) và để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD).

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ KĐCLGD, giai đoạn đánh giá: từ 2021 đến 2026.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá (TĐG) là Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số: 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ được thành lập theo Quyết định số 63/QĐ-ĐHI ngày 02/3/2026 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ, Hội đồng gồm có 21 thành viên *(Danh sách kèm theo)*.

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách *(Danh sách kèm theo)*

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ là Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách *(Danh sách kèm theo tại Quyết định số 63/QĐ-ĐHI ngày 02/3/2026)*.

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Nhóm thư ký:

b) Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện công tác tự đánh giá CTĐT bao gồm: thu thập thông tin minh chứng, tổng hợp cơ sở dữ liệu, viết báo cáo tự đánh giá

STT	Tiêu chuẩn	Thực hiện các công việc do Hội đồng TĐG phân công Nhóm công tác/cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT Tiêu chuẩn 2: Cấu trúc và nội dung CTĐT	Nhóm 1	Từ tháng 3 đến tháng 7/2026	Phiếu thu thập, phân tích và xử lý thông tin minh chứng
2	Tiêu chuẩn 3: Hoạt động dạy và học Tiêu chuẩn 4: Đánh giá kết quả học tập	Nhóm 2	Từ tháng 3 đến tháng 7/2026	
3	Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	Nhóm 3	Từ tháng 3 đến tháng 7/2026	
4	Tiêu chuẩn 6: Các dịch vụ hỗ trợ người học	Nhóm 4	Từ tháng 3 đến tháng 7/2026	
5	Tiêu chuẩn 7: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị	Nhóm 5	Từ tháng 3 đến tháng 7/2026	
6	Tiêu chuẩn 8: Đầu ra và kết quả đầu ra	Nhóm 6	Từ tháng 3 đến tháng 7/2026	
7	Phần I: Khái quát	Nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6	Từ tháng 3 đến tháng 7/2026	Đặt vấn đề và tổng quan chung
8	Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí	Nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6	Từ tháng 3 đến tháng 7/2026	Mô tả; Điểm mạnh; Điểm tồn tại và Kế hoạch hành động
9	Rà soát và viết báo cáo	Nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6	Từ tháng 3 đến tháng 7/2026	Phiếu tự đánh giá tiêu chí
10	Phần III: Kết luận	Nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6	Từ tháng 5 đến	- Tóm tắt những

			tháng 7/2026	điểm mạnh và những điểm cần phát huy. - Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng. - Kế hoạch cải tiến chất lượng của CTĐT. Tổng hợp Kết quả TĐG CTĐT.
11	Phần IV: Phụ lục	Nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6	Từ tháng 6 đến tháng 7/2026	- Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT. - Các tài liệu liên quan: + Quyết định thành lập HĐ TĐG, Ban thư ký, Nhóm CTCT, Kế hoạch TĐG, bảng biểu, tổng hợp thống kê, ... + Danh mục MC.
12	Tổng hợp thành Báo cáo tự đánh giá hoàn chỉnh	Ban thư ký	Tháng 6- 8/2026	
13	Cập nhật thông tin minh chứng lên cổng thông tin minh chứng Trường đại học Intracom	Ban thư ký	Tháng 6- 8/2026	

V. TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Thời gian: Từ ngày 23/4/2026 đến ngày 12/5/2026

2. Thành phần:

- Người chủ trì: TS. Trần Ái Cầm

- Người thực hiện tập huấn: TS. Trần Ái Cầm

- Người được tập huấn: Tất cả các thành viên Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách.

3. Nội dung, chương trình tập huấn: Hướng dẫn tự đánh giá, viết báo cáo, thu thập thông tin minh chứng TĐG CTĐT theo bộ tiêu chuẩn MOET.

VI. DỰ KIẾN CÁC NGUỒN LỰC (NHÂN LỰC, TÀI CHÍNH, ...) VÀ THỜI ĐIỂM CẦN HUY ĐỘNG/CUNG CẤP

STT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động
1	Tiêu chuẩn 1, 2	- Dự kiến thông tin minh chứng. - Thu thập thông tin minh chứng. - Phân tích tiêu chí; - Đánh giá tiêu chí ; - Lấy ý kiến các bên liên quan; - Viết báo cáo tiêu chuẩn	Cán bộ phụ trách lưu trữ tại Khoa Kinh tế; - Phòng QLĐT-NCKH; - Giảng viên; - Nguồn kinh phí theo kế hoạch tài chính.	Từ tháng 3 đến tháng 8/2026
2	Tiêu chuẩn 3, 4	- Dự kiến thông tin minh chứng. - Thu thập thông tin minh chứng. - Phân tích tiêu chí; - Đánh giá tiêu chí ; - Lấy ý kiến các bên liên quan; - Viết báo cáo tiêu chuẩn	Cán bộ phụ trách lưu trữ tại Khoa Kinh tế; - Phòng QLĐT-NCKH; Phòng Khảo thí và ĐBCL - Giảng viên; - Nguồn kinh phí theo kế hoạch tài chính.	Từ tháng 3 đến tháng 8/2026
3	Tiêu chuẩn 5	- Dự kiến thông tin minh chứng. - Thu thập thông tin minh chứng. - Phân tích tiêu chí; - Đánh giá tiêu chí ; - Lấy ý kiến các bên liên quan; - Viết báo cáo tiêu chuẩn	Cán bộ phụ trách lưu trữ tại Khoa Kinh tế; - Phòng Tổ chức – Pháp chế - Nguồn kinh phí theo kế hoạch tài chính.	Từ tháng 3 đến tháng 8/2026

4	Tiêu chuẩn 6, 7	- Dự kiến thông tin minh chứng. - Thu thập thông tin minh chứng. - Phân tích tiêu chí; - Đánh giá tiêu chí ; - Lấy ý kiến các bên liên quan; - Viết báo cáo tiêu chuẩn	Cán bộ phụ trách lưu trữ tại Khoa Kinh tế; - Văn phòng Trường, Phòng Tuyển sinh và CTSV - Nguồn kinh phí theo kế hoạch tài chính.	Từ tháng 3 đến tháng 8/2026
4	Tiêu chuẩn 8	- Dự kiến thông tin minh chứng. - Thu thập thông tin minh chứng. - Phân tích tiêu chí; - Đánh giá tiêu chí ; - Lấy ý kiến các bên liên quan; - Viết báo cáo tiêu chuẩn	Cán bộ phụ trách lưu trữ tại Khoa Kinh tế; - Phòng QLĐT-NCKH, Phòng Tuyển sinh và CTSV - Giảng viên; - Nguồn kinh phí theo kế hoạch tài chính.	Từ tháng 3 đến tháng 8/2026

VII. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

VIII. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian và nội dung hoạt động triển khai thực hiện hoạt động TĐG được cụ thể hoá theo bảng bên dưới:

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 1 – 2 (từ ngày 4/3-15/3/2026)	1. Họp Lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. 2. Thủ trưởng cơ sở giáo dục ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT. 3. Họp Hội đồng TĐG CTĐT để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; - Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT.

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 3 – 4 (từ ngày 16/3 – 29/3/2026)	1. Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho đội ngũ chủ chốt liên quan. 3. Họp Hội đồng TĐG CTĐT để thông qua: - Bản kế hoạch TĐG CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GDĐT và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); - Trình Thủ trưởng cơ sở giáo dục đề nghị ban hành kế hoạch TĐG.
Tuần 5 – 8 (từ ngày 30/3 – 26/4/2026)	1. Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Phân tích thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 9 – 15 (từ ngày 4/5 – 21/6/2026)	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 16 (Từ ngày 22/6-27/6/2026)	Hội đồng TĐG CTĐT: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.
Tuần 17-18 (từ ngày 29/6 – 4/7/2026)	1. Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng TĐG CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, … để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
Tuần 19-21 (Từ ngày 6/7 – 25/7/2026)	1. Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, …) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học, …. đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG.

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 22-23 (từ 27/6 - 8/8/2026)	1. Hội đồng TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện. 2. Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo TĐG cho lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT và thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét. 3. Hoàn thiện báo cáo TĐG.
Tuần 24 (từ 10/8-15/8/2026)	1. Cơ sở giáo dục gửi báo cáo TĐG và công văn cho cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ GDĐT. 2. Cơ sở giáo dục bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo TĐG.

***Nơi nhận*:**
- Hội đồng Trường;
- Ban Giám hiệu;
- Hội đồng TĐG (để t/h);
- Các đơn vị hỗ trợ (để t/h);
- Lưu: VT, Khoa, P. KT&ĐBCL

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

TS. Trần Ái Cầm

2.2. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 163/QĐ-ĐHI

Hưng Yên, ngày 30 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc kiện toàn, bổ sung thành viên Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

Căn cứ Quyết định số 135/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Chu Văn An; Quyết định số 2445/QĐ-TTg ngày 05/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Chu Văn An thành Trường Đại học Intracom;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐT ngày 05/01/2026 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Intracom về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Intracom;

Căn cứ Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-ĐHI ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quản lú kinh tế trình độ thạc sĩ;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Kiện toàn, bổ sung thành viên Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Intracom, gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ theo Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, trưởng các đơn vị có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 1 (để thực hiện);
- Chủ tịch HĐT (để báo cáo);
- Ban giám hiệu (để chỉ đạo);
- Lưu VT, KT&ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

TS. Trần Ái Cầm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỆN, BỔ SUNG TOÀN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Quyết định số: 491/QĐ-ĐHI ngày 01/09/2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom)

Stt	Họ và tên	Chức vụ/đơn vị	Nhiệm vụ
1	TS. Trần Ái Cầm	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	ThS. Nguyễn Thanh Việt	Chủ tịch HĐT	Ủy viên
3	TS. Nguyễn Quốc Tư	Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch
4	ThS. Đào Xuân Thủy	Phó trưởng khoa phụ trách Khoa KT	Phó chủ tịch kiêm Trưởng ban thư ký
5	PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng	Giảng viên	Ủy viên
6	ThS. Dương Văn Bá	Phó hiệu trưởng - Ủy viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo	Ủy viên
7	TS. Đỗ Khánh Năm	Phó trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Ủy viên
8	TS. Trịnh Đình Vinh	Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
9	ThS. Nguyễn Hồng Quý	Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Công tác sinh viên	Ủy viên
10	CN. Lê Huy Hùng	Phó chánh Văn phòng	Ủy viên
11	ThS. Phạm Ngọc Trụ	Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Pháp chế	Ủy viên
12	TS. Vũ Thị Sao Chi	Phó Giám đốc	Ủy viên

		Trung tâm Thông tin – Thư viện	
13	ThS. Mạc Thị Hằng	Phó trưởng phòng Phòng Kế hoạch – Tài chính	Ủy viên
14	ThS. Trịnh Thu Giang	Phó trưởng phòng Phòng Tuyển sinh 1	Ủy viên
15	TS. Nguyễn Văn Đính	Giảng viên	Ủy viên
16	TS. Hồ Vân Nga	Giảng viên	Ủy viên
17	PGS.TS. Nguyễn Cảnh Toàn	Giảng viên	Ủy viên
18	ThS. Hoàng Văn Hiền	Học viên lớp K5CHQL02	Ủy viên
19	ThS. Nguyễn Trần Khánh Chi	Trợ lý Khoa Kinh tế	Ủy viên

Danh sách gồm 19 người./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỆN TOÀN BAN THƯ KÝ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Quyết định số: 119./QĐ-ĐHI ngày 04/09/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom)

Stt	Họ và tên	Chức vụ/đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS. Đào Xuân Thủy	Phó trưởng khoa phụ trách	Trưởng ban
2	TS. Đỗ Khánh Năm	Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Phó trưởng ban
3	PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng	Giảng viên	Thành viên
4	CN. Lê Huy Hùng	Phó Chánh Văn phòng	Thành viên
5	ThS. Hà Tú Cầu	Phó phòng Phòng Quản lý đào tạo	Thành viên
6	CN. Nguyễn Thùy Dung	Phó phòng Phòng Tổ chức – Pháp chế	Thành viên
7	ThS. Nguyễn Trần Khánh Chi	Trợ lý Khoa Kinh tế	Thành viên
8	ThS. Trịnh Thu Giang	Phó phòng Phòng Tuyển sinh 1	Thành viên
9	CN. Lê Phương Thảo	Nhân viên phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
10	CN. Trần Thị Ngọc Anh	Nhân viên phòng Công tác sinh viên	Thành viên
11	CN. Phạm Vũ Phương Thảo	Nhân viên Trung tâm Thông tin – Thư viện	Thành viên

Danh sách gồm 11 người./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INTRACOM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỆN TOÀN THÀNH VIÊN CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Quyết định số: 1121. /QĐ-ĐHI ngày 04/09/2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Intracom)

Stt	Họ và tên	Chức vụ/đơn vị	Nhiệm vụ
Nhóm 1: Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Tiêu chuẩn 2: Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo			
1	ThS. Đào Xuân Thủy	Phó trưởng khoa phụ trách	Nhóm trưởng
2	ThS. Phạm Thanh Nam	Giảng viên	Thư ký
3	TS. Nguyễn Văn Đính	Giảng viên	Thành viên
4	PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng	Giảng viên	Thành viên
5	TS. Hồ Vân Nga	Giảng viên	Thành viên
6	ThS. Nguyễn Trần Khánh Chi	Trợ lý khoa Kinh tế	Thành viên
Nhóm 2: Tiêu chuẩn 3: Hoạt động dạy và học			
1	TS. Trịnh Đình Vinh	Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo	Nhóm trưởng
2	ThS. Hà Tú Cầu	Phó phòng Phòng Quản lý đào tạo	Thư ký
3	ThS. Nguyễn Thị Thu	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
4	ThS. Trần Quốc Bảo	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên

5	TS. Đỗ Khánh Năm	Phó trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
6	CN. Lê Phương Thảo	Nhân viên Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
7	ThS. Trần Văn Hiệp	Nhân viên Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
Tiêu chuẩn 4: Đánh giá kết quả học tập			
1	TS. Đỗ Khánh Năm	Phó trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Nhóm trưởng
2	CN. Lê Phương Thảo	Nhân viên Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thư ký
3	ThS. Trần Văn Hiệp	Nhân viên Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
4	ThS. Hà Tú Cầu	Phó phòng Phòng Quản lý đào tạo	Thành viên
5	ThS. Nguyễn Thị Thu	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
6	ThS. Trần Quốc Bảo	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
Nhóm 3: Tiêu chuẩn 5: Độ ngũ giảng viên, nghiên cứu viên			
1	ThS. Phạm Ngọc Trụ	Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Pháp chế	Nhóm trưởng
2	CN. Nguyễn Thùy Dung	Phó phòng Phòng TC-PC	Thư ký
3	CN. Đỗ Thu Hà	Nhân viên Phòng TC-PC	Thành viên
4	ThS. Đào Xuân Thủy	Phó trưởng khoa phụ trách Khoa Kinh tế	Thành viên
5	PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng	Giảng viên	Thành viên
Nhóm 4: Tiêu chuẩn 6: Các dịch vụ hỗ trợ người học			

1	ThS. Nguyễn Hồng Quý	Phó trưởng phòng Phòng Công tác sinh viên	Nhóm trưởng
2	CN. Trần Thị Ngọc Anh	Nhân viên Phòng CTSV	Thư ký
3	CN. Nguyễn Thu Trang	Nhân viên Phòng CTSV	Thành viên
4	CN. Lê Phương Thảo	Bí thư Đoàn thanh niên	Thành viên
Nhóm 5: Tiêu chuẩn 7: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị			
1	CN. Lê Huy Hùng	Phó Chánh Văn phòng	Nhóm trưởng
2	CN. Vũ Thị Việt Lan	Nhân viên Văn phòng	Thư ký
3	ThS. Phạm Ngọc Chương	Nhân viên Văn phòng	Thành viên
4	TS. Vũ Thị Sao Chi	Phó Giám đốc Trung tâm TT-TV	Thành viên
5	CN. Phạm Vũ Phương Thảo	Nhân viên Trung tâm TT-TV	Thành viên
Nhóm 6: Tiêu chuẩn 8: Đầu ra và kết quả đầu ra			
1	TS. Trịnh Đình Vinh	Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo	Nhóm trưởng
2	ThS. Hà Tú Cầu	Phó phòng Phòng Quản lý đào tạo	Thư ký
3	ThS. Trần Quốc Bảo	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
4	ThS. Đào Xuân Thủy	Phó trưởng khoa phụ trách Khoa Kinh tế	Thành viên
5	ThS. Nguyễn Hồng Quý	Phó trưởng phòng Phòng Công tác sinh viên	Thành viên
6	CN. Nguyễn Thu Trang	Nhân viên Phòng CTSV	Thành viên

Danh sách gồm 06 nhóm./.

3. Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình TĐG và viết báo cáo TĐG.

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo					
Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học.					
1	H1.01.01.01	Hồ sơ tự đánh giá và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục của Trường	Tập hồ sơ	Trường Đại học Intracom	
2	H1.01.01.02	Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục	Ngày 09/06/2026 (theo NQ số 320/NQ-HĐKĐCLV ngày 25/05/2026)	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	
3	H1.01.01.03	các báo cáo và kế hoạch cải tiến chất lượng của Nhà trường		Trường Đại học Intracom (phòng khảo thí&ĐBCL)	
4	H1.01.01.04	Trang thông tin điện tử Trường Đại học Intracom – mục Giới thiệu	https://intracomuni.edu.vn/gioi-thieu/	Trường Đại học Intracom	
5	H1.01.01.05	Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế năm 2026	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
6	H1.01.01.06	Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế năm 2026 – mục Mục tiêu chung của CTĐT	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
7	H1.01.01.07	Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế năm 2026 – mục Mục tiêu giáo dục của CTĐT	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
8	H1.01.01.08	Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế năm 2026 – Ma trận liên kết PEO–PLO	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
9	H1.01.01.09	Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến các bên liên quan để xây dựng/cải tiến CTĐT ngành Quản lý kinh tế – trình độ Thạc sĩ	Ngày 22/05/2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
10	H1.01.01.10	Biên bản Hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan ngày 19/6/2026	ngày 19/6/2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xây dựng rõ ràng; phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo và được phổ biến đến các bên liên quan.					
11	H1.01.02.01	Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế năm 2026 – hệ thống 08 PLO	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế) Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
12	H1.01.02.02	Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế năm 2026 – hệ thống PPC và Ma trận PEO–PLO	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
13	H1.01.02.03	Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế năm 2026 – Ma trận PEO–PLO	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
14	H1.01.02.04	Bản mô tả CTĐT	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026		
15	H1.01.02.05	các đề cương học phần			
16	H1.01.02.06	hồ sơ công bố CTĐT và tài liệu hướng dẫn người học			
Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn chương trình đào tạo nhóm ngành, bao gồm chuẩn đầu ra chung và chuẩn đầu ra chuyên biệt.					
17	H1.01.03.01	Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
18	H1.01.03.02	Báo cáo đối sánh CTĐT với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, Bậc 7	Ngày 12 tháng 02 năm 2023	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
19	H1.01.03.03	Bản mô tả CTĐT năm 2026 – hệ thống PLO và phân nhóm chuẩn đầu ra	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
20	H1.01.03.04	Bảng đối sánh PLO với Khung trình độ quốc gia Việt Nam Bậc 7	Ngày 12 tháng 02 năm 2023	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
21	H1.01.03.05	Bản mô tả CTĐT năm 2026	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
Tiêu chí 1.4: Chuẩn đầu ra của tất cả các học phần được xây dựng phải phù hợp và tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã công bố.					
22	H1.01.04.01	Bộ đề cương 27 học phần của CTĐT			
23	H1.01.04.02	Bộ đề cương 27 học phần của CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế năm 2026	Năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
24	H1.01.04.03	Bản mô tả CTĐT năm 2026 – ma trận PLO/PPC	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
25	H1.01.04.04	Bộ 27 đề cương học phần của CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế			

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 1.5: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là bên liên quan bên ngoài.					
26	H1.01.05.01	Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến các bên liên quan	Ngày 22/05/2026		
Tiêu chí 1.6: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được đo lường đánh giá tại thời điểm người học tốt nghiệp.					
27	H1.01.06.01	Ma trận chuẩn đầu ra CTĐT	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026		
28	H1.01.06.02	Đề cương các học phần			
29	H1.01.06.03	Ma trận chuẩn đầu ra	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026		
30	H1.01.06.04	Kế hoạch đo lường chuẩn đầu ra			
31	H1.01.06.05	Quy định/quy trình đo lường và đánh giá chuẩn đầu ra			
32	H1.01.06.06	Báo cáo phân tích mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra CTĐT trình độ thạc sĩ năm 2025	28 tháng 8 năm 2025	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
Tiêu chuẩn 2. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo					
Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần có đủ thông tin, được cập nhật, phê duyệt và được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.					
33	H2.02.01.01	Bản mô tả CTĐT ngành Quản lý kinh tế trình độ Thạc sĩ năm 2026	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
34	H2.02.01.02	Bộ đề cương học phần CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế			
35	H2.02.01.03	Tổng hợp cải tiến CTĐT Quản lý kinh tế giai đoạn 2021–2026	Năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
Tiêu chí 2.2: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển để bảo đảm người học đạt được chuẩn đầu ra và có khối lượng học tập phù hợp với quy định.					
36	H2.02.02.01	Bảng cơ cấu các khối kiến thức và danh mục học phần	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
37	H2.02.02.02	Bản mô tả CTĐT năm 2026, Bảng danh mục học phần và phân bổ thời lượng	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
38	H2.02.02.03	Ma trận đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra CTĐT	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
39	H2.02.02.04	bảng tiến độ học tập và danh mục học phần tự chọn	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 2.3: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo được thiết kế và phát triển dựa trên phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là các bên liên quan bên ngoài.					
40	H2.02.03.01	Báo cáo khảo sát/phản hồi các bên liên quan về CTĐT Quản lý kinh tế	Ngày 22 tháng 05 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
41	H2.02.03.02	Tổng hợp cải tiến CTĐT giai đoạn 2021–2026	Năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
42	H2.02.03.03	Danh mục học phần CTĐT năm 2026	Năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
43	H2.02.03.04	Bảng đối sánh CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế của Trường Đại học Intracom với các chương trình tham chiếu	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
Tiêu chí 2.4: Đóng góp của từng học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo là rõ ràng.					
44	H2.02.04.01	Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra CTĐT	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
45	H2.02.04.02	Ma trận liên kết học phần – PLO/PPC	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
Tiêu chí 2.5: Chương trình đào tạo có cấu trúc logic, trình tự hợp lý, có tính linh hoạt và tích hợp.					
46	H2.02.05.01	danh mục và tiến độ học tập các học phần	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
47	H2.02.05.02	Danh mục học phần và cột học phần học trước trong Bản mô tả CTĐT	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
Tiêu chí 2.6: Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo thể hiện rõ các học phần bắt buộc, tự chọn, lý thuyết, thực hành, trải nghiệm, nghiên cứu khoa học, các thành phần chính yếu và bổ trợ; cho phép người học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp của bản thân.					
48	H2.02.06.01	Bảng cơ cấu chương trình và danh mục học phần trong Bản mô tả CTĐT	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
49	H2.02.06.02	đề cương Chuyên đề thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp			
50	H2.02.06.03	Danh mục học phần tự chọn trong Bản mô tả CTĐT năm 2026	Năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
Tiêu chí 2.7: Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo được rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng theo quy trình, quy định; bảo đảm tính cập nhật, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.					
51	H2.02.07.01	các phiên bản CTĐT năm 2021, 2023 và 2026			

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
52	H2.02.07.02	Báo cáo khảo sát các bên liên quan	Ngày 22 tháng 05 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
53	H2.02.07.03	Tổng hợp cải tiến CTĐT 2021–2026	Ngày 21 tháng 6 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
54	H2.02.07.04	Bản mô tả CTĐT 2026	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
55	H2.02.07.05	Bảng đối sánh CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
Tiêu chuẩn 3. Hoạt động dạy và học					
Tiêu chí 3.1: Triết lý giáo dục của cơ sở đào tạo được tuyên bố rõ ràng, được phổ biến đến các bên liên quan và được truyền tải vào các hoạt động dạy và học.					
56	H3.03.01.01	Triết lý giáo dục và định hướng giáo dục của INU	18/NQ-HĐT-ĐHI ngày 26 tháng 01 năm 2026	Trường đại học Intracom	
57	H3.03.01.02	Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế 2026, phần mục tiêu và định hướng chương trình	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
58	H3.03.01.03	Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế 2026	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
59	H3.03.01.04	tài liệu giới thiệu CTĐT	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
60	H3.03.01.05	tài liệu định hướng người học			
61	H3.03.01.06	đề cương các học phần			
62	H3.03.01.07	Đề cương học phần Kinh tế số và mô hình kinh doanh nền tảng			
63	H3.03.01.08	Phân tích chính sách kinh tế nâng cao			
64	H3.03.01.09	Quản lý Nhà nước về kinh tế nâng cao			
65	H3.03.01.10	Quản lý phát triển bền vững			
66	H3.03.01.11	Đầu tư trong nền kinh tế số			
67	H3.03.01.12	Đề án tốt nghiệp			
Tiêu chí 3.2: Hoạt động dạy và học được thiết kế tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.					
68	H3.03.02.01	Bộ đề cương chi tiết 27 học phần			
69	H3.03.02.02	ma trận liên kết chuẩn đầu ra CTĐT – chuẩn đầu ra học phần	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
70	H3.03.02.03	Đề cương học phần Kinh tế lượng			
71	H3.03.02.04	Phân tích định lượng và mô hình hóa quyết định			
72	H3.03.02.05	Quản lý chương trình dự án nâng cao			
73	H3.03.02.06	Bộ 27 đề cương chi tiết học phần			
74	H3.03.02.07	bảng tổng hợp 118 chuẩn đầu ra học phần và ma trận liên kết PPC/PLO	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
75	H3.03.02.08	Đề cương chi tiết các học phần			
76	H3.03.02.09	hướng dẫn tổ chức dạy học trực tuyến/kết hợp của Nhà trường			
77	H3.03.02.10	học liệu và tài liệu tổ chức lớp học trên nền tảng số			
Tiêu chí 3.3: Hoạt động dạy và học thể hiện việc học tập chủ động, thúc đẩy việc học tập, hình thành và phát triển phương pháp học tập và khả năng học tập suốt đời của người học.					
78	H3.03.03.01	Đề cương học phần Tư duy phản biện và lập luận khoa học trong quản lý	Năm 2026	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
79	H3.03.03.02	Kinh tế phát triển nâng cao			
80	H3.03.03.03	Tư duy phản biện và lập luận khoa học trong quản lý	Năm 2026	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
81	H3.03.03.04	Đề cương các học phần có hoạt động học tập trên nền tảng số			
82	H3.03.03.05	tài liệu/hướng dẫn tổ chức dạy học trực tuyến và kết hợp			
83	H3.03.03.06	học liệu số của các học phần			
Tiêu chí 3.4: Hoạt động dạy và học thúc đẩy người học đưa ra ý tưởng mới, sáng kiến, đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp.					
84	H3.03.04.01	Quản trị doanh nghiệp khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo			
85	H3.03.04.02	Đề cương học phần Văn hóa khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp	Năm 2026	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
86	H3.03.04.03	Kinh tế số và mô hình kinh doanh nền tảng			
87	H3.03.04.04	Đề cương Chuyên đề thực tập thực tế	Năm 2026	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
88	H3.03.04.05	các đề cương học phần có bài tập/dự án ứng dụng			

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 3.5: Quá trình dạy và học được cải tiến thường xuyên để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và thúc đẩy việc học tập, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.					
89	H3.03.05.01	Các phiên bản CTĐT 2021, 2023 và 2026	-177/QĐ-ĐHCVA ngày 27 tháng 10 năm 2021 - 115/QĐ-ĐHCVA ngày 16 tháng 6 năm 2023 - Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026		
90	H3.03.05.02	Báo cáo/biên bản khảo sát các bên liên quan về CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế	Ngày 22/05/2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
91	H3.03.05.03	bảng ma trận PLO–PPC/CLO	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
92	H3.03.05.04	Kế hoạch/biên bản rà soát CTĐT	Số 44/QĐ-ĐHI 06/02/2026	Trường Đại học Intracom	
93	H3.03.05.05	báo cáo khảo sát người học và các bên liên quan	22/05/2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
94	H3.03.05.06	hồ sơ cải tiến CTĐT	Tập hồ sơ	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
95	H3.03.05.07	đề cương các học phần phiên bản 2026	Năm 2026	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
Tiêu chuẩn 4. Đánh giá kết quả học tập					
Tiêu chí 4.1: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.					
96	H4.04.01.01	ma trận liên kết PLO–PPC/CLO	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
97	H4.04.01.02	Quản trị chiến lược nâng cao			
98	H4.04.01.03	tài liệu hướng dẫn học tập và thông tin học phần			
99	H4.04.01.04	kế hoạch tổ chức giảng dạy của CTĐT			
Tiêu chí 4.2: Có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập, quy trình phúc khảo, được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán.					
100	H4.04.02.01	Quy định/quy trình đào tạo và đánh giá kết quả học tập của Nhà trường	Số 243/QĐ-ĐHI ngày 24 tháng 08 năm 2026	Trường Đại học Intracom	
101	H4.04.02.02	Bộ đề cương chi tiết học phần			

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
102	H4.04.02.03	tài liệu hướng dẫn học viên			
103	H4.04.02.04	thông tin học phần và kế hoạch giảng dạy	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
104	H4.04.02.05	Quy định/quy trình phúc khảo kết quả học tập	423/QĐ-ĐHI ngày 24/08/2026	Trường Đại học Intracom	
105	H4.04.02.06	hồ sơ tổ chức thi, kiểm tra và xử lý kết quả học tập			
Tiêu chí 4.3: Các tiêu chuẩn và quy trình đánh giá kết quả học tập, xét công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp được phổ biến đến người học và được triển khai thực hiện một cách nhất quán.					
106	H4.04.03.01	quy định đào tạo trình độ thạc sĩ	169/QĐ-ĐHI ngày 05/05/2026	Trường Đại học Intracom	
107	H4.04.03.02	quy định xét công nhận kết quả học tập và xét tốt nghiệp	423/QĐ-ĐHI ngày 24/08/2026	Trường Đại học Intracom	
108	H4.04.03.03	đề cương học phần Chuyên đề thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp			
109	H4.04.03.04	Quy trình xét công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp	410/QĐ-ĐHI ngày 12/08/2026	Trường Đại học Intracom	
110	H4.04.03.05	kế hoạch đào tạo			
111	H4.04.03.06	hồ sơ xét tốt nghiệp của chương trình			
Tiêu chí 4.4: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập được thể hiện qua ma trận, tiêu chí và mức độ đánh giá, đáp án, thang điểm chi tiết, kế hoạch đánh giá và các quy định cụ thể để bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.					
112	H4.04.04.01	kế hoạch đánh giá học phần			
113	H4.04.04.02	ma trận CLO–PLO/PPC	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
114	H4.04.04.03	Đề cương Kinh tế lượng			
115	H4.04.04.04	Chuyên đề thực tập thực tế			
116	H4.04.04.05	hướng dẫn thực hiện và đánh giá Đề án tốt nghiệp			
117	H4.04.04.06	hồ sơ tổ chức đánh giá đề án			
118	H4.04.04.07	Hướng dẫn tổ chức dạy học/đánh giá trên nền tảng số	423/QĐ-ĐHI ngày 24/08/2026	Trường Đại học Intracom	
119	H4.04.04.08	học liệu và hồ sơ tổ chức lớp học trực tuyến/kết hợp			
Tiêu chí 4.5: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập bảo đảm đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra của từng học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.					
120	H4.04.05.01	Bộ 27 đề cương chi tiết			

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
121	H4.04.05.02	bảng tổng hợp 118 CLO và ma trận PPC/PLO	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
122	H4.04.05.03	Ma trận PLO–PPC/CLO	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
123	H4.04.05.04	đề cương học phần	Năm 2026	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
124	H4.04.05.05	hồ sơ Chuyên đề thực tập thực tế và Đề án tốt nghiệp			
125	H4.04.05.06	kế hoạch đo lường chuẩn đầu ra của CTĐT	Số 44/QĐ-ĐHI 06/02/2026	Trường Đại học Intracom	
Tiêu chí 4.6: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời cho người học để người học cải thiện việc học tập, phương pháp học tập và kết quả học tập.					
126	H4.04.06.01	Quy định/quy trình thi, kiểm tra và đánh giá	423/QĐ-ĐHI ngày 24/08/2026	Trường Đại học Intracom	
127	H4.04.06.02	hồ sơ thông báo kết quả đánh giá và bảng điểm			
128	H4.04.06.03	Đề cương các học phần có đánh giá quá trình	Năm 2026	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
129	H4.04.06.04	sản phẩm học tập và nhận xét/phản hồi của giảng viên			
130	H4.04.06.05	hồ sơ Đề án tốt nghiệp			
131	H4.04.06.06	Quy định đánh giá và phúc khảo	423/QĐ-ĐHI ngày 24/08/2026	Trường Đại học Intracom	
132	H4.04.06.07	thông báo/bảng điểm kết quả học tập			
133	H4.04.06.08	hồ sơ phản hồi và xử lý phúc khảo	19/06/2026		
Tiêu chí 4.7: Việc đánh giá kết quả học tập và các quy định về đánh giá kết quả học tập được định kỳ rà soát và cải tiến để bảo đảm đo lường được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.					
134	H4.04.07.01	hồ sơ rà soát đề cương học phần	Năm 2026	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
135	H4.04.07.02	đề cương học phần phiên bản 2026	Năm 2026	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
136	H4.04.07.03	phản hồi của người học và các bên liên quan			

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên					
Tiêu chí 5.1: Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên tham gia chương trình đào tạo được thực hiện nhằm bảo đảm về số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.					
137	H5.05.01.01	Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Intracom ban hành kèm theo Quyết định số 332/QĐ-ĐHI ngày 10/7/2026	Quyết định số 332/QĐ-ĐHI ngày 10/7/2026	Trường Đại học Intracom	
138	H5.05.01.02	Quy định tuyển dụng cán bộ, giảng viên, nhân viên và người lao động	Quyết định số 35/QĐ-ĐHCVA 11/03/2022	Trường ĐH Chu Văn An	
139	H5.05.01.03	Quy định chuẩn năng lực giảng viên	Quyết định số 235/QĐ-ĐHCVA 08/12/2022	Trường ĐH Chu Văn An	
140	H5.05.01.04	Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, nhân viên	Quyết định số 34/QĐ-ĐHCVA 27/02/2023	Trường ĐH Chu Văn An	
141	H5.05.01.05	Khung định biên đội ngũ giảng viên phục vụ mở CTĐT thạc sĩ năm 2026		Trường Đại học Intracom	
Tiêu chí 5.2: Số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình đào tạo theo quy định; khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát để cải tiến chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.					
142	H5.05.02.01	Cơ sở dữ liệu đội ngũ	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
143	H5.05.02.02	Bảng phân công giảng dạy			
144	H5.05.02.03	hồ sơ phân công hướng dẫn Đề án tốt nghiệp			
145	H5.05.02.04	Quy định chế độ làm việc của giảng viên	Quyết định số 332/QĐ-ĐHI ngày 10/7/2026	Trường Đại học Intracom	
146	H5.05.02.05	hồ sơ/báo cáo thực hiện nhiệm vụ	Ngày 17/06/2026	Trường Đại học Intracom	
147	H5.05.02.06	bảng phân công giảng dạy			
148	H5.05.02.07	kết quả đánh giá, xếp loại hằng năm			
Tiêu chí 5.3: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định, được đánh giá và được thông tin tới các bên có liên quan trực tiếp.					
149	H5.05.03.01	Quy định/Quyết định về chuẩn năng lực giảng viên	Quyết định số 235/QĐ-ĐHCVA 08/12/2022	Trường ĐH Chu Văn An	
150	H5.05.03.02	Đề án vị trí việc làm	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
151	H5.05.03.03	Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng giảng viên và người lao động	Quyết định số 34/QĐ-ĐHCVA 27/02/2023	Trường ĐH Chu Văn An	
152	H5.05.03.04	hồ sơ đánh giá năng lực và kết quả thực hiện nhiệm vụ			
Tiêu chí 5.4: Giảng viên, nghiên cứu viên được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm.					
153	H5.05.04.01	đề cương chi tiết học phần	Năm 2026	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
154	H5.05.04.02	hồ sơ giảng viên			
155	H5.05.04.03	hồ sơ phân công/hướng dẫn Đề án tốt nghiệp			
Tiêu chí 5.5: Việc bổ nhiệm/thăng tiến của giảng viên, nghiên cứu viên dựa trên hệ thống đánh giá năng lực, kết quả giảng dạy, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng.					
156	H5.05.05.01	Quy định về tuyển dụng, đánh giá, bổ nhiệm và phát triển đội ngũ	Quyết định số 35/QĐ-ĐHCVA 11/03/2022	Trường ĐH Chu Văn An	
157	H5.05.05.02	hồ sơ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ			
158	H5.05.05.03	hồ sơ chuyên môn của giảng viên			
159	H5.05.05.04	quy định về bổ nhiệm/thăng hạng và quy hoạch	Quyết định số 159A/QĐ-ĐHCVA 21/10/2021	Trường ĐH Chu Văn An	
160	H5.05.05.05	hồ sơ đánh giá, bổ nhiệm/thăng hạng của giảng viên			
Tiêu chí 5.6: Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng theo quy định và được phổ biến để tất cả giảng viên, nghiên cứu viên hiểu rõ và thực hiện.					
161	H5.05.06.01	Quyết định số 332/QĐ-ĐHI ngày 10/7/2026	Quyết định số 332/QĐ-ĐHI ngày 10/7/2026	Trường Đại học Intracom	
162	H5.05.06.02	biên bản/hồ sơ họp Khoa	Ngày 18/02/2023	Trường Đại học Chu Văn An (INU)	
163	H5.05.06.03	thông báo triển khai nhiệm vụ	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
164	H5.05.06.04	báo cáo đánh giá hằng năm			
Tiêu chí 5.7: Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định có tính hệ thống; các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được triển khai để đáp ứng nhu cầu.					
165	H5.05.07.01	kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng			
166	H5.05.07.02	kế hoạch phát triển đội ngũ			

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
167	H5.05.07.03	Kế hoạch và báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ hằng năm			
168	H5.05.07.04	hồ sơ tham gia tập huấn, bồi dưỡng			
169	H5.05.07.05	hồ sơ sinh hoạt chuyên môn			
Tiêu chí 5.8: Công tác quản lý để đánh giá chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của giảng viên, nghiên cứu viên bao gồm cả việc khen thưởng và công nhận được triển khai theo quy định, quy trình cụ thể.					
170	H5.05.08.01	phiếu đánh giá giảng viên			
171	H5.05.08.02	hồ sơ dự giờ và đánh giá giảng dạy			
172	H5.05.08.03	Hồ sơ dự giờ và đánh giá giảng dạy			
173	H5.05.08.04	Quy định thi đua, khen thưởng			
174	H5.05.08.05	quyết định khen thưởng			
175	H5.05.08.06	phản hồi của học viên			
176	H5.05.08.07	hồ sơ/sản phẩm nghiên cứu khoa học			
177	H5.05.08.08	hồ sơ phân công và kế hoạch bồi dưỡng			
Tiêu chuẩn 6. Các dịch vụ hỗ trợ người học					
Tiêu chí 6.1: Chính sách, tiêu chí và quy trình tuyển sinh được xác định rõ ràng theo yêu cầu của CTĐT; được công bố công khai và được cập nhật.					
178	H6.06.01.01	Thông báo tuyển sinh chương trình đào tạo sau đại học năm 2026–2027			
179	H6.06.01.02	Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ	Năm 2026	Trường Đại học Intracom	
180	H6.06.01.03	Trang thông tin tuyển sinh sau đại học của Trường Đại học Intracom	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom (Hội đồng tuyển sinh)	
181	H6.06.01.04	Kế hoạch tuyển sinh sau đại học năm 2026	Năm 2026	Trường Đại học Intracom	
182	H6.06.01.05	Kế hoạch tổ chức khai giảng Khóa 06	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
183	H6.06.01.06	Phân công nhiệm vụ các đơn vị tham gia công tác tuyển sinh và đào tạo sau đại học			
184	H6.06.01.07	Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh			
185	H6.06.01.08	Hồ sơ rà soát, cập nhật thông tin tuyển sinh	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom (Hội đồng tuyển sinh)	
186	H6.06.01.09	Biên bản họp rà soát công tác tuyển sinh			

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
187	H6.06.01.10	Ý kiến phản hồi của các bên liên quan	Biên bản ngày 19/06/2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
Tiêu chí 6.2: Năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ được xác định rõ ràng trong tiêu chí tuyển dụng, trong phân công nhiệm vụ và được đánh giá để bảo đảm phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan					
188	H6.06.02.01	Bản mô tả công việc			
189	H6.06.02.02	Quy định tuyển dụng	Quyết định số 35/QĐ-ĐHCVA 11/03/2022	Trường ĐH Chu Văn An	
190	H6.06.02.03	Quy định đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	Số 332/QĐ-ĐHI 10/07/2026	Trường ĐH Intracom	
191	H6.06.02.04	Phân công nhiệm vụ các đơn vị			
192	H6.06.02.05	Bản mô tả công việc của cán bộ, nhân viên liên quan			
193	H6.06.02.06	Quy định tổ chức đào tạo trực tuyến	Áp dụng từ 2025–2026	Trường ĐH Intracom	
194	H6.06.02.07	Phân công cán bộ hỗ trợ hệ thống học tập trực tuyến			
195	H6.06.02.08	Kế hoạch đào tạo Khóa 06	Năm 2026	Trường Đại học Intracom	
196	H6.06.02.09	Hồ sơ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hằng năm			
197	H6.06.02.10	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng			
198	H6.06.02.11	Phiếu khảo sát ý kiến người học			
199	H6.06.02.12	Báo cáo kết quả khảo sát dịch vụ hỗ trợ			
Tiêu chí 6.3: Kế hoạch ngắn hạn và dài hạn đối với dịch vụ hỗ trợ người học được xây dựng, triển khai thực hiện để bảo đảm đáp ứng đầy đủ và có chất lượng các dịch vụ hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng					
200	H6.06.03.01	Kế hoạch năm học 2026–2027	QĐ số 476/QĐ-ĐHI ngày 18/9/2026	Trường Đại học Intracom	
201	H6.06.03.02	Tài liệu giới thiệu CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế			
202	H6.06.03.03	Tài liệu hướng dẫn học viên đầu khóa			
203	H6.06.03.04	Kế hoạch thực hiện Đề án tốt nghiệp			
204	H6.06.03.05	Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ	Số 169/QĐ-ĐHI 05/05/2026	Trường Đại học Intracom	
205	H6.06.03.06	Phân công giảng viên hướng dẫn Đề án tốt nghiệp	Năm 2026	Trường Đại học Intracom	
206	H6.06.03.07	Thông báo tuyển sinh sau đại học			

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
207	H6.06.03.08	Quy định đào tạo trực tuyến	Áp dụng từ 2025–2026	Trường ĐH Intracom	
208	H6.06.03.09	Hệ thống LMS	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
209	H6.06.03.10	Thư viện số			
Tiêu chí 6.4: Có hệ thống quản lý đào tạo phù hợp để giám sát, ghi nhận được tiến độ, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học; việc phản hồi cho người học và hoạt động khắc phục bất cập được triển khai kịp thời và giúp người học cải thiện việc học tập					
210	H6.06.04.01	Hệ thống quản lý đào tạo		Trường Đại học Intracom	
211	H6.06.04.02	Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ	Số 169/QĐ-ĐHI 05/05/2026	Trường Đại học Intracom	
212	H6.06.04.03	Quy định phân công quản lý đào tạo sau đại học	Số 45/QĐ-ĐHI 26/02/2026	Trường Đại học Intracom	
213	H6.06.04.04	Phân công giảng viên và người hướng dẫn Đề án tốt nghiệp			
214	H6.06.04.05	Trang thông tin đào tạo sau đại học			
215	H6.06.04.06	Hướng dẫn sử dụng hệ thống quản lý đào tạo			
216	H6.06.04.07	Báo cáo theo dõi tiến độ học tập			
217	H6.06.04.08	Danh sách học viên cần hỗ trợ			
218	H6.06.04.09	Hồ sơ tư vấn học tập			
219	H6.06.04.10	Biên bản rà soát tiến độ học tập			
Tiêu chí 6.5: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và tăng khả năng có việc làm của người học					
220	H6.06.05.01	Quy định thực hiện Đề án tốt nghiệp			
221	H6.06.05.02	Danh sách phân công giảng viên hướng dẫn	Năm 2026	Trường Đại học Intracom	
222	H6.06.05.03	Hồ sơ hướng dẫn học viên			
223	H6.06.05.04	Kế hoạch hoạt động Trung tâm Thực hành nghề			
224	H6.06.05.05	Kế hoạch hoạt động Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo			
225	H6.06.05.06	Kế hoạch hoạt động Viện Khoa học Công nghệ			
226	H6.06.05.07	Kế hoạch hợp tác doanh nghiệp	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
227	H6.06.05.08	Kế hoạch hướng nghiệp	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
228	H6.06.05.09	MS Teams			
229	H6.06.05.10	Tài liệu hướng dẫn học viên			

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
230	H6.06.05.11	Trang thông tin hướng nghiệp			
Tiêu chí 6.6: Các dịch vụ hỗ trợ người học được định kỳ đánh giá, đối sánh và cải tiến chất lượng					
231	H6.06.06.01	Quy định khảo sát phản hồi người học	Số 225/QĐ-ĐHI 28/05/2026	Trường ĐH Intracom	
232	H6.06.06.02	Kế hoạch khảo sát			
233	H6.06.06.03	Phiếu khảo sát người học			
234	H6.06.06.04	Báo cáo tổng hợp ý kiến phản hồi người học	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom (Phòng QLĐT & CTSV)	
235	H6.06.06.05	Biên bản họp rà soát dịch vụ hỗ trợ			
236	H6.06.06.06	Báo cáo cải tiến chất lượng			
237	H6.06.06.07	Báo cáo đánh giá dịch vụ hỗ trợ người học hằng năm			
238	H6.06.06.08	Kế hoạch cải tiến chất lượng năm học 2026–2027	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
239	H6.06.06.09	Hồ sơ rà soát CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế			
Tiêu chuẩn 7. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị					
Tiêu chí 7.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để triển khai chương trình đào tạo, để hỗ trợ triển khai hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng					
240	H7.07.01.01	Danh mục phòng học, phòng chức năng và trang thiết bị	45/QĐ-ĐHI 26/02/2026	Trường Đại học Intracom	
241	H7.07.01.02	Hồ sơ quản lý và sử dụng giảng đường		Trường ĐH Intracom	
242	H7.07.01.03	Kế hoạch đào tạo	476/QĐ-ĐHI 18/09/2026	Trường ĐH Intracom	
243	H7.07.01.04	Lịch/phân bổ phòng học			
244	H7.07.01.05	Kế hoạch bảo trì, sửa chữa và đầu tư cơ sở vật chất	18-NQ/HĐT-ĐHI 26/01/2026	Trường ĐH Intracom	
Tiêu chí 7.2: Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và trang thiết bị đầy đủ theo yêu cầu của chương trình đào tạo, được cập nhật, được sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu của người học, giảng viên và nghiên cứu viên					
245	H7.07.02.01	Đề cương học phần	Năm 2026	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Intracom	
246	H7.07.02.02	Danh mục thiết bị/phần mềm sử dụng trong đào tạo	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
247	H7.07.02.03	Hồ sơ kiểm kê, bảo trì, sửa chữa và cập nhật thiết bị			

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
248	H7.07.02.04	Hồ sơ quản lý phần mềm và bản quyền	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
249	H7.07.02.05	Hồ sơ tổ chức dạy học và sử dụng nền tảng số	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
Tiêu chí 7.3: Có thư viện, thư viện số và nguồn học liệu được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, có cập nhật tiến bộ về công nghệ thông tin – truyền thông					
250	H7.07.03.01	Hồ sơ thư viện và hệ thống học liệu của Nhà trường			
251	H7.07.03.02	Danh mục giáo trình, sách chuyên khảo và tài liệu tham khảo			
252	H7.07.03.03	Quy định/hướng dẫn sử dụng thư viện và thư viện số			
253	H7.07.03.04	Danh mục học liệu điện tử và tài liệu tham khảo			
254	H7.07.03.05	Dữ liệu khai thác học liệu	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom	
255	H7.07.03.06	Ý kiến phản hồi của học viên và giảng viên	Giai đoạn 2021–2026	Trường Đại học Intracom (Phòng Tổ chức - Hành chính)	
Tiêu chí 7.4: Có hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng mạng và máy tính dễ dàng tiếp cận và sử dụng, đáp ứng nhu cầu của người học, giảng viên, nghiên cứu viên, đội ngũ quản lý và nhân viên trong các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, kết nối phục vụ cộng đồng và quản lý hành chính					
256	H7.07.04.01	Hồ sơ quản lý hạ tầng CNTT, Internet, Wi-Fi và LMS của Nhà trường			
257	H7.07.04.02	Hồ sơ vận hành LMS/hệ thống quản lý đào tạo			
258	H7.07.04.03	Thống kê hỗ trợ kỹ thuật và xử lý sự cố			
259	H7.07.04.04	Quy định sử dụng hệ thống CNTT và hướng dẫn người dùng			
Tiêu chí 7.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan thiên nhiên tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và sự thoải mái cho người học					
260	H7.07.05.01	Hồ sơ quản lý vệ sinh, an ninh và cảnh quan			
261	H7.07.05.02	Thời khóa biểu			
262	H7.07.05.03	Hồ sơ khảo sát người học về cơ sở vật chất, môi trường học tập và dịch vụ hỗ trợ			
Tiêu chí 7.6: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến các nhu cầu của các nhóm người học đặc thù, chuyên biệt (nếu có)					
263	H7.07.06.01	Quy định và hồ sơ về phòng cháy chữa cháy, an toàn, vệ sinh môi trường và chăm sóc sức khỏe			

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
264	H7.07.06.02	Biên bản kiểm tra và bảo trì			
265	H7.07.06.03	Hồ sơ kiểm tra, bảo trì và xử lý các vấn đề an toàn			
266	H7.07.06.04	Hướng dẫn sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị			
Tiêu chí 7.7: Năng lực đội ngũ hỗ trợ về cơ sở vật chất và trang thiết bị được xác định và được đánh giá đáp ứng nhu cầu các bên liên quan					
267	H7.07.07.01	Quy định tổ chức, chức năng nhiệm vụ và vị trí việc làm của các đơn vị liên quan			
268	H7.07.07.02	Bảng phân công nhiệm vụ			
269	H7.07.07.03	Hồ sơ phân công nhiệm vụ			
270	H7.07.07.04	Hồ sơ đánh giá viên chức/người lao động			
271	H7.07.07.05	Hồ sơ hỗ trợ kỹ thuật, thư viện và cơ sở vật chất			
272	H7.07.07.06	Phiếu khảo sát phản hồi			
273	H7.07.07.07	Hồ sơ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ hỗ trợ			
Tiêu chí 7.8: Chất lượng cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và cải tiến					
274	H7.07.08.01	Kế hoạch đầu tư, sửa chữa, bảo trì và nâng cấp cơ sở vật chất			
275	H7.07.08.02	Hồ sơ kiểm kê và bảo trì			
276	H7.07.08.03	Kế hoạch đào tạo Thạc sĩ Quản lý kinh tế			
277	H7.07.08.04	Báo cáo sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị			
278	H7.07.08.05	Kết quả khảo sát phản hồi			
279	H7.07.08.06	Biên bản rà soát nhu cầu			
280	H7.07.08.07	Hồ sơ sửa chữa, nâng cấp và nghiệm thu			
Tiêu chuẩn 8. Đầu ra và kết quả đầu ra					
Tiêu chí 8.1: Tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.					
281	H8.08.01.01	dữ liệu quản lý người học			
282	H8.08.01.02	quyết định công nhận tốt nghiệp	Tập quyết định	Trường Đại học Intracom	
283	H8.08.01.03	bảng thống kê số lượng người học trúng tuyển, bỏ học và tốt nghiệp từ tháng 01/2021 đến 30/9/2026			
Tiêu chí 8.2: Tỷ lệ việc làm bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học tập nâng cao trình độ của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.					
284	H8.08.02.01	Quy trình khảo sát việc làm người học tốt nghiệp			

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
285	H8.08.02.02	cơ sở dữ liệu việc làm và cựu người học			
286	H8.08.02.03	bảng số liệu việc làm của người học tốt nghiệp			
Tiêu chí 8.3: Hoạt động nghiên cứu khoa học và sản phẩm sáng tạo, sáng chế của người học, giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.					
287	H8.08.03.01	cơ sở dữ liệu đề tài và công bố	https://giangvien.intracomuni.edu.vn/login.html	Trường Đại học Intracom	
288	H8.08.03.02	danh mục sản phẩm nghiên cứu, sáng tạo và hồ sơ xuất bản			
289	H8.08.03.03	Số liệu NCKH Khoa Kinh tế giai đoạn 2021–2026	Bảng thống kê kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học và công bố học thuật khoa kinh tế (giai đoạn 2021 – 2026) ngày 09 tháng 09 năm 2026	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Chu Văn An	
290	H8.08.03.04	hồ sơ hội thảo và hoạt động học thuật của Khoa	Tập biên bản	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Chu Văn An	
Tiêu chí 8.4: Dữ liệu về mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác lập và giám sát để cải tiến chất lượng.					
291	H8.08.04.01	Báo cáo phân tích mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra ngày 28/8/2025	Ngày 28/08/2025	Khoa Kinh tế - Trường ĐH Chu Văn An	
292	H8.08.04.02	Ma trận PLO/PPC – CĐR học phần – I/P/M – đánh giá	Số 299/QĐ-ĐHI ngày 25 tháng 06 năm 2026	Trường Đại học Intracom (Khoa Kinh tế)	
293	H8.08.04.03	kế hoạch và báo cáo đo lường chuẩn đầu ra			
294	H8.08.04.04	hồ sơ rà soát, cải tiến CTĐT			
Tiêu chí 8.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.					
295	H8.08.05.01	Quy định thu thập và xử lý thông tin phản hồi các bên liên quan	QĐ số 225.Q ngày 28.5.2026	Trường Đại học Intracom	
296	H8.08.05.02	kế hoạch và phiếu khảo sát	61/KH-ĐHI ngày 11 tháng 3 năm 2026	Trường Đại học Intracom	

4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT

Tên CTĐT: Quản lý kinh tế trình độ thạc sỹ

Mã CTĐT: 8340410

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn			
	K	Đ	Số tiêu chí K	Tỷ lệ số tiêu chí K (%)	Số tiêu chí Đ	Tỷ lệ số tiêu chí Đ (%)
Tiêu chuẩn 1			0	0%	6	100%
Tiêu chí 1.1		x				
Tiêu chí 1.2		x				
Tiêu chí 1.3		x				
Tiêu chí 1.4		x				
Tiêu chí 1.5		x				
Tiêu chí 1.6		x				
Tiêu chuẩn 2			0	0%	7	100%
Tiêu chí 2.1		x				
Tiêu chí 2.2		x				
Tiêu chí 2.3		x				
Tiêu chí 2.4		x				
Tiêu chí 2.5		x				
Tiêu chí 2.6		x				
Tiêu chí 2.7		x				
Tiêu chuẩn 3			0	0%	5	100%
Tiêu chí 3.1		x				
Tiêu chí 3.2		x				
Tiêu chí 3.3		x				
Tiêu chí 3.4		x				
Tiêu chí 3.5		x				
Tiêu chuẩn 4			0	0%	7	100%
Tiêu chí 4.1		x				
Tiêu chí 4.2		x				
Tiêu chí 4.3		x				
Tiêu chí 4.4		x				
Tiêu chí 4.5		x				
Tiêu chí 4.6		x				

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn			
	K	Đ	Số tiêu chí K	Tỷ lệ số tiêu chí K (%)	Số tiêu chí Đ	Tỷ lệ số tiêu chí Đ (%)
Tiêu chí 4.7		x				
Tiêu chuẩn 5			0	0%	8	100%
Tiêu chí 5.1		x				
Tiêu chí 5.2		x				
Tiêu chí 5.3		x				
Tiêu chí 5.4		x				
Tiêu chí 5.5		x				
Tiêu chí 5.6		x				
Tiêu chí 5.7		x				
Tiêu chí 5.8		x				
Tiêu chuẩn 6			0	0%	6	100%
Tiêu chí 6.1		x				
Tiêu chí 6.2		x				
Tiêu chí 6.3		x				
Tiêu chí 6.4		x				
Tiêu chí 6.5		x				
Tiêu chí 6.6		x				
Tiêu chuẩn 7			0	0%	8	100%
Tiêu chí 7.1		x				
Tiêu chí 7.2		x				
Tiêu chí 7.3		x				
Tiêu chí 7.4		x				
Tiêu chí 7.5		x				
Tiêu chí 7.6		x				
Tiêu chí 7.7		x				
Tiêu chí 7.8		x				
Tiêu chuẩn 8			0	0%	5	100%
Tiêu chí 8.1		x				
Tiêu chí 8.2		x				
Tiêu chí 8.3		x				
Tiêu chí 8.4		x				

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn			
	K	Đ	Số tiêu chí K	Tỷ lệ số tiêu chí K (%)	Số tiêu chí Đ	Tỷ lệ số tiêu chí Đ (%)
Tiêu chí 8.5		x				

* *Ghi chú:* - Tích (X) vào mức đánh giá cho từng tiêu chí.

- Không đạt: K; Đạt: Đ;

Tự đánh giá CTĐT: CTĐT có 100% tiêu chí Đạt

....., ngày tháng năm 20....

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)